

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này chúng tôi đã nhận đ- ợc sự giúp đỡ tận tình của cán bộ, nhân dân, Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Tân Lạc, Sở Văn hóa- Thể thao & Du lịch tỉnh Hòa Bình, các thầy giáo, cô giáo Tr- ờng Đại học dân lập Hải Phòng và TS. Trần Bình. Nhân đây chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả.

Vì khả năng của chúng tôi còn rất hạn chế nên khóa luận này chắc chắn còn có nhiều sai sót, thiếu sót. Chúng tôi mong nhận đ- ợc những ý kiến đóng góp chân tình, quý báu.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Trần Thị Nhung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài.....
2. Mục đích nghiên cứu.....
3. Đối tượng nghiên cứu.....
4. Phạm vi nghiên cứu.....
5. Phương pháp nghiên cứu.....
6. Nội dung và bố cục của khoá luận.....

Chương 1

VĂN HÓA TỘC NGƯỜI TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁI QUÁT VỀ VĂN HÓA MƯỜNG Ở MƯỜNG BI

- 1.1 . Văn hóa tộc người trong phát triển du lịch.....
 - 1.1.1. *Khái niệm “ Du lịch”*.....
 - 1.1.2. *Khái niệm “ văn hóa”*.....
 - 1.1.3. *Văn hóa tộc người*.....
- 1.2. *Khái quát về văn hóa Mường ở Mường Bi*
 - 1.2.1. *Đặc điểm tự nhiên ở Tân Lạc*
 - 1.2.2. *Đặc điểm xã hội ở Tân Lạc*.....
 - 1.2.3. *Khái quát về người Mường ở Mường Bi (Tân Lạc, Hòa Bình)*

Chương 2

LỄ HỘI KHAI HẠ CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở MƯỜNG BI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NÓ HIỆN NAY

- 2.1. Miếu thờ thần và truyền thuyết về vị thần đ- ọc thờ cúng
- 2.2. Nội dung của lễ hội.....
 - 2.2.1. *Nguồn gốc, tên gọi của lễ hội*.....
 - 2.2.2. *Thời gian, không gian diễn ra lễ hội*.....

2.2.3. Quá trình chuẩn bị cho lễ hội.....	
2.2.3.1. Chuẩn bị về lễ vật.....	
2.2.3.2. Lựa chọn, phân công nhân sự.....	
2.3.3.3. Chuẩn bị về trang phục.....	
2.3.3.4. Các công việc chuẩn bị khác	
2.3. Diễn trình lễ hội Khai Hạ truyền thống.....	
2.3.1. Cúng tế trong lễ hội.....	
2.3.2. Các trò chơi, trò diễn trong lễ hội.....	
2.4. Những thay đổi của lễ hội Khai Hạ ở M- òng Bi hiện nay.....	
2.4.1. Cúng tế trọng lễ hội hiện nay	
2.4.2. Các trò chơi, trò diễn trong lễ hội hiện nay.....	

Ch- ong 3

LỄ HỘI KHAI HẠ Ở M ÒNG BI

VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TÂN LẠC, HÒA BÌNH

3.1. Các giá trị văn hóa, lịch sử của lễ hội Khai Hạ ở M- òng Bi.....	
3.2. Tiềm năng du lịch của lễ hội Khai Hạ ở M- òng Bi.....	
3.2.1. Ưu thế về vị trí địa lí, môi tr òng tự nhiên	
3.2.2. Ưu thế về môi tr òng xã hội, nhân văn.....	
3.3. Giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch.....	
3.3.1. Những tiên đề để định h òng phát triển du lịch.....	
3.3.2. Giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch.....	
3.4. Một số ý t- ờng xây dựng tuor du lịch ở M- òng Bi.....	
3.4.1. Tour du lịch nội vùng.....	
3.4.2. Tour du lịch ngoại vùng.....	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay du lịch là một ngành kinh tế có thu nhập cao và có tốc độ tăng trưởng nhanh. Nó đã trở thành nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống con người. Đối với nhiều nước, du lịch là ngành kinh tế chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong cơ cấu kinh tế quốc gia. Với Việt Nam, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển du lịch đã được xác định là khâu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của đất nước.

Hiện nay du lịch tới các vùng dân tộc thiểu số (*Ethnic tourism*) đang được quan tâm như một chiến lược để phát triển du lịch quốc gia. Ở Việt Nam, điều này lại là một lợi thế của hoạt động du lịch. Bởi Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, chúng ta có tới 54 dân tộc anh em, trong đó có 53 dân tộc thiểu số. Mỗi dân tộc có một bản sắc văn hóa riêng, điều đó tạo ra sự phong phú và đa dạng cho nền văn hóa chung của đất nước. Bản sắc văn hóa dân tộc được phản ánh ở phong tục tập quán, ở lễ nghi tôn giáo, ở văn hóa nghệ thuật dân gian và tín ngưỡng. Riêng đối với hoạt động tín ngưỡng biểu hiện đậm đặc nhất của văn hóa tộc người chính là ở các lễ hội truyền thống.

Dân tộc Mường là một trong 53 dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Người Mường có nền văn hóa lịch sử lâu đời. Mặc dù đời sống kinh tế nói chung còn thấp, nhưng bản sắc văn hóa tộc người của họ lại rất phong phú, đa dạng. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch ở vùng Mường Việt Nam. Hiện nay, do tác động *mở cửa, đổi mới và kinh tế thị trường*,... các yếu tố truyền thống của lễ hội đang biến đổi và mai một nhanh. Tình trạng của lễ hội Khai Hạ của người Mường ở Mường Bi (Tân Lạc, Hòa Bình) cũng tương tự. Vì thế việc nghiên cứu tìm hiểu, xác định các giá trị văn hóa, cũng như cách thức tổ

chức lễ hội, giữ gìn và bảo tồn những giá trị văn hóa của nó là cần thiết. Muốn làm được điều đó buộc chúng ta phải tìm hiểu, điều tra, nghiên cứu lễ hội. Bởi thế, nghiên cứu lễ hội Khai Hạ đã và đang trở thành cấp thiết hiện nay.

Là sinh viên theo học ngành Văn hóa du lịch, tôi tự nhận thấy mình có trách nhiệm tìm hiểu, nghiên cứu những giá trị văn hóa đó, một mặt để trau dồi những kiến thức cơ bản về văn hóa của các tộc người, mặt khác để khai thác các giá trị văn hóa phục vụ du lịch, đưa du khách đi tìm hiểu và khám phá những nét đẹp văn hóa của cộng đồng người Mường ở Việt Nam. Trong đó có sinh hoạt lễ hội truyền thống của họ.

Với những lý do trên chúng tôi mạnh dạn chọn *Lễ hội Khai Hạ của người Mường ở Mường Bi với việc phát triển du lịch ở Tân Lạc, Hòa Bình* làm đề tài cho Khóa luận tốt nghiệp cử nhân ngành Văn hóa du lịch của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu các đặc điểm của Lễ hội Khai hạ truyền thống ở Mường Bi
- Tìm hiểu những biến đổi hiện nay của Lễ hội Khai Hạ ở Mường Bi
- Đề xuất đánh giá tiềm năng du lịch, tìm kiếm giải pháp bảo tồn, khai thác lễ hội phục vụ phát triển du lịch ở Tân Lạc, Hòa Bình.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu chính của khóa luận là Lễ hội Khai Hạ của người Mường ở Mường Bi, trong bối cảnh văn hóa tộc người của họ.

- Bởi khuôn khổ của một Khóa luận tốt nghiệp cử nhân và điều kiện thời gian, vật chất hạn chế,... chúng tôi chỉ nghiên cứu lễ hội Khai Hạ ở Mường Bi (cụ thể là ở Phong Phú, Tân Lạc, Hòa Bình) và cũng chỉ tìm hiểu nó trong khoảng thời gian trước 1986 (thời điểm thực hiện mở cửa, đổi mới) đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khoá luận đ- ọc hoàn thành trên cơ sở tuân thủ tuyệt đối ph- ơng pháp luận Mác- Lênin và t- t- ởng Hồ Chí Minh. Các vấn đề nghiên cứu của khoá luận đ- ọc nhìn nhận, phân tích và lý giải theo quan điểm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo đó, chúng tôi nghiên cứu, tìm hiểu lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi trong bối cảnh chung của văn hóa M- ờng Bi. Ở đó chúng có các mối t- ơng tác, quan hệ chông chéo với nhau, thành tố này là tác nhân và cũng là kết quả tác động của thành tố kia; cái này biến đổi cái kia cũng phải thay đổi để thích ứng; Các điều kiện tự nhiên, xã hội, nhân văn thay đổi buộc các thành tố văn hóa và văn hóa tộc ng- ời M- ờng cũng phải thay đổi thích ứng;...

Ph- ơng pháp chủ đạo đ- ọc sử dụng trong quá trình điều tra, nghiên cứu hoàn thành khóa luận là Điền dã Dân tộc học, với các kỹ thuật chủ yếu: quan sát, phỏng vấn, hồi cố, ghi chép, chụp ảnh... thông qua các đợt sinh sống dài ngày với cộng đồng ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi nhằm thu thập các dữ liệu ở thực địa.

Cũng nhằm thu thập tài liệu thực địa, ph- ơng pháp *Đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng (PRA)*, với các kỹ thuật: phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, lập biểu thời gian,...cũng đ- ọc áp dụng trong quá trình khảo sát thu thập tài liệu ở Tân Lạc, Hòa Bình.

Là một nghiên cứu điền, cho nên trong quá trình thu thập các dữ liệu định l- ợng, chúng tôi cũng sử dụng các kỹ thuật của *nghiên cứu xã hội học*, với quy mô nhỏ. Các đối t- ợng đ- ọc chọn để điều tra bao gồm: già làng, tr- ởng bản, thầy tào, thầy mo, cán bộ cơ sở, cán bộ văn hóa địa ph- ơng, một số nam nữ thanh niên tích cực và những ng- ời có uy tín trong cộng đồng.

Để bổ sung t- liệu, hỗ trợ tài liệu thu thập ở thực địa, chúng tôi đã áp dụng ph- ơng pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp, tham khảo các sách, các kết quả dự án, các tạp chí chuyên ngành, các báo cáo, thống kê của địa ph- ơng.

5. Đóng góp của khóa luận

- Giúp cho bạn đọc hiểu biết thêm về văn hoá của M- òng ở M- òng Bi, nhất là lễ hội Khai Hạ của họ

- Cung cấp nguồn t- liệu cụ thể về Lễ hội Khai Hạ và những biến đổi của nó d- ới tác động của các điều kiện tự nhiên, xã hội hiện nay

- Đề xuất một số khuyến nghị nhằm khai thác các giá trị của lễ hội Khai Hạ ở M- òng Bi phục vụ phát triển du lịch, làm cơ sở cho các dự án phát triển du lịch văn hóa ở Tân Lạc, Hòa Bình.

6. Nội dung và bố cục của khóa luận

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Phụ lục*, nội dung chính của khóa luận đ- ợc trình bày ở 3 ch- ơng:

Ch- ơng 1: *Văn hóa tộc ng- ời trong phát triển du lịch và khái quát về văn hóa M- òng ở M- òng Bi*

Ch- ơng 2: *Lễ hội Khai hạ của ng- ời M- òng ở M- òng Bi và những biến đổi của nó hiện nay*

Ch- ơng 3: *Lễ hội Khai hạ ở M- òng Bi với việc phát triển du lịch ở Tân Lạc, Hòa Bình*

CHƯƠNG 1

VĂN HOÁ TỘC NGƯỜI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH, KHÁI QUÁT VỀ VĂN HOÁ MỜ Ở MỜ Ở BI

1.1. Văn hoá tộc người trong phát triển du lịch

1.1.1. Khái niệm du lịch

Ngày nay du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế, xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở cả các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay, không chỉ có ở nước ta nhận thức về nội dung du lịch vẫn chưa thống nhất.

Do hoàn cảnh khác nhau, đối với mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau. Đúng như GS. TS. Bemeker – một chuyên gia hàng đầu về du lịch trên thế giới đã nhận định: “*Đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa [....;]*”

Theo học giả Ausher thì: *Du lịch là nghệ thuật đi chơi của các cá nhân*. Còn viện sĩ Nguyễn Khắc Viện lại quan niệm rằng: *Du lịch là sự mở rộng rộng không gian văn hoá của con người [....;]*.

Cùng chia sẻ quan niệm của nhiều học giả, nhà nghiên cứu Trần Nhuận cho rằng: *Du lịch là quá trình hoạt động của con người rời khỏi quê hương đến một nơi khác, với mục đích chủ yếu là thăm nhận những giá trị vật chất và tinh thần*

đặc sắc, độc đáo khác lạ với quê hương không nhằm mục đích sinh lời đ-ợc tính bằng đồng tiền [.....;].

Nhà kinh tế học Kalfiotis thì cho rằng: *Du lịch là sự di chuyển tạm thời của cá nhân hay tập thể từ nơi ở đến một nơi khác nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần, đạo đức do đó sáng tạo nên các hoạt động kinh tế [.....;]. .*

Khác với các quan điểm trên, các học giả biên soạn : *Bách khoa toàn th-Việt Nam* đã tách nội dung cơ bản của du lịch thành 2 phần riêng biệt. Nghĩa thứ nhất *Du lịch là một dạng nghỉ d-ỡng, tham quan tích cực của con ng-ời ngoài nơi c- trú với mục đích: nghỉ d-ỡng, giải trí, xem danh lam thắng cảnh ...[.....;].* Theo nghĩa thứ hai, *Du lịch đ-ợc coi là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt: nâng cao hiểu biết về thiên nhiên, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất n-ớc; đối với ng-ời n-ớc ngoài là tình hữu nghị với dân tộc mình ; về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn có coi là hình thức xuất khẩu hàng hoá tại chỗ [.....;].*

Nh- vậy, chúng ta có thể hiểu : *Du lịch văn hoá là loại hình du lịch mà ở đó con ng-ời đ-ợc hưởng thụ những sản phẩm văn hoá của nhân loại, của một quốc gia, một vùng hay một dân tộc[.....;].*

Ng-ời ta gọi là du lịch văn hoá khi hoạt động diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn, hoặc hoạt động du lịch đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn, ng-ợc lại với du lịch sinh thái diễn ra chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu nhu cầu về với thiên nhiên của con ng-ời .

Nếu nh- tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút du khách bởi tính truyền thống, đa dạng và độc đáo của nó . Chính vì thế, các đối t-ợng văn

hoá - tài nguyên du lịch nhân văn là cơ sở để tạo nên loại hình du lịch văn hoá vô cùng phong phú .

1.1.2. Khái niệm “ Văn hoá”

Cho đến năm 1950, các nhà nghiên cứu đã đ- a ra hơn 300 định nghĩa Văn hoá khác nhau. Năm 1970, tại Viên (áo), *Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hoá đã thống nhất :*

Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ng- ỡng, phong tục tập quán, lối sống và lao động [....; ..].

Đến năm 1994, tổ chức Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) dựa trên các quan điểm của các nhà nghiên cứu hàng đầu, đã đi đến quyết định đ- a ra định nghĩa Văn hoá. Theo đó, Văn hoá :

Đó là phức thể - tổng thể các đặc tr- ng – diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm , ... khắc hoạ nên bản sắc của một cộng đồng, gia đình, xóm, làng, vùng, miền, quốc gia, xã hội [....; ..].

Tại Việt Nam, cũng có nhiều định nghĩa khác nhau về Văn hoá. Hồ Chủ Tịch, lãnh tụ vĩ đại của Nhân dân Việt Nam, nhà văn hoá lớn của Việt Nam và của cả thế giới đã từng nói :

Vì lẽ sinh tồn cũng nh- mục đích của cuộc sống, loài ng- ời mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết , đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các ph- ơng thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo phát minh đó tức là văn hoá [....; ..].

Mỗi nhà nghiên cứu thuộc mỗi lĩnh vực khác nhau, đều có một định nghĩa về Văn hoá theo nhìn nhận của họ. Có ng- ời cho rằng Văn hoá là cái đối lập với

Tự nhiên; có ng-ời cho rằng Văn hoá là tất cả những gì do con ng-ời sáng tạo ra hoặc tất cả những cái thuộc về con ng-ời ; có ng-ời cho rằng đó là văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần của con ng-ời; có ng-ời lại cho rằng ngoài văn hoá vật chất, văn hoá tinh thần, nó còn bao gồm cả tập quán sản xuất, tập quán c- trú và tổ chức xã hội; ... Nhìn chung lại, đa số các nhà nghiên cứu Việt Nam đều thống nhất :

Văn hoá là một hệ thống hữu cơ cá giá trị vật chất và tinh thần do con ng-ời sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình thực tiễn, trong sự t-ơng tác giữa con ng-ời với môi tr-ờng tự nhiên và xã hội của mình [....; ..].

1.1.3. Khái niệm Văn hoá tộc ng-ời

Trong giới Nhân học văn hóa (Dân tộc học), cũng có nhiều định nghĩa khác nhau về Văn hoá. Các tác giả Âu – Mỹ, cũng có nhiều cách hiểu khác nhau về Văn hoá. Có ng-ời chia Văn hoá ra thành các yếu tố:

- _ *Các ph-ơng thức kiếm sống*
- _ *Cơ cấu xã hội*
- _ *Các hình thức tôn giáo*

Một số khác lại cho rằng *Văn hoá* bao gồm các yếu tố cấu thành:

- _ *Đời sống vật chất*
- _ *Đời sống tinh thần*
- _ *Các hệ thống tôn giáo.*

Theo nhóm Makarian ở Liên Xô cũ thì *Văn hoá* bao gồm tổng thể các hệ thống:

- _ *Văn hoá sản xuất*
- _ *Văn hoá đảm bảo đời sống (làng bản, nhà, ăn, mặc, ...)*
- _ *Văn hoá chuẩn mực xã hội (luật lệ, nghi lễ, phong tục, ...)*

_ Văn hoá nhận thức.

Theo các nhà Dân tộc học Việt Nam:

Văn hoá là toàn bộ cuộc sống – cả vật chất, xã hội, tinh thần của từng cộng đồng

Nh- vậy, nếu căn cứ theo cách hiểu về *văn hoá* của các nhà nghiên cứu, văn hoá tộc ng- ời, hay văn hoá dân tộc bao gồm 3 bộ phận chính cấu thành:

_ Văn hoá vật chất (gồm cả hoạt động kinh tế, tập quán c- trú, làng)

_ Văn hoá xã hội (tổ chức, cấu trúc, các quan hệ xã hội)

_ Văn hoá tinh thần .

Nh- thế rõ ràng *Văn hoá* rất đa dạng, vì nó thuộc về rất nhiều dân tộc, cộng đồng, vùng, miền, quốc gia, ... Hơn nữa, *Văn hoá* còn mang đậm dấu ấn của tự nhiên nơi chủ thể văn hoá c- trú.

Theo đa số các nhà Nhân học, *văn hoá tộc ng- ời hay văn hoá dân tộc là tổng thể các yếu tố tiếng nói, chữ viết, sinh hoạt văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần, các sắc thái tâm lý tình cảm, phong tục và lễ nghi, ... khiến ng- ời ta có thể phân biệt tộc ng- ời này với tộc ng- ời khác, dân tộc này với dân tộc khác[....; ..].*

Vì thế, *Văn hóa* tộc ng- ời hay *Văn hoá dân tộc* là cơ sở, nền tảng nảy sinh, phát triển, duy trì và củng cố ý thức tự giác tộc ng- ời. Đây là điều quan trọng số một của mỗi tộc ng- ời, mỗi dân tộc hay một quốc gia, ... Một dân tộc bị đồng hoá có nghĩa là văn hoá của dân tộc ấy không còn bản sắc đủ để phân biệt với các dân tộc khác. Dân tộc đó coi nh- bị mất văn hoá, không còn (không có) nên văn hoá dân tộc của mình. Chắc chắn, ý thức tự giác dân tộc của cộng đồng dân tộc đó cũng bị tiêu vong. Cuối cùng là về ph- ơng diện văn hoá, dân tộc đó đã tiêu vong hay biến mất .

Thực chất *Văn hoá* là một khái niệm rộng, hầu nh- không có ranh giới rõ rệt giữa Văn hoá và các khái niệm khác. Trong du lịch, các đối t- ượng văn hoá đ- ọc xem là tài nguyên đặc biệt hấp dẫn. Nói nh- vậy không có nghĩa là tất cả các sản phẩm văn hoá đều là sản phẩm du lịch văn hoá mà phải có sự chọn lọc, có điều kiện để khai thác nó, đồng thời việc khai thác cần gắn liền với công tác bảo tồn, tôn tạo theo định h- ớng phát triển bền vững. Du lịch trực tiếp khai thác các giá trị văn hoá để tạo thành các sản phẩm du lịch văn hoá đặc tr- ng mà các loại hình du lịch khác không có đ- ọc. Do đó, Pháp lệnh du lịch ban hành đã khẳng định: “ *Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mang nội dung văn hoá sâu sắc.*”

1.2. Khái quát về văn hoá M- ờng ở M- ờng Bi

1.2.1. Đặc điểm tự nhiên ở Tân Lạc

Ng- ời M- ờng ở Việt Nam có thành ngữ: “*Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động*”. Thành ngữ đó nói tới bốn cánh đồng lớn và cũng là bốn m- ờng lớn nhất của ng- ời M- ờng ở Hòa Bình và ở Việt nam. M- ờng Bi, nay thuộc huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình, là một trong bốn m- ờng lớn ở vùng M- ờng Hòa Bình x- a kia. Nếu từ ngã ba Mãn Đức (trung tâm thị trấn của huyện Tân Lạc, Hòa Bình), theo Quốc lộ 6, h- ớng Sơn La đi ng- ọc lên khoảng 5 km, sau đó rẽ tay trái, đi khoảng dăm kilômet nữa là chúng ta đến trung tâm M- ờng Bi (nay là xã Địch Giáo). Đây là một cánh đồng lớn nằm trong thung lũng ngay d- ới chân núi Ngổ Luông, đoạn bắt đầu của dãy Tr- ờng Sơn.

Hiện nay, ng- ời M- ờng Bi sống chủ yếu ở huyện Tân Lạc, Hoà Bình. Tân Lạc là huyện miền núi nằm ở phía tây nam của tỉnh Hoà Bình. Tổng diện tích đất tự nhiên là 523 km² (chiếm khoảng 11,2% tổng diện tích toàn tỉnh), dân số là

78.900 ng- ời, mật độ dân số 151 ng- ời/km². Dân số thành thị chiếm 5,6%, dân số nông thôn chiếm 94,4%

M- òng Bi (huyện Tân Lạc) có tọa độ địa lý ở vào khoảng 20° 27' 95"- 20° 35'95" vĩ độ Bắc; 105° 6'25"- 105° 23'23" kinh độ Đông. Phía Bắc M- òng Bi giáp huyện Đà Bắc (Hòa Bình); phía Nam giáp huyện Lạc Sơn (Hòa Bình); phía Đông giáp huyện Cao Phong (Hòa Bình); phía Tây giáp tỉnh Thanh Hóa.

Địa hình

Địa hình Tân Lạc khá đa dạng, độ cao trung bình so với mặt n- ớc biển từ 200-300m, nơi cao nhất là 1200m. Địa hình thấp dần về phía Đông Nam và chia làm 3 vùng.

Vùng cao gồm 5 xã: Quyết Chiến, Lũng Vãn, Nam Sơn, Bắc Sơn, Ngổ Luông. Độ cao trung bình từ 600-800m. Vùng này bị chia cắt bởi các dãy núi đá vôi, có độ dốc lớn xen giữa các thung lũng nhỏ nằm rải rác theo các dòng suối nhỏ.

Vùng giữa gồm 4 xã: Ngòi Hoa, Trung Hòa, Phú Vinh, Phú C- òng có độ cao trung bình từ 200-300m, bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi đá, đồi dốc và khe suối, xen giữa các đồi thoải và bãi bằng.

Vùng thấp gồm 14 xã còn lại và thị trấn M- òng Khến. Nằm dọc ven quốc lộ 12B và 12C, gồm hai thung lũng hẹp chạy dọc theo hai hệ thống suối chính tạo thành hai vùng lúa chính của huyện.

Khí hậu thời tiết:

M- òng Bi (Tân Lạc, Hòa Bình) có khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm phân thành hai mùa khá rõ rệt. Mùa m- a nóng ẩm và mùa khô mát lạnh, nhiệt độ trung bình hằng năm 22,9⁰C, nhiệt độ cao nhất trung bình 27,8⁰C, nhiệt độ thấp nhất trung bình 19,8⁰C. Nhiệt độ giữa các vùng có sự khác nhau, ở vùng cao nhiệt độ các tháng lạnh nhất thấp hơn vùng thấp nhất từ 2- 3⁰C và mùa đông đến sớm, kết thúc muộn.

L- ượng m- a trung bình hàng năm t- ơng đối cao, th- ờng vào khoảng trên 2.000mm. M- a tập trung các tháng từ tháng Bảy đến tháng Chín âm lịch. Mùa khô l- ượng m- a chỉ chiếm 15% l- ượng m- a cả năm. các xã vùng cao, vùng giữa l- ượng m- a hàng năm th- ờng cao hơn ở các xã vùng thấp. Trong thời gian từ tháng 11 đến tháng 3 hàng năm th- ờng xuất hiện s- ơng mù và s- ơng muối.

Đất đai

Ở Tân Lạc, trong số 52.300 ha đất tự nhiên, diện tích đồi núi chiếm tới 80,27%. Số còn lại là các loại đất: đất đỏ trên feralit (1.000 ha) , đất đỏ trên núi đá vôi (6.000 ha), đất màu trên phiến thạch tím (559 ha), đất đỏ vàng trên sa thạch (5.000 ha), ... nhìn chung, thành phần các loại đất phù hợp với yêu cầu sinh thái của các loại cây trồng khác nhau nh- : cây l- ượng thực, cây ăn quả , cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, ...

Tài nguyên n- ớc

Tân Lạc không có hệ thống các sông lớn chảy qua nh- ng có nhiều suối lớn, nhỏ và hồ chứa. Nguồn n- ớc mặt ở Tân Lạc đ- ợc hình thành chủ yếu từ 3 hệ thống suối:

_ Suối Chù, bắt nguồn từ vùng núi thuộc các xã Phú Vinh và Trung Hoà chảy qua các xã Mỹ Hoà , Quy Hậu về phía đông nam với diện tích l- u vực 350 km².

_ Suối Cái, bắt nguồn từ vùng núi xã Phú C- ờng chạy dọc theo thung lũng M- ờng Bi qua các xã Phong Phú, Do Nhân, Lỗ Sơn theo h- ớng đông nam với diện tích l- u vực 230 km².

_ Suối Hoa, bắt nguồn từ vùng núi xã Thung Nai, chảy qua các xã Ngòi Hoa rồi đổ vào sông Đà với diện tích l- u vực 230 km². Đây là nguồn cung cấp n- ớc phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp.

Nguồn nước ngầm ở Tân Lạc cũng tương đối dồi dào, có thể khai thác để phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Tài nguyên rừng

Rừng tự nhiên ở Tân Lạc có tổng diện tích 2.317.476 ha, chiếm 82,92% diện tích rừng trong tỉnh, rừng trồng có 477.273 ha, chiếm khoảng 17,08%. Trong thảm rừng ở huyện Tân Lạc có nhiều loại gỗ quý (lim, sến, táu, lát, nghiến, ...), tre, nứa, b-ong, vầu và các loại cây đặc sản có giá trị (sa nhân, mây song, cánh kiến, ...). Đa số tán rừng là hệ thống động vật với nhiều loại động vật quý hiếm (khỉ, lợn, hổ, h-ou, nai...). Đặc biệt, xã Phú Vinh có những hang động lớn, hàng năm cung cấp một lượng phân bón lớn và thực phẩm quý cho nhân dân quanh vùng.

Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản ở Tân Lạc chủ yếu là đá vôi và một số loại khoáng sản quý như: vàng, antimon, than đá.

Do địa hình hiểm trở, điều kiện giao thông ở Tân Lạc còn gặp khá nhiều khó khăn. Trước cách mạng tháng Tám, Tân Lạc gần như cô lập với bên ngoài, việc đi lại giữa các xã, các m-ờng rất hạn chế, chủ yếu bằng đ-ờng mòn, trên núi đá. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, nhất là từ ngày thành lập 1957 đến nay, trải qua mấy chục năm xây dựng và phát triển, hệ thống giao thông của huyện từng bước đ-ợc nâng cấp. Nhiều hệ thống đ-ờng giao thông huyết mạch, những con đ-ờng nối liền Ngổ Luông- Quyết Chiến- Lỗ Sơn- Lạc Sơn, ... Cùng các con đ-ờng liên xã, liên m-ờng..., đã đ-ợc mở rộng, giúp cho việc giao l-ưu kinh tế, văn hoá dễ dàng hơn. Tuy nhiên, đ-ờng giao thông ở Tân Lạc hiện nay chủ yếu là đ-ờng đất, nhiều dốc đá gập ghềnh, quanh co hiểm trở, th-ờng hay sạt lở, gây lợi về mùa m-ưa, làm cho việc đi lại, chuyên chở hàng hoá vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Với những đặc điểm tự nhiên kể trên, Tân Lạc gặp không ít khó khăn trong việc phát triển kinh tế- xã hội. Xong, chính điều kiện tự nhiên đó cũng mang lại cho Tân Lạc một môi trường thuận lợi cho việc giữ gìn, bảo tồn các yếu tố quý giá của văn hoá truyền thống.

1.2.2. Đặc điểm xã hội ở Tân Lạc

Theo số liệu thống kê năm 2002, huyện Tân Lạc có 23 xã: Quyết Chiến, Nam Sơn, Bắc Sơn, Ngổ Luông, Lũng Vân, Ngòi Hoa, Trung Hòa, Phú Vinh, Phú Cường, Quy Hậu, Mãn Đức, Thanh Hối, Tử Mê, Đông Lai, Ngọc Mỹ, Phong Phú, Mỹ Hòa, Địch Giáo, Tuân Lộ, Quy Mỹ, Lỗ Sơn, Do Nhân, Gia Mô, và thị trấn Mường Khến.

Trước đây, Tân Lạc thuộc huyện Lạc Thổ, Phủ Thiên Quang, đạo Thanh Bình. Cho đến khi thực dân Pháp thành lập tỉnh Mường Hòa Bình, vùng Tân Lạc nằm trong hai tổng Lạc Thiện và Lạc Nghiệp, Phủ Lạc Sơn. Thời gian này, xã Lũng Vân vẫn thuộc tỉnh Thanh Hóa. Sau cách mạng tháng Tám, tổ chức hành chính của nước ta được sắp xếp lại, theo đó tháng 8-1946, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng Hòa đã quyết định sát nhập xã Lũng Vân về châu Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 2-1-1955, ủy ban hành chính liên khu III quyết định chia xã Thạch Bi thành 9 xã: Địch Giáo, Quy Mỹ, Do Nhân, Tuân Lộ, Phong Phú, Phú Vinh, Phú Cường, Mỹ Hòa và Quyết Chiến.

Tiếp theo, ngày 15-9-1956, xã quyết Chiến được chia làm 6 xã: Ngổ Luông, Lỗ Sơn, Gia Mô, Trí Đạo, Định Cư và Yên Phú; xã Kiến Thiết được chia thành 5 xã: Phúc Tuy, Chí Thiện, Ngọc Mỹ, Văn Sơn và Thượng Cốc.

Ngày 22-1-1957, xã Đoàn Kết được chia thành 5 xã: Đông Lai, Thanh Hối, Mãn Đức, Tử Lê, Quy Hậu; Xã Mỹ Hòa được chia thành 3 xã: Mỹ Hòa, Ngòi Hoa và Trung Hòa.

Xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh kinh tế miền núi, ngày 15-10-1957, Thủ tướng chính phủ đã quyết định chia huyện Lạc Sơn thành hai huyện: Lạc Sơn và Tân Lạc. Lúc mới thành lập, huyện Tân Lạc có 22 xã, riêng xã Ngòi Hoa của huyện Đà Bắc đến ngày 28-2-1985 mới được cắt sang huyện Tân Lạc.

Đến ngày 19-3-1988, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định thành lập thị trấn Mường Khến. Thị trấn Mường Khến được thành lập từ các xóm Chiềng và Minh Khai của xã Mãn Đức, xóm Tân Hồng của xã Quy Hậu. Như vậy, kể từ đó đến nay, địa giới hành chính của huyện Tân Lạc được ổn định với 24 đơn vị hành chính cấp xã.

Theo thống kê năm 2007, dân số của huyện Tân Lạc là 78.900 người. Mật độ dân số bình quân đạt 151 người/km². Dân số thành thị chiếm 5,6%, dân số nông thôn chiếm 94,4%.

Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, chủ yếu ở Tân Lạc là người Mường Bi, sau đó có thêm đồng bào dân tộc Kinh lên xây dựng kinh tế mới. Hiện nay, người Kinh chiếm khoảng 16% ngoài ra còn có một số dân tộc khác như: Thái, Tày, Dao, Mông chiếm khoảng 0,5%, nhiều nhất là người Mường vẫn chiếm đa số với 83,5%.

Hiện nay, Tân Lạc là một trong những huyện vùng sâu, vùng xa của tỉnh Hòa Bình. Trong khoảng 10 năm trở lại đây, Tân Lạc được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng và Nhà nước nên đời sống xã hội ở đây đã được cải thiện tương đối nhiều. Các dự án phát triển kinh tế-xã hội được triển khai khá nhiều như: trồng chè tuyết, thảo quả, su su, các dự án về phát triển bò lai, dự án Hapytap, dự án đầu tư và phát triển hạ tầng kỹ thuật (thủy nông, hệ thống cung cấp nước sạch, đường giao thông, trạm y tế, các bưu điện văn hóa xã, các trụ sở UBND xã,...). Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện có 49 trường học. Được sự quan tâm to lớn của Đảng và chính quyền, chất lượng cũng như trang thiết bị dạy học đã được nâng

cao, tình trạng học 3 ca bị xóa bỏ hoàn toàn. 100% số xã, thị trấn trong huyện hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ theo tiêu chuẩn quốc gia. Tổng số giáo viên giảng dạy có 981 ng- ời. Tuy nhiên so với yêu cầu, tình trạng thiếu giáo viên vẫn còn tồn tại, nhất là các xã vùng cao. Cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu và ch- a cập nhật.

Công tác bảo vệ sức khỏe, phòng chống bệnh dịch và thực hiện các ch- ong trình phòng chống sốt rét, b- ầu cổ, viêm gan B, phòng chống lao, chống suy dinh d- ỡng trẻ em,... đã đạt đ- ợc nhiều kết quả. Tính đến năm 2007 cả huyện đã xây dựng đ- ợc 25 trạm y tế với tổng số 146 gi- ờng bệnh. Số cán bộ y tế có 184 ng- ời, đạt bình quân 1,2 bác sỹ/vạn dân.

Nắm bắt đ- ợc những tiềm năng cũng nh- nguồn lực phong phú của Tân Lạc, các dự án hợp tác Việt Nam- Thụy Điển, Việt Nam- Nhật Bản cũng đã đ- ợc thực thi ở đây và đạt kết quả tốt.

Cùng với các dự án phát triển kinh tế, công cuộc vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới cũng đ- ợc triển khai và thu đ- ợc nhiều thắng lợi đáng kể. Các ch- ong trình kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em, xây dựng các hành lang văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội,... đều thu đ- ợc nhiều kết quả khả quan.

Đời sống tinh thần của ng- ời dân nơi đây rất phong phú từ nghệ thuật dân gian đến phong tục tập quán, trong sinh hoạt cũng nh- tín ng- ỡng tôn giáo. Ng- ời dân nơi đây theo tín ng- ỡng đa thần xuất phát từ thời x- a khi con ng- ời sống còn phụ thuộc nhiều vào tự nhiên nên họ sợ tất cả các hiện t- ợng tự nhiên từ mây, m- a, sấm, chớp...họ nghĩ rằng tất cả đều có thần linh hay đáng siêu nhân cai quản. Vì vậy họ thờ cúng tất cả mong đ- ợc cuộc sống yên bình và đ- ợc phù hộ...là c- dân nông nghiệp nên hàng năm họ tổ chức một số lễ nghi nông nghiệp cúng thần m- a thần gió... để cầu mong một năm mới m- a thuận gió hòa, cầu

mùa màng bội thu, cầu sức khỏe cho mọi người và cầu sinh sôi nảy nở. Hiện nay dưới sự lãnh đạo của đảng ủy, ủy ban nhân dân huyện Tân Lạc, các dân tộc trong huyện đều sống đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển.

Trải qua bao thăng trầm biến cố của lịch sử, người Mường Bi vẫn giữ được nhiều lễ hội văn hóa của dân tộc mình mà tiêu biểu là lễ hội Khai Hạ được tổ chức tại khu vực sân vận động xã Phong Phú và miếu thờ xóm Lũy. Hiện nay, trong vùng Mường Bi (huyện Tân Lạc) vẫn còn lưu giữ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa có giá trị: *Di tích khảo cổ Hang Muối, thị trấn Mường Bi; Di tích khảo cổ Hang Bàng, xã Ngòi Hoa; Di tích thắng cảnh động Mường Chiêng, thị trấn Mường Khén; Di tích thắng cảnh động Hoa Tiên, xã Ngòi Hoa; Di tích khảo cổ hang Ma Ươi, xã Định Giáo; Di tích khảo cổ hang Ma Ươi, thị trấn Mường Khén; Khu mộ cổ Tống Bay-xóm ải; Làng văn hóa xóm Lũy, xóm ải; ...*

1.2.3. Khái quát về người Mường ở Mường Bi (Tân Lạc, Hòa Bình)

Đất nước Việt Nam ngày nay là một dải bán đảo chạy dài theo bờ cong khúc khuỷu từ Bắc xuống Nam, uốn mình ven biển Đông. Phía Tây và phía Bắc gồm những vùng biên giới với núi non trùng điệp; phía Đông và phía Nam sóng vỗ quanh năm... Ngay từ trước công nguyên, trước cả khi có nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, vùng lãnh thổ này đã là nơi gặp gỡ giữa các luồng di dân vậy mà nơi đây đã diễn ra một sự giao thoa văn hóa và tộc người rất phức tạp. Câu ca dao xưa của người Việt thường nói rằng:

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn ...

đã soi tỏ dấu ấn về sự giao thoa này trong buổi bình minh của lịch sử.

Và trên nền cảnh ấy, đất nước ta nay là nơi phân bố của 54 dân tộc anh em bao gồm trên 170 nhóm địa phương. Tất cả có chung một cách mưu sinh là làm nông nghiệp và chung một huyền thoại về “Quả bầu mẹ” hay “Bọc trăm trứng”.

Các dân tộc đều nằm trong 5 ngữ hệ: Nam Á (gồm các nhóm: Việt- M- ờng, Tày- Thái, Hmông- Dao, Môn - Khơme, Ca Đai), Hán- Tạng (gồm các nhóm: Tạng- Miến, Hán), Malay Polinesien, ... đã tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc màu.

M- ờng là tên gọi phổ biến và là tên gọi chính thức trong “Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam”. Cũng đã từ lâu trong lịch sử, các dân tộc sống cận c- và xen kẽ đều gọi họ là ng- ời M- ờng. Các nhà ngôn ngữ học xếp ng- ời M- ờng vào nhóm các dân tộc có tiếng nói thuộc ngôn ngữ Việt- M- ờng (Việt, M- ờng, Thổ và Chứt). Tuy vậy, một số nhóm địa ph- ơng còn có tên tự gọi là: Mon, Moi và Ao Tá. Cùng với ng- ời Việt (Kinh), cộng đồng ng- ời Việt- M- ờng thuộc khối c- dân Lạc- Việt cổ có mặt sớm nhất ở Việt Nam. Trong quá trình phát triển, do những điều kiện lịch sử nhất định, vào khoảng thế kỉ IX- X, cộng đồng Việt- M- ờng cổ đã tách ra thành hai tộc ng- ời riêng biệt nh- ngày nay.

Cái tên M- ờng Bi có từ bao giờ, ai đặt tên, đến nay già làng chẳng ai còn nhớ thật rõ. Chỉ biết rằng nơi đây là mảnh đất có bề dày lịch sử phát triển cùng với nền văn minh Việt Cổ. Các nhà khảo cổ học đã tiến hành khai quật nhiều di chỉ hang động ở: hang Chiềng Khến (xã Mãn Đức), hang M- ờng Chuông (xã Mỹ Hòa), hang M- ờng Khang (xã Quy Hậu), hang Trâu (xã Địch Giáo) và tìm thấy nhiều công cụ bằng đá hình tháp, hình bầu dục. Ngoài các loại công cụ nh- hòn ghè, rìu còn tìm thấy một số di vật bằng x- ơng: x- ơng voi, x- ơng tê giác, x- ơng ng- ời. Các hiện vật đ- ợc khai quật đã chứng minh rằng: từ xa x- a ng- ời M- ờng đã sinh sống trên mảnh đất Tân Lạc.

D- ời thời phong kiến, ng- ời M- ờng chịu sự thống trị của các chế độ lang đạo hà khắc. Lang có quyền lực tuyệt đối về mọi mặt (kinh tế, chính trị), còn ng- ời nông dân phải phục tìng chịu sự chi phối của các lang. Chế độ lang đạo cũng củng cố quyền lợi của mình bằng nhiều thứ thuế, áp đặt những tục lệ ngặt

nghèo lên ng-ời dân. Lang có quyền phạt trâu, phạt ruộng, đuổi dân, thậm chí còn có thể bán dân cho lang khác. Ng-ời nông dân hầu nh- không có cả những quyền cơ bản nhất của con ng-ời, đời sống vô cùng cực khổ.

Khi thực dân Pháp chiếm đóng Hòa Bình, chúng tiếp tục sử dụng hệ thống lang đạo để cai trị và bóc lột nhân dân. Sự cấu kết giữa thực dân và phong kiến đã đặt nhân dân M-ờng Bi d-ới 2 tầng áp bức, cùng với các tệ nạn xã hội (nghiện hút, r-ợu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan) phát triển đã bản cùng hóa ng-ời nông dân.

Từ giữa những năm 1945, cơ hội giành độc lập dân tộc đã chín muồi. Nhân dân M-ờng Bi cùng với cả n-ớc đứng lên giành chính quyền, Tuy nhiên trong thời kì này, chính quyền cách mạng mới đ-ợc thành lập ở châu ly, còn phần lớn các xã ở xa trung tâm hầu nh- ch- a có. Đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, tệ nạn xã hội phát triển tràn lan. Thêm vào đó do đã tồn tại từ lâu, bọn lang đạo vẫn còn ảnh h-ởng chi phối đối với bà con nông dân M-ờng. Tr-ớc tình hình đó, Mặt trận Việt Minh châu Lạc Sơn đã đ-ợc thành lập. Mặt trận Việt Minh đã tổ chức tuyên truyền, vận động, giác ngộ nhân dân không nghe theo bọn lang đạo phản động. Nhờ thế phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân M-ờng Bi d-ới sự lãnh đạo của Đảng đ-ợc xây dựng và nhanh chóng phát triển.

Kể từ sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1954), nhiệm vụ đặt ra với nhân dân Tân Lạc là khôi phục kinh tế, củng cố chính quyền, chi viện cho chiến tr-ờng miền Nam. Trung - ơng Đảng, Đảng bộ huyện Tân Lạc đã lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các chủ tr-ơng, chính sách và đạt đ-ợc nhiều thành tựu trong cải cách dân chủ, cải cách ruộng đất và xây dựng kinh tế.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc, đã có 665 con em M-ờng Bi hi sinh trên các chiến tr-ờng, 272 th-ơng binh đã để lại một phần x-ơng máu của mình vì độc lập tự do của Tổ quốc, 7 bà mẹ đ-ợc

phong tặng và truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng, Đảng bộ và nhân dân M- òng Bi đ- ọc tặng th- ờng 2.050 huân, huy ch- ơng các loại, hàng trăm cờ luân l- u và hàng ngàn bằng khen về thành tích sản xuất, chiến đấu và xây dựng quê h- ơng.

Trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất n- ớc, nhân dân M- òng Bi vừa xây dựng, phát triển kinh tế, vừa củng cố quốc phòng an ninh. Đảng bộ Tân Lạc cũng chú trọng việc đẩy mạnh, phát triển và củng cố lòng tin của nhân dân. Công tác sản xuất luôn đ- ọc giữ vững và đạt đ- ọc một số thành tích, đời sống của nhân dân từng b- ớc đ- ọc cải thiện.

Ng- ời M- òng ở Tân Lạc đã c- trú lâu đời trên mảnh đất này, bao gồm 4 họ chính: Đinh, Quách, Hà, Bùi... thành phần dân tộc ở đây không phức tạp, đa số là ng- ời M- òng, các dân tộc khác chiếm tỉ lệ rất nhỏ.

** Tập quán m- u sinh*

Từ bao đời nay ng- ời M- òng Bi sống chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp, khai thác ruộng n- ơng để trồng trọt và chăn nuôi.

Sống ở khu vực miền núi, ng- ời M- òng Bi lấy việc trồng trọt lúa ở ruộng n- ớc và ruộng bậc thang (*nà chân quê, nà học*) làm hoạt động kinh tế chủ đạo. Họ biết tận dụng những khu vực có bề mặt t- ơng đối bằng phẳng trong thung lũng và khắp mọi nơi để làm ruộng, cho nên mặc dù không có những cánh đồng rộng lớn nh- ng ng- ời M- òng Bi cũng không thiếu đất để canh tác. Với kinh nghiệm làm thuỷ lợi đ- ọc tích lũy từ thế hệ này qua thế hệ khác, kỹ thuật canh tác lúa n- ớc của họ khá phát triển, với các công đoạn kỹ thuật: chọn giống, làm mạ, làm đất, gieo cấy, chăm bón và thu hoạch, ... Bộ công cụ canh tác lúa n- ớc truyền thống của họ gồm: cày chìa vôi, bừa răng tre, bừa răng gỗ, liềm (*nại*), dao cắt lúa (*cai nại*), cào cỏ (*guệt*), hái (*quào*), ... Kỹ thuật dẫn thuỷ nhập điền ở vùng thung lũng của họ vào loại khá phát triển. Đó là hệ thống pai (đập ngăn n- ớc),

m-ong, hạnh (các loại máng dẫn nước vào ruộng và guồng (cọn) vận hành bằng sức nước ... nhằm đưa nước lên các chân ruộng cao và đi khắp mọi nơi một cách đều đặn phục vụ cho việc trồng lúa nước.

Xưa kia ruộng chỉ cấy được một vụ, trình độ canh tác lạc hậu, không biết dùng phân bón, năng suất lúa hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Ngày nay đã làm được hai vụ lúa một năm, cơ giới hoá sản xuất được áp dụng, kỹ thuật bón phân được chú trọng, phun thuốc đúng kỹ thuật... vì thế năng suất và sản lượng lúa hàng năm tăng nhanh.

Trước đây, ruộng nước thường được trồng nhiều lúa nếp, dùng làm cây lương thực chính, làm nguyên liệu để nấu rượu cần và làm món cơm lam khá ngon. Hiện nay Miền Bắc dùng gạo tẻ trong các món ăn hàng ngày nên phần lớn các ruộng nước cũng đã trồng lúa tẻ. Tập quán trồng lúa nước thâm nhập vào tín ngưỡng của người Miền Bắc. Trong những lễ hội rửa lá lúa, lễ hội cầu mưa, lễ hội xuống đồng, lễ hội mừng cơm mới, ... cả gạo nếp và gạo tẻ được dùng đồ xôi, nấu cơm để cúng tế.

Bên cạnh việc canh tác lúa nước người Miền Bắc còn làm nương trên sườn đồi, sườn núi. Nương trong tiếng Miền Bắc gọi là *hoàng*, khác với ruộng nước, nương bao gồm những mảnh đất trên sườn đồi, núi. Nương của người Miền Bắc không bằng phẳng, không có bờ giữ nước, chủ yếu để trồng các loại hoa màu như sắn, ngô, bông và các loại rau màu khác. Những nương có vị trí thuận lợi, đất đai màu mỡ cũng được người Miền Bắc trồng lúa và được gọi là lúa cạn.

Người Miền Bắc rất thành thạo từ khâu chọn đất để làm ruộng cho đến phương thức canh tác trên các sườn đồi. Những sản phẩm thu được từ nương là nguồn rau quả quan trọng trong đời sống hàng ngày, dùng để trao đổi, buôn bán với các đồng bào dân tộc khác và nhất là sử dụng trong những lúc mất mùa lúa do hạn hán, lũ lụt.

Tr-ớc kia ng-ời M-ờng Bi th-ờng trồng quẻng canh và dùng các giống lúa cũ nên năng suất thấp. Hiện nay họ đã biết kết hợp kinh nghiệm truyền thống với tri thức hiện đại nên năng suất lúa, ngô cũng nh- hàng loạt các cây hoa màu khác đang không ngừng đ-ợc nâng cao.

Trong sản xuất gia đình, chăn nuôi cũng là nguồn thu nhập đáng kể. Ngoài các con vật truyền thống nh- trâu, bò, gà, lợn, ngày nay nhiều hộ gia đình M-ờng Bi đã biết nuôi các con vật mới nh- : dê, bò lai, bò sữa, ong ... họ biết vận dụng những cây cỏ tự nhiên để kết hợp cả thả rông cũng nh- nuôi trong trang trại.

Mặc dù nghề thủ công gia đình của ng-ời M-ờng Bi t-ong đổi phát triển, nh-ng nó cũng chỉ là hoạt động kinh tế phụ trợ. Sản phẩm thủ công của họ chủ yếu phục vụ cho trông trọt và nhu cầu tiêu dùng gia đình. Đáng chú ý nhất phải kể đến đan lát, dệt, may, rèn, mộc ... Sản phẩm đan lát của họ gồm: sọt (*choáng*), bồ (*trò ổ*), mâm (*bàn hẻ*), các loại nong, nia, mẹt, rỏ, rá, các loại công cụ đánh bắt thủy sản: vợt (*kha*), đó (*ngọ*), rọ (*xoong*), chài, vó ... họ có truyền thống dùng bông và tơ tằm làm nguyên liệu chế sợi, dệt vải. Nguyên liệu chế màu nhuộm của họ chủ yếu là chàm (*hóm*), vỏ phang, hem, pui và cây vang ...Bộ công cụ chế sợi dệt truyền thống của họ gồm: cán bông, bạt bông (*cung pôông*), guồng cuộn sợi (*xa*) và khung dệt (*tr-ờng phại*). Sản phẩm dệt của ng-ời M-ờng Bi gồm hai loại: vải mộc và vải dệt hoa (*thổ cẩm*). Trong đó không thể không kể đến loại vải hoa, đ-ợc trang trí các kiểu đồ hoạ đặc biệt, dùng để cặp váy của họ.

Hái l-ợm và đánh cá với các sản phẩm thu đ-ợc gồm các loại lâm, thổ sản, rau, măng, hoa quả, ốc, cá ... là nguồn cung cấp thức ăn quan trọng cho bữa ăn hàng ngày. Cùng với hái l-ợm, tr-ớc kia hoạt động săn bắn cũng chiếm vị trí khá quan trọng trong đời sống ng-ời M-ờng Bi. Sống và gắn bó với rừng, trẻ em M-ờng Bi ngay từ nhỏ đã biết vào rừng đặt bẫy, dùng nỏ, cung tên để săn bắt

chim, sóc, chuột, gà rừng ... đây vừa là loại hình kinh tế, vừa mang tính chất thể thao, nh- ng hiện nay môi tr- ờng tự nhiên đã thay đổi nên hoạt động này đã giảm, nh- ờng chỗ cho sản xuất.

Ngoài các hoạt động m- u sinh kể trên, hiện nay ng- ời M- ờng Bi lại có thêm nguồn thu nhập mới từ việc trồng tre, làm nan màn, thu hoạch mo nang b- ơng ...

- ***Đặc điểm về văn hoá vật chất***

Nhà ở:

Từ x- a đến nay, nhà ở vẫn là một nhu cầu thiết yếu của con ng- ời. Do những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh xã hội và tình trạng kinh tế đã tạo nên những kiểu nhà ở khác nhau. Ng- ời M- ờng từ bao đời vẫn duy trì ngôi nhà sàn. Đây là nét độc đáo riêng trong văn hoá ở của ng- ời M- ờng nói chung và ng- ời M- ờng Bi nói riêng.

Tr- ớc cách mạng Tháng Tám, ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi ở nhà sàn. Nhà sàn của họ nếu nhìn thoáng qua bên ngoài, không khác gì nhà sàn của ng- ời Tày, ng- ời Thái, nh- ng nhỏ bé và xây cất đơn giản, mộc mạc hơn. X- a kia nhà của họ đều đ- ợc làm bằng gỗ, tre, nứa, lợp bằng cỏ tranh hay lá cọ. Ngôi nhà cổ x- a th- ờng chôn cột xuống đất, nay chân cột đều kê tảng. Thiết kế nhà truyền thống của họ theo kiểu vì kèo, liên kết chủ yếu là buộc, gá hoặc dùng ngoãm; có một hoặc ba gian chính, hai chái, hai mái chính hình thang cân và phẳng, hai mái đầu hồi nhỏ và thấp hơn hai mái chính. Theo những nghiên cứu của J. Cuisinier và P. Grossin, vào những năm đầu tiên của thế kỷ XX, ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi vẫn ở trong các ngôi nhà có mái khum khum giống nh- mai rùa⁽¹⁾. Trong xã hội cũ những ngôi nhà M- ờng th- ờng nhỏ và thấp, vách làm bằng phen nứa, mái chùm gân hết cửa sổ. Theo tập quán, cửa sổ th- ờng đ- ợc thiết kế ở đầu hồi và vách phía

⁽¹⁾ Jeanne Cuisinier. *Ng- ời M- ờng (Địa lý nhân văn và xã hội học)*, NXB. Lao Động, Hà Nội, 1995. tr. 138-139.

sau. Đấng l- u ý, cửa sổ ở phía thờ tổ tiên (*voóng tông*) rất linh thiêng. Đó chính là cửa của những ng- ời quá cố, khi làm ma họ đ- a quan tài qua lối này; th- ờng ngày họ kiêng đ- a đồ vật và ngòì dựa vào cửa sổ đó. Phía hai đầu hồi ng- ời ta đặt hai cầu thang lên, xuống, có số bậc lẻ, bằng gỗ hoặc tre, cầu thang bên ngoài dành cho nam giới, cầu thang bên trong (phía bếp nấu ăn) dành cho nữ giới. Cách bố trí nơi ăn ở trong nhà của họ t- ơng đối thống nhất. Nửa phía trên sàn nhà th- ờng dùng để làm nơi ngủ, nghỉ, nửa phía d- ới (phía đặt cầu thang) đặt bếp nấu ăn, là nơi sinh hoạt, ăn uống của cả gia đình. Nếu tính theo chiều ngang sàn nhà, phần phía bên phải (từ cầu thang nhìn vào) dành cho nam giới, phần bên trái có bếp nấu ăn và là khu vực của phụ nữ. Bên ngoài sàn nhà, liền với phần dành cho phụ nữ là sàn để phơi phóng và để n- ớc ăn.

Trong tổ hợp kiến trúc nhà ở truyền thống của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi, chiếc lều nhỏ để thờ thổ thần giữ vai trò rất quan trọng. Nó đ- ợc dựng ở d- ới v- ờn, đối diện với mặt tiền ngôi nhà, hơi lệch một chút so với cửa ra vào chính và nơi đặt bàn thờ tổ tiên trong nhà. Tuy thế, việc dựng lều thờ thổ thần, đối với ng- ời M- ờng, không phải bất cứ địa ph- ơng nào cũng có.

X- a kia gồm sàn nhà ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi th- ờng đ- ợc dùng phần lớn làm nơi nhốt trâu, bò, lợn và các loại gia cầm khác. Phần còn lại là nơi đặt các loại cối giã, để nông cụ, và các đồ dùng khác. Xung quanh khuôn viên c- trú của họ th- ờng bao bọc bằng hàng rào tre, nứa hoặc các loại cây gai (dứa, x- ơng rông, găng,...), có cổng ra vào. Trong khuôn viên c- trú của ng- ời M- ờng, ngoài nhà ở th- ờng là v- ờn trồng các loại cây ăn quả l- u niên, chè, mía, và các loại rau, đậu khác.

Ngày nay, làng xóm và nhà ở của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi đã thay đổi rất nhiều. Đa số các gia đình ở gần đ- ờng giao thông chính, các thị trấn, thị xã,... đều đã ở trong các ngôi nhà xây lợp ngói, hoặc mái bê tông. Tổ hợp kiến trúc nhà

ở của họ có nhiều thay đổi. Nhà ở, nhà bếp và chuồng trại gia súc đ- ợc thiết kế, xây dựng thành khu riêng biệt. Khuôn viên c- trú đều đ- ợc thu hẹp lại, đa số đ- ợc xây hàng rào bao quanh. Cổng ra vào đ- ợc xây dựng chắc chắn, có cánh và khóa cẩn thận. Làng xóm của họ cũng đ- ợc bố trí, quy hoạch lại theo quy hoạch nông thôn mới, đ- ờng đi trong làng, xóm phần lớn đã đ- ợc làm bằng bê tông, lát đá hoặc gạch. Có thể nói, so với các dân tộc khác, quá trình chuyển biến kiến trúc ngôi nhà từ nhà sàn xuống nhà đất của ng- ời M- ờng Bi mạnh hơn. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thay đổi này có lẽ là do mức độ giao l- u văn hoá giữa ng- ời M- ờng và ng- ời Việt (Kinh) rất mạnh mẽ. Thêm vào đó những tập quán liên quan đến nhà sàn của ng- ời M- ờng Bi không chặt chẽ lắm nên ít có sự gò bó ngăn cản sự chuyển biến này.

Về y phục, trang sức:

So với các tộc ng- ời khác, y phục và trang sức của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi cũng có nhiều nét độc đáo riêng biệt. Nữ phục th- ờng bảo l- u đ- ợc nhiều nét truyền thống của dân tộc hơn y phục nam giới. Một bộ y phục cổ truyền của phụ nữ M- ờng th- ờng bao gồm: khăn đội đầu (*mu*), áo cánh (*ao pǎn*), áo dài (*ao chụng*), khăn thắt áo (*đet ao*), yếm (*yem/áo báng*), váy (*kloốc*), thắt l- ng (*tênh*).

Khăn (*mu*): làm bằng tấm vải thô, màu trắng, có kích th- ớc khoảng 35cm x 150-160cm. Khi đội trên đầu họ th- ờng dùng hai góc thắt lại phía sau gáy.

Áo ngắn (*ao pǎn*): đây là chiếc áo cánh ngắn nhất trong số các loại áo của phụ nữ các tộc ng- ời ở Việt Nam. Nó có chiều dài chỉ ngắn đến phía trên eo ng- ời mặc. Khi mang y phục phía d- ới áo cánh là phần của cặp váy (20cm), sau đó mới đến váy (từ eo trở xuống). áo cánh của phụ nữ M- ờng th- ờng may bằng vải có màu trắng, xanh xí lām, hoặc màu hồng; không chiết eo, có 4 thân, 2 thân sau ghép liền nhau, giữa l- ng có sống áo, hai thân tr- ớc có nẹp kéo liền từ cổ xuống mép d- ới gấu áo. Giống nh- áo cánh phụ nữ ng- ời Việt, áo cánh phụ nữ

M- òng có cổ tròn có viền đứng cao chừng 2,5-3cm, và cũng thuộc loại áo có tay dài. Tuy mở chính giữa ngực, nh- ng áo cánh phụ nữ M- òng ở M- òng Bi không có khuy cài, khi mặc họ chỉ khoác ra ngoài yếm, có thể chòem ra ngoài cặp váy một chút.

Áo dài (*áo chùng*), của phụ nữ M- òng ở M- òng Bi th- òng mặc chòm bên ngoài trong các dịp lễ tết, hội hè. Đây là loại áo đ- ợc may theo kiểu chiết eo, mở phía tr- ớc, không có khuy cài, mép d- ới hai vạt tr- ớc và vạt sau l- ợn hình e líp. Loại áo chùng này th- òng dài gần tới gối, cổ đ- ợc thiết kế nh- nẹp vải rộng chừng 5 cm quấn quanh cổ và chồng lên nhau ở phía tr- ớc (giống kiểu cổ áo *kimônô* của ng- ời Nhật). Khi có lễ hội phụ nữ M- òng ở M- òng Bi mặc áo chùng đen trong cùng, bên ngoài khoác áo chùng trắng và ngoài cùng là áo chùng màu đỏ, hoặc áo chùng may bằng gấm (vải có hoa văn dệt).

Khăn thắt áo (*đet áo*), bằng đũi (tơ tầm thô) hoặc vải sợi màu vàng, dài khoảng một sải tay. Phụ nữ M- òng ở M- òng Bi th- òng thắt *đet áo* ở trên hông, phía bên ngoài áo dài để cố định hai nẹp áo phía tr- ớc lại.

Yếm (*yếm, áo báng*) truyền thống của phụ nữ M- òng ở M- òng Bi gần giống nh- yếm của phụ nữ ng- ời Việt. Nó đ- ợc phụ nữ mặc để che ngực tr- ớc khi mặc các loại áo khác ở ngoài. Đây thực chất là một vuông vải mộc màu trắng, góc trên cùng đ- ợc khoét tròn làm cổ có đính dây buộc, hai góc kế tiếp đính dây để khi mặc sẽ buộc lại ở phía sau l- ng, góc d- ới cùng khi mặc sẽ quấn đè cặp váy bên ngoài.

Cặp váy (*klôóc*), làm bằng vải mộc hay lụa tơ tầm, là bộ phận đặc biệt và đáng l- u ý nhất trong bộ y phục của phụ nữ M- òng ở M- òng Bi. So với bộ nữ phục của các dân tộc khác, cặp váy của phụ nữ M- òng ở M- òng Bi là yếu tố đặc tr- ng riêng biệt về văn hóa mặc của dân tộc này. Nó gồm ba băng vải có tên gọi riêng, đ- ợc may ghép với nhau: *rang trên, rang cao* và *rang d- ới*. *Rang d- ới* là

phần quan trọng nhất của cặp váy, đ- ợc dệt các mô típ hoa văn hình động vật, với nhiều màu sắc: nh- ùa, rồng (*xông*), ph- ợng (*ph- ong*), chim lạc, cá, rắn (*thanh*),... có nhiều nét t- ợng tự nh- hoa văn trên mặt trống đồng Đông Sơn. *Rang trên* và *rang cao* là hai băng vải đ- ợc trang trí hoa văn hình học đơn giản. Cặp váy của phụ nữ M- ờng Bi trong các gia đình khá giả x- a kia làm bằng lụa tơ tằm, là loại cặp váy đẹp nhất (*klôóc buồn*).

Thắt l- ng (*tênh*), làm bằng vải, lụa tơ tằm, màu xanh lục hoặc xanh lá mạ, có chiều dài bằng một sải tay (160cm), chiều ngang bằng một khổ vải (35cm). Khi mang y phục, phụ nữ M- ờng ở M- ờng Bi th- ờng thắt dây l- ng bên ngoài váy, tằm ngang hông.

X- a kia, vào những ngày hội, ngày lễ, ngày tết,... phụ nữ M- ờng ở M- ờng Bi mặc áo chùng (*ao chùng*). Ngày c- ối cô dâu M- ờng th- ờng mặc áo chùng màu xanh, phù dâu mặc áo dài màu trắng. Cả cô dâu và phù dâu đều đội khăn trắng, đeo xà tích, vòng và nhẫn bằng bạc.

Bộ tang phục (*đồ tem*) của phụ nữ M- ờng ở M- ờng Bi bao gồm: *mũ mấn* (hình nh- chiếc phễu), áo cánh ngắn (*ao pấn*) màu trắng, váy không có cặp, thắt l- ng trắng bằng vải mộc,... Tất cả đều may theo kiểu lộn trái, sỏ gấu.

Tang phục của các nàng dâu trong đám tang bố mẹ chồng th- ờng là Váy đen mới, bên trong là áo *pấn*, áo *báng*, ngoài vận thêm áo gấm màu đỏ, có đính nhiều hạt c- ờm (*tem quạt ma*), cài khuy bên nách phải. Ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi có câu ví: *Diện nh- nàng dâu đi quạt* (đi chịu tang bố mẹ chồng). Nếu bố mẹ đẻ còn sống cả, khi chịu tang bố mẹ chồng, nàng dâu mang tang phục đầy đủ nh- trên, trừ áo *pấn* màu trắng; nếu bố mẹ đẻ đã qua đời thì mặc *đồ tem* nh- bình th- ờng.

Y phục truyền thống của nam giới ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi chủ yếu gồm áo cánh và quần, gần giống y phục truyền thống của nam giới ng- ời Việt. áo

cánh nam giới M- ờng may bằng vải mộc trắng, theo kiểu áo bà ba, bốn thân, hai thân sau ghép lại với nhau thành sống ở giữa l- ng, cổ đứng tròn cao khoảng 1,5cm, thân dài trùm hông, hai vai có miếng vải đệm hình bán nguyệt (*lá môn*). Phía d- ới hai thân tr- ớc có túi, ở ngực phía thân trái có một túi, tay áo dài. Quần truyền thống của nam giới M- ờng may bằng vải mộc trắng, hoặc nhuộm nâu hay chàm. Đũng và ống quần rộng, không may cạp, khi mặc ng- ời ta thắt dây l- ng (*tênh*) bên ngoài. Gân đây, loại quần này đ- ợc may cạp to và luôn dây rút để thắt cho chặt khi vận. Cổ x- a, nam giới ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi th- ờng để tóc dài, búi tó và quấn khăn *ba trông* trên đầu. Cũng có ng- ời quấn khăn kiểu *búi tó củ hành* (tr- ớc trán) nh- ng- ời Việt x- a kia.

Khi chịu tang nam giới M- ờng ở M- ờng Bi mặc quần, áo chùng, khăn quấn đầu may bằng vải mộc màu trắng, may theo kiểu lộn sống và sổ gấu. Con trai cả của ng- ời quá cố khi chịu tang bố mẹ phải đeo thêm một con dao. Con rể và con thứ, cháu, chất trai chỉ phải mặc đồ tem (đồ tang). Những ng- ời đến phục vụ lễ tang đều phải chít khăn tang trắng. Con trai, con gái chịu tang bố mẹ phải cắt tóc. Tr- ớc kia phải cắt trụi tóc, ngày nay chỉ cắt t- ợng tr- ng. Sau một năm con cái mới đ- ợc sửa tóc và nhuộm trang phục tang.

Trong xã hội truyền thống của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi, y phục *nhà lang* về cơ bản gần t- ợng tự nh- của th- ờng dân. Tuy thế, nếu dân th- ờng may y phục bằng vải mộc, hoặc vải th- ờng, thì *nhà lang* th- ờng may y phục bằng các loại *lĩnh, lụa, gấm vóc...* với các loại màu sắc đẹp. Mặt khác, ng- ời *nhà lang* th- ờng mang các loại trang sức bằng vàng, bạc và các loại nguyên liệu quý hiếm khác. Những ng- ời cao tuổi còn đeo ở cổ một vòng bạc. đi ngoài đ- ờng th- ờng có ô che hoặc mũ, nón.

Về ẩm thực:

Ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi x- a, nay vẫn tự hào về ẩm thực của họ, điều đó thể hiện thông qua việc truyền tụng trong xã hội những câu thành ngữ khá nổi tiếng:

Củ mài, rau sắng, măng đắng, mật ong

Hoặc: *Cơm đồ, nhà gác, n-ớc vác, lợn thui,...*

Nguyên liệu dùng để chế biến các món ăn hàng ngày của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi chủ yếu do trồng trọt, chăn nuôi của họ cung cấp. Tuy thế, x- a kia săn bắt, hái l-ợm cũng cung cấp nguồn l-ơng thực, thực phẩm khá lớn cho các bữa ăn hàng ngày của họ.

Các loại đồ ăn truyền thống chế biến từ l-ơng thực của họ gồm: cơm nếp (*cơm nếp/ cơm nếp*) đồ chín bằng chõ (*hông*); cơm tẻ (*cơm t-ởi*) x- a kia cũng đ-ọc đồ bằng *hông*, nay họ dùng xoong để nấu; củ mài (*củ nếp/củ đắng*) đồ. Ngoài làm cơm, ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi còn dùng các loại l-ơng thực chế biến các loại bánh. Đáng chú ý nhất là bánh ch-ng (*pẻng ch-ng*), loại bánh to dùng để cúng tổ tiên, các loại thân linh, *vua mỗi, vua bếp* vào dịp tết, loại nhỏ (*bánh bò, bánh trầu*) dùng để cúng vía trầu, vía các loại nông cụ; bánh *uôi* dùng trong các tang lễ; bánh *bắng* dùng trong c-ới xin; bánh chì (gần giống bánh dày của ng-ời Việt); bánh *chay* dùng trong lễ *cầu mát* hàng năm trong các gia đình, lễ *cúng vía* cho ng-ời ốm; bánh *ống* (*pẻng tông khiu*) có hình dáng t-ơng tự chiếc *bánh tà*, *bánh tét* (hình trụ), dùng trong lễ ăn hỏi (*ti nôm*), hoặc làm quà khi đi thăm thân.

Đồ ăn chế biến từ các loại thịt của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi t-ơng đối phong phú. Chế từ thịt lợn có: giò lụa (*gio lụa*) làm bằng thịt nạc, giò đầu (*gio trlóc*) làm bằng thịt mỡ, giò chân (*gio bỏi*) làm bằng thịt nạc ở chân giò, chả thịt nạc (*chả nạc*), chả lá b-ởi, chả s-ờn (*chả khành*), chả rang (*chả rang*), mọc luộc (*rác mọc*), mọc đồ (*mọc tô*),... Chế từ thịt gà có: gà luộc, gà nấu gừng, gà nấu

măng chua, gà gói lá chuối n- óng,... Chế từ thịt trâu có: trâu xào tiêu rừng, thịt và da chân trâu hầm lá lôm (lá chua) là món ăn nổi tiếng ở vùng M- ờng. Chế từ các loại thủy sản có: cua xiên que n- óng (*cua náng*) chấm với muối xả, ớt; cua luộc (*cua luộc*), ăn cùng khế chua, rau thơm, gừng; cua rán (*cua rán*); cá rán; cá n- óng (*cá náng*); cá đò (*cá óch*) ăn trong dịp tết, hoặc biểu bố vợ; ruột cá nấu rau đắng; ếch rán, nấu măng chua, băm viên gói lá lốt và rán, - ớp gia vị gói lá n- óng qua rồi mang đò; nòng nọc đò lẫn với nõi khoai môn; ốc vặn chặt đuôi, để cả vỏ nấu với lá lốt (*chố hoi nổ tắc lốt*); ốc nấu với lá môn rừng, măng chua,...

Đồ ăn chế biến từ các loại rau, măng của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi cũng không kém phong phú về chủng loại. Tr- ớc tiên phải kể tới món măng *vầu* hoặc măng *b- ong* luộc; sau đó là các món măng đắng đò (*măng mu, măng lèngh enh, măng chầu*), hỗn hợp các loại rau *pheo, móng nai, tai rề, khiu, bò, dóm, chuối, bẹ, téng tẻ, tềng gai*, lá mít non, lá sung non, lá ắn, lá đu đủ non, quả cà gai, lá sắn non,... đò chín bằng chõ (*tắc đò*); *rau éo* (rau áp bọ) luộc với măng vầu; rau sắng nấu canh,... Trên nhà sàn của ng- ời M- ờng Bi, ở khu để bát có một cái hũ to để ngâm măng chua ăn quanh năm. Món ăn đặc sản từ măng chua là món “cá óch tồ”, măng, bương, gong, xả, cá chép chặt khúc, ốc, lá chuối đò lâu rộp vảy nh- rán, khi ăn bỏ mềm bởi chín bằng hơi. Vì đ- ợc gói ba lần lá chuối nên giữ nguyên mùi thơm của gừng, xả, ... X- a nay, món cá ốc là một món để các chàng trai biểu bố mẹ vợ trong dịp tết vì nó quý hơn thịt.

Để cất trữ thực phẩm, theo tập quán cổ truyền, ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi th- ờng phơi khô (*khổ kh- a*) các loại thịt bò, thịt trâu, thịt lợn, thịt chuột và các loại măng, mộc nhĩ, nấm,... Ph- ơng pháp cất trữ khá nổi tiếng của họ là muối chua các loại thịt, cá, tiết trâu, tiết bò, măng, rau cải (muối *d- a*), làm mắm tôm tếp,...

Đồ uống nổi tiếng vùng M-ờng Bi có r-ọu trắng (*ráo chai*) và r-ọu cần (*ráo cậ /ráo khòe*). Các loại r-ọu này họ th-ờng dùng vào các dịp lễ tết, c-ới xin, ma chay hoặc thết khách. Th-ờng ngày, theo tập quán ng-ời M-ờng uống n-ớc nấu bằng lá hoặc rễ cây lấy ở trên đồi hoặc trong rừng (*cây pạng*). Hiện nay hàng ngày họ cũng uống n-ớc chè t-ới, chè khô, và các loại n-ớc giải khát có ga khác.

Cổ truyền ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi có tập quán hút thuốc Lào. Không chỉ nam giới mà phụ nữ ng-ời M-ờng cũng nghiện thuốc Lào. Điều hút thuốc Lào của họ là loại điều cây làm bằng ống b-ong, ống nứa dài tới 60-70cm, lỗ dài tới 15-20cm. Loại điều này to, dài nên khi hút phải kéo vài hơi mới đ-ợc. Phụ nữ M-ờng th-ờng hút thuốc Lào ở cạnh bếp và dùng loại điều to và dài (*tiểu khuông*). Họ hay hút theo kiểu chuyền tay nhau, dùng than hồng hoặc củi cháy dở để châm thuốc.

Cung cách ứng xử trong ăn, uống và hút của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi cũng có nhiều nét đặc biệt. Nấu n-ớng và lo bữa ăn hàng ngày trong các gia đình th-ờng là do phụ nữ đảm trách. Chế biến và chuẩn bị cỗ bàn trong các đám lớn lại do nam giới đảm nhiệm. Hàng ngày họ th-ờng ăn ba bữa, bữa phụ (*com ngày*) ăn vào buổi sáng sớm, bữa chính thứ nhất ăn vào buổi tr- a (*com tr- a*), bữa chính thứ hai ăn vào buổi tối (*com hôm*). Bình th-ờng họ ăn cơm tại gian giữa nhà, khi ăn họ dùng tay nắm cơm đ-ô, theo thói quen họ th-ờng rửa tay tr-ớc khi ăn. Khi thết khách, mâm cỗ th-ờng đặt ở *vóng tông*, ng-ời cao niên nhất trong nhà và khách sẽ ngồi gần cửa *vóng*, sau đó là ng-ời ít tuổi hơn. Theo phong tục M-ờng, khi mổ gà, *phao câu* nhất thiết phải dành cho cụ già, đ-ùi (*tỏi*) dành cho trẻ nhỏ. Khi ăn cỗ đám c-ới, đám ma,... theo tập quán M-ờng, đàn ông đàn bà không ngồi ăn chung mâm với nhau, mà ngồi thành mâm riêng. Cỗ đám c-ới bao giờ

cũng có mâm riêng dành tiếp thông gia (*tiếp khỏa*). Họ có tập quán uống r-ượu cần (*rảo cậy / rảo khòe*) sau khi ăn cỗ họ hay uống r-ượu trắng.

Đối với ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi, ăn uống cũng có một số kiêng kỵ nhất định. Ví dụ, sau khi sinh con phụ nữ không ăn các loại cá, ếch, nhái, thịt vịt, thịt trâu, trứng gà,...vì sợ bị hậu sản; nhà đang còn gạo thì kiêng ăn củ mài, vì sợ vía lúa tự ái bỏ đi; trẻ con không ăn mè, phao câu gà vịt (*côi ca, côi wít*), nếu ăn sẽ tối dạ và mồ côi cha mẹ;...

Về ph-ong tiện vận chuyển

Do địa hình đồi núi hiểm trở, nhiều dốc cao nên ph-ong tiện vận chuyển chủ yếu bằng ngựa thô và ng-ời thô. Chiếc chón, gùi là ph-ong tiện luôn gắn bó với sinh hoạt, lao động của ng-ời dân, gùi đựng ngô, khoai, lúa trong mỗi vụ thu hoạch, đựng củi, rau lợn, rau rừng mỗi khi lên n-ong về. Bên cạnh chiếc gùi là cái óp, cái dăng (giỏ đeo hông), cái khiêng (giỏ xách tay) dùng để đựng rau, củ, quả,... Quang gánh cũng là ph-ong tiện vận chuyển biểu hiện trong lao động sản xuất, chó pun (sọt) dùng để đựng phân gia súc, mạ đem ra ruộng cấy, mùa thu hoạch dùng để đựng lúa, ngô, khoai, sắn,... do nam giới gánh về. Ngày nay do cuộc sống phát triển nhiều gia đình đã mua đ-ợc xe đạp, xe máy, ... nên vận chuyển hàng hóa của bà con đã thuận tiện hơn rất nhiều.

• ***Đặc điểm về văn hóa tinh thần***

Về tín ng-ỡng

Ng-ời M-ờng Bi thờ đa thần (tổ tiên, thành hoàng, thần đất, thần núi, ...). Cũng nh- một số tộc ng-ời thiểu số khác ở Việt Nam, ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi cho rằng muôn vật trên thế gian này đều có linh hồn cả (vạn vật hữu linh/*animisme*). Phật giáo và các tôn giáo khác ảnh h-ởng tới cộng đồng ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi là không đáng kể. Chính vì có quan niệm tín ng-ỡng nh- trên mà họ cầu cúng tất cả các loại thần thánh, ma quỷ, một khi cảm thấy cần

thiết. Họ cho rằng con ng-ời chết đi cũng biến thành ma, và ma tổ tiên sẽ phù hộ đ-ợc con cháu. Vì thế thờ cúng tổ tiên (*thờ hùi, chiêm thờ, thỏm thắm,..*) có tầm quan trọng số một trong đời sống tâm linh của họ. Ngoài việc thờ cúng tổ tiên dòng bố (bố mẹ, ông bà nội, các cụ nội, các kỵ nội (*bác mạng, pố tá- mẹ dạ, pố mẹ hạm, pố mẹ h-ợu*), họ còn thờ cúng cả tổ tiên bên vợ (*pố mông, mông hạm,..*). Việc thờ cúng tổ tiên đ-ợc thực hiện ngay tại bàn thờ đặt ở *voóng tôông* trong nhà. So với ng-ời Việt (Kinh), bàn thờ tổ tiên của họ rất đơn giản, chỉ bao gồm bát nhang và một hai chiếc chén đựng n-ớc đặt trên ban thờ đan bằng tre, hoặc đóng bằng gỗ. Đối với ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi, *ngày giỗ* chính là ngày chôn cất, chứ không phải ngày bố mẹ hoặc ông bà, cụ kỵ họ qua đời. Tuy thế, việc cúng bái tổ tiên của họ diễn ra vào các ngày tết cổ truyền, vào các dịp gia đình tiến hành các nghi lễ thuộc chu kỳ vòng đời cho các thành viên, hoặc khi gia đình họ dựng nhà mới và khởi sự việc làm ăn lớn. Lễ vật cúng tổ tiên của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi nhìn chung đơn giản, thông th-ờng chỉ là cơm nếp đồ, cá n-ống, canh và thịt gà hay thịt lợn luộc. Ngoài việc thờ cúng tổ tiên, họ còn *thờ đá, cúng bí đở* (lễ lên nhà mới), *thờ cây si (chu đồng)*, *thờ mỏ m-ớc*, *thờ vật tổ dòng họ (tô tem)*, *thờ thổ thần*, *thờ các nhân vật huyền thoại*, *ng-ời anh hùng (Thánh Tản Viên, ông Tùng, ông Keo Heng, ả Lý, ả Lo, ông Chàng Vàng, ...)*.

Về hệ thống lễ hội cổ truyền của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi, đáng chú ý nhất là các lễ hội hàng năm, liên quan đến sản xuất nông nghiệp của họ. Đó là: lễ hội xuống đồng (*khuống mùa*), từ mông Bảy đến mông M-ời tháng Giêng hàng năm, mà có ng-ời còn gọi là lễ *Khai Hạ*. Ngày nay ở M-ờng Bi hàng năm vẫn tổ chức lễ hội này; *Lễ hội cầu m-a*, đánh thức ma *khú* dậy để làm m-a, lấy n-ớc cho dân làm ruộng, vào đầu tháng T- hàng năm; *Lễ hội rửa lá lúa*, vào lúc lúa mùa chuẩn bị làm đồng (tháng Bảy hoặc tháng Tám), đan sọt tre, cắm lông gà vào rồi mang đặt quanh ruộng, buộc lông gà vào đầu cọc mang cắm vào ruộng,...

cầu khẩn cho lúa trở đòng nhanh, không bị sâu bệnh; *Hội sắc bùa (séc bùa)*, gióng chiêng, đánh công chúc phúc cho các gia đình vào dịp đầu xuân mới; *Lễ hội cơm mới*, cúng tổ tiên vào tháng M-ời, sau khi thu hoạch mùa,... Ngoài các nghi lễ nông nghiệp mang tính cộng đồng cao, x- a kia ở *m- ờng Bi* còn có lễ hội *chùa Kè* vào 16 tháng Hai. Theo tập quán M- ờng, ở nhiều nơi thực hiện các nghi lễ: *nạ mụ* (cúng bà mụ) khi trẻ con đây 7 ngày tuổi, *cầu mát* khi trong xóm có hỏa hoạn, *lễ nhóm lửa* khi vào nhà mới.

Ngoài các hình thức nghi lễ cộng đồng, trong mỗi gia đình đều thờ tổ tiên, thổ công, đối với gia đình ậu còn thờ ma núi (thần khụ nhon), thần đất, thần n- ớc. Khi vợ đẻ, đàn ông M- ờng Bi không dám ra khỏi nhà hàng tuần vì sợ ma áo trắng bắt mất con. Đặc biệt ng- ời dân nơi đây kiêng săn bắt sơn d- ơng và ăn thịt quạ, rùa, dúi . Đó là những con vật đ- ợc họ coi là linh thiêng đã có công giúp đỡ con ng- ời.

Về văn nghệ dân gian

Ở M- ờng Bi có nhiều làn điệu dân ca m- ợt mà kể về sự ca của đất của trời, loài ng- ời, kinh nghiệm sản xuất, dự báo thời tiết, cách đối nhân xử thế, kể về sự tích các M- ờng, anh hùng dân tộc ...

Múa dân gian M- ờng ở M- ờng Bi cũng khá phong phú và đặc sắc. Trong đó các điệu múa đã ăn sâu vào phong cách sống của họ phải kể tới: *múa cờ (múa té cờ* trong lễ tang), *múa quạt ma* (do các nàng dâu thực hiện trong các đám tang), *múa dâng lễ vật* (do các chàng trai biểu diễn trong các đám tang), *múa mặt nạ* (do các chàng trai đeo mặt nạ hình mặt ng- ời, mặt muông thú,... biểu diễn trong các đám tang),...

Biểu diễn *công chiêng* là hoạt động biểu diễn dân gian đặc biệt nhất ở vùng M- ờng Bi. Họ có thể đánh *công chiêng* trong các đám r- ớc (đón dâu, r- ớc cơm

mới, r-óc thân n-óc,...), hoặc đánh *công chiêng* trong các cuộc tế lễ, hội hè, đình đám. Đặc biệt nhất phải là biểu diễn *chiêng sắc bùa*, *chiêng đám c-ới*, *chiêng tang lễ*, *chiêng đi săn*,... Xa x-a, đối với ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi còn có cả *chiêng* trong khi tổ chức chiến đấu chống lại quân thù.

Trò chơi dân gian của ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi khá nhiều, đặc biệt là các trò chơi của trẻ con. Đó là: *đánh cắtl* (đánh gậy), *cò le* (đuổi nhau), *đánh chó* (đẩy b-ới vào lỗ), *đánh mảng* (chơi nhảy cò), *chám chi*, *chám chán* (ú tim)... Trò chơi truyền thống của thanh niên M-ờng th-ờng, phổ biến khắp các vùng th-ờng là *đánh đu*, *bắn nỏ*, *ném còn*.

Ngày nay, cùng với những thay đổi lớn lao của đất n-ớc và điều kiện sinh sống, cũng nh- các dân tộc thiểu số khác, cộng đồng ng-ời M-ờng ở M-ờng Bi có rất nhiều biến đổi. Chẳng những cung cách kiếm sống thay đổi, văn hóa ăn, mặc, ở đã khác x-a nhiều, mà tâm lý, tín ng-ỡng, nếp sống của họ cũng đang không ngừng tiến bộ. Nếu x-a kia sống bằng làm ruộng, săn bắt và hái l-ợm là chính, thì nay các hoạt động kinh tế của họ đã đa dạng, chuyên canh, chuyên môn hóa đã xuất hiện, th-ơng mại đ-ợc chú trọng và quan trọng là sản xuất hàng hóa đã bắt đầu phát triển. Đời sống kinh tế hàng ngày đ-ợc cải thiện rất nhiều, hạ tầng điện đ-ờng tr-ờng trạm đã ổn định và phát huy tác dụng, đói nghèo gần nh- đ-ợc đẩy lùi, dân trí đ-ợc nâng lên không ngừng, mạng l-ới y tế phát triển và ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe của ng-ời dân.

Về văn hóa, nhiều thay đổi quan trọng đã và đang xảy ra. Nhà cửa đ-ợc xây dựng kiên cố, ngói hóa và bê tông hóa. Xóm làng đ-ợc quy hoạch theo h-ớng tập trung hiện đại, n-ớc sạch đã về tận mọi nhà. Trang phục tuy ít nhiều có mai một về kiểu cách truyền thống, nh-ng mọi ng-ời dân đều có đủ quần áo, chẳng những đẹp mà còn đ-ợc làm bằng vải tốt. Mọi ng-ời đ-ợc ăn uống no đủ,

hết cảnh đói khát quanh năm. C-ới xin, ma chay đã loại bỏ đ-ợc các hủ tục, nhiều lễ hội truyền thống đ-ợc nghiên cứu, bảo tồn, văn nghệ dân gian, múa hát truyền thống đ-ợc s- u tâm và khai thác tối - u.

*

* *

Văn hóa du lịch, đặc biệt là những yếu tố văn hóa tộc ng-ời vừa là mục tiêu mang tính định h-ớng, vừa nh- một quan niệm để khẳng định rằng văn hóa chính là nội dung, là bản sắc đích thực làm cho du lịch Việt Nam có thể tạo nên những sản phẩm du lịch mang tính độc đáo và đặc sắc để thu hút khách du lịch. chính vì vậy mà yếu tố này không chỉ đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của ngành du lịch nói chung mà còn thực sự quyết định đến thành bại trong kinh doanh du lịch hiện nay. Mặc dù nh- chúng ta đã biết, nếu không có yếu tố văn hóa thì ngành du lịch Việt Nam vẫn phát triển nh- ng không tạo đ-ợc những sản phẩm độc đáo để thu hút khách- đây là vấn đề tối cần thiết trong chiến l-ợc phát triển du lịch của bất kỳ quốc gia nào. Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật đó. Cho nên, một nơi muốn phát triển du lịch, bên cạnh các yếu tố tự nhiên thì các yếu tố về văn hóa là vô cùng quan trọng.

Qua việc tìm hiểu khái quát về điều kiện tự nhiên cũng nh- hoạt động kinh tế xã hội của ng-ời M-ờng nói chung và ng-ời M-ờng Bi ở Tân Lạc, Hòa Bình nói riêng, chúng tôi thấy nơi đây có nhiều điều kiện thuận cả về tự nhiên, xã hội và văn hóa để phát triển du lịch. Do đó để hoạt động du lịch ở đây có thể phát triển đ-ợc đòi hỏi các nhà quản lý không chỉ chú trọng đến việc khai thác các yếu tố tự nhiên mà cần phải đ- a yếu tố văn hóa tộc ng-ời vào khai thác du lịch, cần phải dựa trên cơ sở giữ gìn, bảo vệ và phát huy các giá trị đó để nó trở thành một trong những động lực mạnh mẽ, sâu sắc cho sự phát triển của ngành du lịch địa ph- ơng.

CHƯƠNG 2

LỄ HỘI KHAI HẠ CỦA NGÔI MIẾU Ở MƯỜNG BI VÀ NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NÓ HIỆN NAY

2.1. Miếu thờ thần và truyền thuyết về vị thần đ- ọc thờ cúng

2.1.1. Miếu thờ thần

Miếu thờ xóm Lũy là nơi diễn ra lễ hội Khai hạ M- ồng Bi. Miếu thờ xóm Lũy x- a đã có từ lâu (không nhớ rõ năm nào).

Theo lời kể của các cụ già trong xóm kể rằng: Ngôi miếu tr- ớc đây đ- ọc tọa lạc trên một khu đất có diện tích gần 1500m², trong đó diện tích của miếu là 10m*7m. Miếu đ- ọc dựng theo kiểu nhà đất, nh- ng kiến trúc thiết kế lại nh- nhà sàn. Miếu đ- ọc dựng theo h- ớng Nam, đây là h- ớng đẹp, đ- ọc gọi là h- ớng của trí tuệ và của Đế v- ơng, là ph- ơng rực rỡ ánh d- ơng, thu hút những tinh túy của đất trời. Khu đất đ- ọc chọn rất kĩ bởi nó quyết định sự lành dữ, tốt xấu của cả cộng đồng.

Nguyên vật liệu xây dựng đ- ọc lấy từ rừng núi, đó là những loại cây thân thuộc và có rất nhiều trong rừng, hơn nữa lại bền nh- gỗ, tre, nứa...gồm một gian hai chái. Gian giữa rộng hơn khoảng tầm từ 4-5m, có 8 cột trong đó có 4 cột cái và 4 cột quân, các cột đều làm bằng gỗ cây dổi. Dổi là một loại thân gỗ có quả và nhân của quả dổi là một thứ gia vị rất thơm ngon, nhân của quả dổi nhỏ nh- hòn bi có màu đen đậm. Các cột vừa phải, không to lắm. Trên phần mái che của miếu lập bằng cỏ gianh, có vách là những phen nứa đan mắt cáo.

Gian chính giữa có một bàn thờ, bàn thờ làm bằng cây b- ơng tre, đây là loại vật liệu dễ tìm, có tuổi thọ cao, mang tính giản dị của vùng đồi núi Hoà Bình. Những cây b- ơng tre này đ- ọc bắc qua cột cái và cột hiên; trên bàn thờ có một

bát h-ơng to bằng đá có hai tai, phần thân bát h-ơng trang trí hoa văn l-ơng long châu nguyệt.

Trải qua những biến động của lịch sử cùng với sự tác động của thiên nhiên và môi tr-ờng, đặc biệt là trong thời kì chống Mĩ cứu n-ớc (1964-1965) nên khu miếu đã bị phá hủy.

Cuối năm 2003 đầu năm 2004 ngôi miếu mới đ-ợc xây dựng lại. Ngôi miếu hiện nay đ-ợc xây dựng trên khu đất cũ, khu đất này có tổng diện tích gần 2000m², nằm ở đầu làng xóm Lũy, cửa miếu quay về h-ớng đông- h-ớng đây ánh d-ơng, sáng sủa và là h-ớng của sự qui tụ tâm linh, h-ớng mà theo nhiều ng-ời đó còn là h-ớng của sức sống, niềm hy vọng và hạnh phúc, xung quanh miếu là dãy lũy tre và khu dân c- xóm Lũy bao bọc.

Ngôi miếu có chiều dài 7m, chiều rộng 5m, gồm 1 gian 2 chái; có 4 mái với 4 góc đao cong, lập ngói ri, đây là loại ngói lập đỉnh chùa truyền thống của miền Bắc Việt Nam có hình vẩy rồng. Ngôi miếu có 3 cửa ra vào chính ở phía tr-ớc còn hai bên là cửa phụ.

Vật liệu xây dựng: toàn bộ khung ngôi miếu làm bằng gỗ nghiến (một trong 4 loại gỗ đặc tr-ng của miền Đông Bắc: chắc bền, không mối mọt), vách đằng sau th-ng bằng ván gỗ cây Khong (là loại gỗ đ-ợc xếp vào loại gỗ nhóm 7), nền lát gạch đỏ. Bộ khung nhà có hai chái vì chính, phân kết cấu hai mái đầu hồi đ-ợc liên kết chặt chẽ bằng hệ thống xà đại th-ợng chạy suốt ba gian, các bộ vì đỡ mái một thanh xà to nối cột cái với cột quân, r-ờng có một đầu ăn sâu vào chân mộng, kẻ đ-ợc làm cong giống với hai vì chính, các góc mái là một kẻ xô chạy từ cột góc lên tới th-ợng l-ơng.

Lòng nhà chia làm một gian hai chái, phân cách các gian là các hàng cột của mỗi vì. Cột cách cột 1m40, các cột cái và cột quân đều đặt trên các chân đá tảng đắp giả bằng xi măng .

Gian giữa kê một ban thờ lớn, sơn màu vàng trên bàn thờ có một bát h-ong to gồm men trắng hoa lam, hoa văn trang trí l-ỡng long châu nguyệt, với một số đồ thờ nhỏ: lọ hoa, cây nến, chén bát,...

Gian bên trái và bên phải, mỗi gian kê một bàn thờ nhỏ hơn gian chính, trên mỗi bàn thờ có một số đồ thờ nh- : bát h-ong, lọ hoa, cây nến, chén, bát, đĩa.

2.1.2. Truyền thuyết về vị thần đ-ợc thờ cúng tại miếu

Hiện nay các t- liệu cổ về ngôi miếu và vị thần đ-ợc thờ trong miếu đã không còn, căn cứ theo lời kể của các cụ già trong vùng thì miếu thờ xóm Luỹ thờ Quốc mẫu Hoàng Bà và Tam vị Tản Viên Sơn Thánh.

2.1.2.1. Sự tích về Quốc mẫu Hoàng Bà

Theo tài liệu “Lễ hội đền Và, Hà Tây” thì Quốc Mẫu Hoàng Bà chính là thân mẫu của thánh Tản. Bà có tên húy là Đinh Thị Diên, sau khi bà mất, để tôn thờ bà, nhân dân gọi bà là Bà Đen.

Căn cứ theo truyền thuyết dân gian tại vùng M-òng Bi thì Quốc Mẫu Hoàng Bà có sự tích nh- sau:

Truyền thuyết kể rằng: Vua Bà, đi từ núi Tản sông Đà đến cầu bến Mảng (suối Mảng thuộc xã Phong Phú) gặp n-ớc lũ to, Vua Bà giả trang thành kẻ nghèo đói, rách r-ới. Nhân lúc đó, trên cánh đồng có hai gia đình đang bữa ruộng Vua Bà đến thử lòng một gia đình đang bữa bằng một con trâu. Ng-ời này trả lời bạn quá không đ- a đ-ợc. Vua Bà lại sang ruộng nhà bên đang bữa bằng tám con trâu. Vua Bà nhờ đ- a, dứt lời nhà này cử ng-ời đ- a bà sang luôn. Khi qua suối xong, Bà truyền một câu “từ nay nhà ta, giàu thêm có thặng đấy”, nghĩa là: “từ nay, nhà ta giàu có rồi lại càng giàu có thêm.”

Thế là từ đó nhà này luôn giàu có hơn các gia đình khác, ăn ra làm nên, cầu gì đ-ợc nấy.

Vua Bà lại đến xóm Khung, xã Định Giáo. Bà ghé vào một nhà trong xóm, gia đình chủ tiếp đón rất tử tế, chu đáo, thấy vậy Bà th- ờng cho nhà đó một thửa ruộng gọi là Nà Mần (nghĩa là ruộng Mần), cấy trồng hai vụ lúa tốt bồi bồi, không năm nào đói.

Vua bà tiếp tục đi đến một nhà ở xã Định Giáo. Nhà này không có con, Bà hỏi có muốn có con không, Bà cho một đứa. Nhà này rất mừng và Bà bèn cho một đứa con trai, sau đó đặt tên là Ngãi.

Một năm sau, Bà về thăm mang theo một túi vàng. Bà thử lòng treo túi vàng ngoài cổng và đi vào nhà. Bà mẹ thằng Ngãi có lòng tham giấu mất túi vàng. Từ đó, Bà không cho con nữa và lấy mất thằng Ngãi. Thằng Ngãi bị chết. Từ đây, dân trong vùng có câu “Tham vàng bỏ Ngãi”.

Tr- ớc sự linh ứng của Vua Bà, ông lang Cun Pi đã lập miếu thờ Bà và tôn bà làm Thành Hoàng làng. Từ đó, hàng năm cứ đến ngày mồng 7 và mồng 8 giêng (tức ngày 6, 7 tháng t- theo lịch M- ờng Bi) nhân dân trong vùng M- ờng Bi mang lễ vật đến thắp h- ơng cho Bà và cầu mong Bà phù hộ độ trì cho dân làng an c- lạc nghiệp, m- a thuận gió hoà, tránh khỏi mọi thiên tai dịch bệnh và đất n- ớc hoà bình.

2.1.2.2. Sự tích về Tam vị Tản Viên Sơn Thánh

Vào thời Vua Hùng thứ 18, ở động Lăng X- ơng, huyện Thanh Xuyên, Phủ Gia H- ơng, đạo Sơn Tây có hai gia đình anh em họ Nguyễn, cả hai cặp vợ chồng đều đã ngoài tuổi ngũ tuần mà ch- a có con. Hai cặp vợ chồng của anh em nhà Nguyễn sống hạnh phúc yên ấm và chuyên làm những việc thiện, phân phát tài sản tế bần cứu khổ để mong điều lành. Mùa xuân gia đình hai anh em lên núi Tản Lĩnh thăm vùng bồng lai tiên cảnh. Họ chìm trong cảnh thiên nhiên, mây trời sắc n- ớc, tâm niệm cầu phúc lành. Một hôm họ gặp Tiên ông ban ơn đức. Khi đ- ợc trở về nhà, hai bà thấy ng- ời khác lạ và biết đ- ợc mình có thai. Tròn m- ời bốn

tháng, ng-ời vợ của ng-ời anh sinh đ-ợc một con trai, ng-ời vợ của ng-ời em sinh đ-ợc một bọc nở ra hai ng-ời con trai. Tất cả ba ng-ời con trai đều có phong thái thần tiên, khôi ngô tuấn tú kì lạ. Đ-ợng lúc sinh có mây lành v-ong vấn, vợ chồng anh cả đặt tên cho con là Tuấn Công, vợ chồng anh hai đặt tên một ng-ời là Sùng Công, còn ng-ời kia là Hiến Công.

Năm lên 7 tuổi, ba anh em đ-ợc bố mẹ cho đi học ở nhà tiên sinh Hoa Đ-ợng. Trong thời gian học ở đây vốn đã thông minh do tính trời định lại đ-ợc học ở lò luyện văn, luyện võ cho nên họ đều thành đạt xuất chúng hơn ng-ời nên nhân dân trong vùng gọi là Thánh thần xuất thế.

Năm 17 tuổi cha mẹ hai nhà đều theo nhau mất. Anh em tìm chọn đất mai táng, h-ong khói giữ gìn. Từ đấy cảnh nhà bần hàn. Tuy thế, ngày thì kiếm củi làm nghề, đêm về thì đọc sách, an bản lạc đạo. Rồi ba anh em leo lên núi thiêng Ngọc Tản xin làm con nuôi của bà Ma Thị Cao, Sơn Thần Nữ ở đó.

Một hôm, anh em lên núi chặt một cây cổ thụ to rồi về báo cho mọi ng-ời đến đó để mang về. Hôm sau lên đó thì thấy cây đại thụ tốt t-ời nh- cũ. Tuấn Công lại cố sức chặt hạ, rồi đem đó ẩn nấp lại. Nhờ đó, Tuấn Công đã gặp đ-ợc Thái Bạch Thần Tinh Tử Vi Thiên T-ợng. Tuấn Công đã đ-ợc Thiên T-ợng trao cho gậy thần và lời chú. Nhờ linh tr-ợng, Tuấn Công x-ng là Thần S-, từ đó ra tay diệt trừ thú dữ cứu ng-ời. Một lần, qua bãi Ma Xá, Thần S- đã cứu sống một con rắn đen bị trẻ trâu đánh chết. Không ngờ đó chính là Thái Tử con Vua Long V-ong động Đình Hồ, Thần S- đ-ợc Long V-ong tạ ơn quyền sách -ớc. Từ đó, diệu pháp của Thần S- càng cao.

Nhờ ơn đức của mẹ nuôi, Thần S- tìm cách báo đáp, rồi đ-ợc Cao Sơn Thần Nữ lập chúc th- cho cai quản vùng núi Tản và một vùng rộng lớn xung quanh. Nhận chúc th- Thần S- bái tạ rồi phân chia cho hai anh em, Sùng Công ở đất Non Sơn, Hiến Công ở đất Lãng Sơn.

Thần S- ở cùng bà Ma Thị, khi bà Ma Thị qua đời, Thần S- lo việc chôn cất, lập miếu thờ cạnh mộ và h-ong khói phụng thờ trang nghiêm, cẩn thận.

Thời bấy giờ Hùng V-ong thứ 18 là Hùng Duệ V-ong đóng đô ở đất Bạch Hạc, Phong Châu. Vua là ng-ời anh tài đại l-ợng, bên trong tu sửa văn đức, bên ngoài lo phòng bị biên c-ong, dốc lòng lo việc thái bình thịnh trị. Vua có nhiều con nh-ng đều bị chết yếu, chỉ còn hai ng-ời con gái xinh đẹp, cô chị là Mị N-ong Tiên Dung đã đ-ợc gả cho Chủ Đổng Tử, cô em là Mị N-ong Ngọc Hoa Vua cho dựng lầu kén rể ngoài thành để chọn ng-ời tài làm phò mã.

Một hôm có hai ng-ời đến cầu hôn. Một vị là Sơn thánh Tản Viên, vị kia là Thủy Tinh ở động Đình Hồ. Hai ng-ời đã thi tài thắng bại, Vua không biết gả con gái cho ai đành hẹn gả con gái cho ai mang lễ đến tr-ớc. Sơn Tinh nhờ sách -ớc có voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao làm đồ sính lễ. Sơn Tinh đón Mị N-ong về núi Tản Viên bảo hai anh em ở lại giúp Vua. Vua phong cho Sùng Công làm Đô Đài Đại Phu, Hữu Công làm Hữu Đô Đài Đại Phu từ đó Vua tôi hợp sức thiên hạ thái bình, muôn dân no ấm.

Lại nói bấy giờ ở bộ chúa Ai Lao, ng-ời đứng đầu là Thục Phán động binh kéo sang đánh n-ớc Văn Lang. Hùng Duệ V-ong triệu tập đình thần nghị luận, Sơn thánh tâu” đã hơn hai nghìn năm Vua là bậc thánh hiền, anh đức của 17 đời Vua tr-ớc thấm vào cốt tủy ng-ời dân, nay n-ớc giàu binh mạnh, uy đức Vua lừng lẫy ngoài bốn biển. Vua Thục không biết giữ mình, dám cậy sức thì tự gánh thất bại mà thôi! Thần xin thay bệ hạ gắng sức, tự chọn t-ớng tài thì sớm thu phục được thiên hạ”. Vua nghe xong rất mừng, cho Sơn thánh đ-ợc chọn t-ớng giỏi là Tả Đô Đài Sùng Công và Hữu Đô Đài Hiến Công cùng đạo quân Sơn thánh hiệp đồng đánh tan quân Thục, đem lại thái bình cho đất n-ớc.

Sau chiến thắng, Vua ban th- ợng công lao cho Sơn thánh là Nhạc phủ kiêm Th- ợng đẳng thân, Cao Sơn Đại V- ợng là Tả Kiên thân, Quý Minh Đại V- ợng là Hữu Kiên thân.

Hùng Duệ V- ợng muốn truyền ngôi báu cho Sơn thánh nh- ng Sơn thánh hết lòng từ chối. Biết vận của nhà Hùng đã hết, Sơn thánh đã khuyên Vua cha nh- ờng ngôi cho An D- ợng V- ợng. Vua y lời.

Lại nói, L- ỡng Kiên thân đã xin với Vua cho về trang Quan Diệu, huyện Mĩ L- ợng. Khi vui hai thần lại chu du phong cảnh hai huyện Bát Bạt, Mĩ L- ợng, khi thích n- ớc vui non tắm gió mát, ngao du nơi đồng nội. Hàng năm, các tế lễ đều về châu Vua. Một ngày Sơn thánh cùng Vua cha và Ngọc Hoa bay lên trời vào cõi tr- ờng sinh bất tử. Hai thần than thở: thiên hạ của nhà Hùng đã về tay ng- ời khác rồi, bèn thiết đãi yến tiệc mời nhân dân phụ lão tới và nói: Khu cung đằm này gửi lại nhân dân để phụng thờ cho anh em sau khi trăm tuổi.

Rồi sau đó hai anh em cùng đến núi Thu Tinh. Trên đỉnh núi, hai thần cùng đọc một bài thơ, tự nhiên trời đất tối tăm. Hai thần thấy một ngôi sao lớn từ trong ng- ời bay ra, hai thần ngồi ngay ngắn ở phiến đá rồi cùng hoá.

Một vị phong là Cao Sơn Đại V- ợng Th- ợng đẳng thân(Huý Sùng). Một vị phong là Quý Minh Đại V- ợng th- ợng đẳng thân(Huý Hiển). Một vị phong là Tản Viên Sơn Quốc chúa kiêm Th- ợng đẳng thân(Huý Tuấn).

Theo sự tích vùng Ba Vì- Sơn Tây, các vùng M- ờng cổ đều thờ Tản Viên. Các triều đại nhà n- ớc phong kiến Việt Nam đều gọi là Th- ợng đẳng thân. Cũng nh- ng- ời M- ờng ở vùng khác, đồng bào M- ờng Bi huyện Tân Lạc đã phụng thờ Thánh Tản tại ngôi miếu của mình.(Nguồn t- liệu: Báo cáo điểm di tích lễ hội khai hạ M- ờng Bi của tiến sĩ Quách Văn Ạch)

2.2. Nội dung của lễ hội

2.2.1.Nguồn gốc, tên gọi của lễ hội

Tên tiếng dân tộc: Lễ khai hạ thưởng tôồng M- ờng Pi.

Tên tiếng Việt: Lễ hội khai hạ M- ờng Bi.

Vậy tạo sao lễ hội này lại tên là Khai hạ? Thực chất, chữ “ khai hạ” ở đây là âm chữ Hán. “ Khai” ở đây tức là mở đầu, mở ra: giống từ khai trong từ khai giảng. “ Hạ” ở đây nghĩa là xuống, là dưới. Do vậy mà từ “ khai hạ” được hiểu là lễ hội mở cửa rừng và xuống đồng đ- ọc diễn ra tại M- ờng Bi, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc.

Theo quy định của Lang M- ờng Bi x- a thì phải sau lễ hội khai hạ ng- ời dân mới đ- ọc phép vào rừng lấy măng, lấy củi, săn bắn. Lễ khai hạ đ- ọc tổ chức nh- để tổng kết một năm sản xuất đã qua và mở đầu cho công việc của năm mới. Phải chăng ng- ời dân nơi đây thờ Hoàng Bà là do Bà là ng- ời đã có công trong việc khai phá ra vùng M- ờng Bi. Bà đã dạy con dân M- ờng Bi biết trồng lúa trồng ngô, biết chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có lẽ họ còn thờ bà nh- thể bà là mẹ của con dân M- ờng Bi. Bởi từ x- a con ng- ời th- ờng hay gần gũi với ng- ời mẹ nhiều hơn. Ng- ời mẹ là biểu t- ượng của những đức tính quý báu, là ng- ời biết chở che, đùm bọc, dạy dỗ con cái bởi thế mà nhiều nơi có tục thờ mẹ lúa, đặc biệt là hiện t- ượng thờ Tứ phủ của ng- ời Việt. Sau đó họ lại thờ Tam thánh Tản Viên, điều đó chứng tỏ lúc này nhận thức của con ng- ời đã đ- ọc nâng cao. Họ đã biết thờ các nhân vật anh hùng, những ng- ời đã có công bảo vệ sự sinh tồn của họ. Họ thờ cả Vua Bà và tam thánh Tản Viên vì họ nghĩ rằng tuy đã đến nơi mới an c- lạc nghiệp, song Vua Bà vẫn luôn dõi theo và phù hộ họ.

Đồng thời núi rừng vốn là nơi sống của phu thê Sơn Tinh, là chỗ hoá của hai anh em họ nên có thể hiểu rằng Sơn tinh là thân cai quản của núi rừng và chỉ khi đ- ọc sự cho phép của thần và Vua Bà (Theo truyền thuyết vốn là mẹ của Sơn tinh), thì mọi ng- ời mới đ- ọc vào rừng hái l- ơng thực, thực phẩm, tài sản mà bấy lâu thần đã chăm sóc và nay ban cho dân làng.

Lễ hội khai hạ của M- ờng Bi là lễ hội điển hình của Hoà Bình, đây là lễ hội lớn nhất của tỉnh đ- ợc các cấp, các ngành quan tâm. Đặc biệt, khi đến với lễ hội, chúng ta sẽ đ- ợc chìm đắm trong tiếng công chiêng vang dậy cả đất trời với 450 chiếc chiêng. Nơi đây còn quy tụ những trò chơi dân gian đặc sắc nh- : chọi gà, hát th- ờng đăng, bắn cung, giã gạo, ném còn,... là địa điểm đặc tr- ng cho cả đất M- ờng Hoà Bình vì đây là trung tâm của M- ờng Bi. Là nơi đóng đô của các thế lực cai quản M- ờng Bi x- a, do đó c- dân M- ờng sống tại xã Phong Phú mang đậm những bản sắc văn hóa riêng biệt nhất của tộc M- ờng Hoà Bình.

2.2.2. Thời gian, không gian diễn ra lễ hội

Thời gian diễn ra lễ hội

Lễ hội khai hạ M- ờng Bi diễn ra vào 2 ngày mông 7 và mông 8 tháng Giêng âm lịch, tức ngày mông 6, mông 7 tháng t- theo lịch M- ờng Bi hàng năm.

Đây là thời kì khí hậu ấm áp lại có m- a xuân nên đó là điều kiện tốt để cây trồng phát triển. Đồng thời tới lúc này, cây trong rừng nh- măng, nấm, rau rừng mới đến thời thu hoạch, muông thú thì sum vầy cũng dễ dàng săn bắt. Do vậy mà sau khi lễ hội diễn ra thì dân làng mới đ- ợc vào rừng săn bắn hái l- ợm và xuống đồng làm cỏ, bón phân mong - ớc có một mùa màng bội thu. Hơn nữa đây cũng là thời điểm nghỉ ngơi của các tầng lớp trong xã hội, là dịp trở về tổ ấm gia đình của những ng- ời đi xa với không khí rộn ràng của ngày xuân năm mới cùng với lễ hội của các xã, các huyện láng giềng cũng diễn ra vui vẻ.

Không gian lễ hội

Phần lễ trong lễ hội khai hạ M- ờng Bi đ- ợc tổ chức tại miếu thờ Thành hoàng xóm Luỹ. Phần hội đ- ợc tổ chức cuối xóm Luỹ. Nay phần lễ vẫn tổ chức tại miếu thờ xóm Luỹ nh- ng phần hội đã đ- ợc tổ chức tại sân vận động của xã Phong Phú, huyện Tân Lạc. Đây là khu vực gần với miếu thờ và có diện tích khá

lớn, có thể tổ chức phân hội đ-ợc đầy đủ hơn, công việc r-ớc lễ cúng thần linh cũng thuận tiện hơn.

Về mặt thực tiễn, khi tổ chức lễ hội tại sân vận động xã sẽ thu hút đ-ợc sự chú ý của toàn dân và khách thập ph-ong, nơi đây còn có điều kiện giao thông thuận tiện nên sẽ tiếp đón đ-ợc nhiều khách du lịch.

2.2.3. Quá trình chuẩn bị cho lễ hội

2.2.3.1. Chuẩn bị về lễ vật

Lễ hội Khai Hạ x- a th-ờng do các chức sắc quan lang M-ờng Bi phối hợp với các cụ cao tuổi trong làng bàn bạc. Tr-ớc hết có cuộc họp để phân công và chuẩn bị cho công việc tiến hành mở hội Khai Hạ, các công việc đ-ợc tiến hành nh- sau:

Tr-ớc hôm Khai Hạ một ngày, ng-ời dân trong vùng M-ờng Bi gồm 3 xóm lân cận gần kề nhau là xóm Lâm, xóm Luỹ và xóm Ải. Họ tổ chức một cuộc đi săn thú rừng và lấy sản vật là thịt thú rừng săn bắt đ-ợc nh- con nai, con hoẵng về làm lễ cúng Thành hoàng làng trong ngày Khai Hạ. Họ chỉ lấy những con thú có bộ lông màu vàng. Phải chăng màu vàng là biểu t-ợng của sự ấm no, may mắn, hạnh phúc và thịnh v-ợng? Họ tối kỵ nhất là những con có bộ lông màu đen vì màu đen là màu của u tối, mù mịt. Th-ờng thì màu đen là biểu hiện của cái xấu, cái ác, do đó càng những ngày đầu năm họ càng phải kiêng kỵ, nhất là lễ vật đ-ợc dâng lên để cúng tế thần linh. Nh- vậy họ mới tâm niệm cả năm đ-ợc may mắn.

Cuộc đi săn thú rừng hay còn gọi là hội Toọc Moong (toọc có nghĩa là săn đuổi, moong có nghĩa là con hổ, hay gọi là Muông: từ chỉ thú có bốn chân). Tr-ớc lúc đi săn để báo tin nhanh, ng-ời ta dùng một chiếc chiêng nhỏ đánh báo hiệu cho dân làng và những ng-ời thợ săn biết, đóng chiêng lên liên tục với tốc độ

nhanh một hồi dài. Khi đã tập trung các tay săn đông đảo, họ hội ý bàn việc săn xong thì ph- ờng săn dẫn chó săn cùng mang theo súng, nỏ, chiêng vào rừng. Họ vừa đi vừa đánh chiêng, tiếng nọ nối tiếp tiếng kia cứ thế đánh liên hồi với nhịp độ nhanh, thôi thúc. Có lúc lại thay đổi tiết tấu theo kiểu 3 tiếng một. Khi con thú xuất hiện, mọi ng- ời vừa reo hò vừa thúc chó đuổi dồn. Lúc bắn đ- ợc thú, ng- ời ta đánh 3 hồi chiêng và tiếp theo là từ 5 đến 7 hoặc 8 tiếng lại dài. Sau đó họ đánh chiêng thông thả từng tiếng một, cứ thế đánh kéo dài mãi. Con thú săn được càng to thì họ càng đánh chiêng thông thả từng tiếng một về tới tận xóm. Nếu tr- ờng hợp con thú chạy thoát thì họ không đánh chiêng khi ra về mà chỉ đánh chiêng báo hiệu cho chó săn quay về.

Buổi sáng đó, ng- ời dân trong xóm Luỹ, xóm Lâm, xóm Ai, cả đám con trai không phân biệt già trẻ, ai có thể trèo đồi leo núi đ- ợc cùng kéo nhau đi săn. Một ng- ời săn giỏi (gọi là trùm săn) của ng- ời M- ờng cùng các cụ già có kinh nghiệm, bàn định h- ớng xuất phát làm ăn và chọn điểm săn. Sau đó, mọi ng- ời t- ng bưng reo hò cùng ông trùm săn theo h- ớng đã định đến một quả đồi hay một khu rừng, mọi ng- ời toả ra vây quanh khu rừng đó. Những thợ săn giỏi có súng kíp hoặc chiếc nỏ nhanh chân tìm chỗ đón lõng ở các khe, các lối mòn mà thú hay đi. Những ng- ời khác khép kín dần vòng vây, họ hò reo, hú inh ỏi đuổi bắt thú, tay cầm lao hoặc một cây gậy nhỏ. Nhiều ng- ời cầm loại công nhỏ đánh theo điệu đi săn, những chú chó của làng, của M- ờng theo hiệu lệnh công săn v- ọt lên sục sạo các bụi rậm đánh hơi thú.

Tiếng công săn dồn dập, tiếng hò reo vang dậy, tiếng chó sủa chới tai cuốn hút b- ớc chân ng- ời, tất cả tạo thành một âm h- ớng sôi động của cuộc sống cộng đồng b- ớc vào mùa làm ăn mới.

Thú rừng bị vòng vây khép kín dồn dần vào một nơi, tr- ớc là bị chó tấn công, sau là ng- ời ủa tới dùng gậy nhọn, cây lao chặn đánh. Cũng có khi không

đợi tới lúc dồn vào một chỗ, những con thú ranh mãnh phóng ng-ợc lại h-ớng tiến của con ng-ời. Lúc ấy, mọi ng-ời không bỏ vây mà chỉ số ít ng-ời tách ra đuổi theo con thú. Th-ờng chỗ con thú không thoát đ-ợc lại là chỗ nấp đón chỉ đợi thú chạy vào tầm ngắm là nổ súng tiêu diệt.

Hội Toọc mong rất vui, thu hút nhiều ng-ời tham gia. Nếu buổi săn hôm đó đ-ợc thú, cả làng, cả M-ờng vui mừng đánh công gõ phách. Họ khiêng thú đến khu miếu giữa làng xóm Luỹ, mọi ng-ời mổ con thú săn đ-ợc dâng tế lễ Thành hoàng làng. Nhỡ cuộc đi săn không đ-ợc con thú gì, dân làng tỏ ý buồn cho việc xuất hành đầu năm mới không may. Họ đành phải chọn một con bò thay thú rừng để tế Thành hoàng làng. Tại miếu thờ Thành hoàng làng có tục không giết trâu, không giết lợn, không giết gà để tế thần vì đó là những con vật thân thuộc với con ng-ời, hơn nữa lợn gà lại có bộ lông và da không đẹp. Con vật chọn tế phải có bộ lông vàng m-ợt hoặc sồng hoang dã. Trâu không đ-ợc dùng trong tế lễ, xét về khía cạnh nông nghiệp “con trâu là đầu cơ nghiệp”, là công cụ sản xuất không thể thiếu, là ng-ời bạn thân thiết của nhà nông. Từ xa x- a nó đã có ý nghĩa nh- là một tài sản lớn của mỗi gia đình ng-ời nông dân. Mặt khác con trâu còn liên quan đến truyền thuyết xưa kể rằng: “x- a kia trâu ở trên trời, đ-ợc Then cử xuống làm bạn với ng-ời nông dân, giúp đỡ họ trong sản xuất nông nghiệp. Trâu truyền đạt lại những mong - ớc, nguyện vọng của ng-ời nông dân với trời”. Mà người dân nơi đây chủ yếu sống bằng chăn nuôi và trồng trọt nên họ không giết trâu để làm lễ. Có điều khi chọn nơi săn, các cụ cao tuổi đã tấu trình kĩ l- ỡng, một khi đã đi săn thì thế nào cũng phải săn bắn đ-ợc thú, thế nên khu rừng đ-ợc chọn săn là nơi cắm sãn bắt trong nhiều năm để nhiều thú về ở.

Ngoài việc săn thú ra, theo quy định của nhà Lang, hàng năm, nhà Lang chia một phần ruộng cho một gia đình trong xóm Luỹ, chuyên cấy lúa thơm Tám Lao để làm cỗ cơm cúng trong ngày lễ Khai Hạ. Gia đình nào đ-ợc nhà Lang tín

nhệm chia ruộng,... đ- ọc coi là một việc rất hệ trọng và phải có trách nhiệm chăm sóc lúa cho tốt.

Đến ngày mồng 5, mồng 6 tr- ớc hôm khai hạ 2 ngày, gia đình phải tự chà thóc cho vào cối xay rồi giã thành gạo, nấu thành cơm thật ngon để làm cỗ cơm cúng Thành hoàng làng.

Tất cả những ng- ời đi dự hội đều mang theo một gói cơm nắm (riêng các lang, ậu và thầy mo thì không phải mang). Sau khi săn đ- ọc con thú rừng, các lang, ậu cùng ng- ời dân trong vùng tiến hành làm cỗ lễ, gồm 6 mâm: 3 mâm để trên ban thờ, 3 mâm để d- ới chiếu.

3 mâm bày trên ban thờ dâng Quốc mẫu Hoàng Bà và Tam vị Tản Viên Sơn thánh gồm những lễ vật sau:

Mâm giữa:

- 01 lá canh(cỗ thịt hoẵng bày trên lá chuối)
- 01 bát cơm tẻ
- 01 đôi đĩa
- 01 chén
- 01 chai r- ợu
- 01 bát n- ớc lã, trên miệng chén đặt một tấm nằm ngang
- 01 đĩa muối
- 01 đĩa trầu cau một miếng

Mâm bên phải:

- 01 lá canh(cỗ thịt hoẵng bày trên lá chuối)
- 04 bát cơm tẻ
- 04 đôi đĩa
- 04 chén
- 01 chai r- ợu

01 bát n- ốc lã, trên miệng để 4 chiếc tăm nằm ngang

01 đĩa muối

01 đĩa trầu cau có 4 miếng

Mâm bên trái:

01 lá canh(cỗ thịt hoẵng bày trên lá chuối)

02 bát cơm tẻ

02 đôi đũa

02 chén

01 chai r- ượu

01 bát n- ốc lã, trên miệng bát có đặt 2 chiếc tăm nằm ngang

01 đĩa muối

01 đĩa trầu cau có 2 miếng

Cỗ cúng đ- ọc bày trên các mâm gỗ, lót ngọn lá chuối t- ươi. Thịt hoẵng đ- ọc luộc chín, thái miếng nhỏ vừa phải (đủ các phần nội tạng) xếp 3 l- ọt vòng quanh mâm, sau đó đặt vài miếng lục phủ ngũ tạng lên trên, các lễ vật khác bày bên cạnh. Trong rất nhiều lễ hội có hiện t- ượng thờ các bộ phận của con vật cúng chứ không riêng gì lễ hội Khai Hạ. Vì nó biểu hiện cho tấm lòng thành của con dân M- òng với thần linh là họ đã mổ nguyên một con vật cúng chứ không phải là sự mua bán một phần lễ vật thờ ở chợ.

03 mâm bày d- ưới chiếu gồm các lễ vật sau:

01 mâm đặt trên chiếu giữa(của ông mo) gồm:

01 chiếc đũa bên trái của con hoẵng (thịt sống không thái để nguyên). Vị trí bên trái (theo ngũ hành ph- ơng Đông) là vị trí quan trọng thứ hai sau vị trí trung tâm còn trong Bát quái tiên thiên thì ph- ơng Đông đ- ọc thể hiện bằng quẻ ly- có nghĩa là lửa nằm ở bên trái. Có lẽ thờ đũa trái của con hoẵng cũng xuất phát từ tình yêu nông nghiệp của ng- ời ph- ơng đông, mà h- ớng đông là h- ớng mặt trời

mọc- là sự hiện diện của quá khứ, hiện tại và t-ong lai, là ánh hào quang biểu hiện của sức sống, niềm tin vào một ngày mai t-oi sáng hơn. Có lẽ họ cũng mong trời phù hộ cho m-a thuận gió hòa để có một năm ăn lên làm ra, gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc.

02 mâm bày bên chiếu phải và chiếu trái dâng quân hầu và tiểu hạ gồm:

06 lá canh(6 mô thịt bày trên lá chuối)

06 bát cơm tẻ

06 đôi đĩa

01 bát n-ớc lã, trên miệng bát để 6 chiếc tăm nằm ngang

01 đĩa muối

Ngoài các mâm lễ trên, tại chiếu giữa còn đặt một bình r-ọu cần đã đ-ợc đổ từ 9 ngọn n-ớc của suối M-ờng Bi và cắm những chiếc cần bằng cây trúc (th-ờng là số chẵn) để làm r-ọu thờ.

Uống r-ọu cần vốn là một thói quen và nếp sống văn hoá của ng-ời M-ờng. R-ọu cần đ-ợc chế biến từ các sản phẩm của sản xuất nông nghiệp và gạo nếp là sản phẩm đặc tr-ng không thể thiếu. Gọi là r-ọu cần vì r-ọu đ-ợc uống bằng cần, cần đ-ợc làm từ thân cây trúc hoặc từ thân cây may đ-ợc dùi lỗ. Số l-ợng que cần cắm vào hũ r-ọu bao giờ cũng phải là số chẵn. Tùy theo số l-ợng ng-ời uống mà cắm từ 2,4,6,8...cần. Lịch sử của nhóm c- dân Việt M-ờng x-a vốn chịu ảnh h-ởng của nhóm Môngôlôgit ph-ơng Bắc, trong khi ng-ời Việt đi dọc theo các con sông để an c- lập nghiệp thì dân tộc M-ờng lại đi dọc theo các vùng đồi núi làm nền tảng cho cuộc sống của mình, cho nên trong phong tục tập quán của ng-ời M-ờng chịu rất nhiều ảnh h-ởng của văn hoá ph-ơng Bắc. Đặc biệt quan niệm về âm d-ơng và nó thể hiện rõ nhất trong quan niệm của ng-ời M-ờng về số chẵn. Bởi vậy mà trong hũ r-ọu cần họ th-ờng cắm số l-ợng cần uống là số chẵn, hoặc trong lễ Khai Hạ họ dâng những mâm lễ với

những số bát, đũa, chén r-ợu... là những số chẵn. Ở đây có sự thể hiện rất rõ của triết lý âm d-ơng của ng-ời ph-ơng Bắc, gọi âm và d-ơng là l-ỡng nghi. Bằng phép nhân đôi thuận tuý đã sản sinh ra những mô hình vũ trụ chặt chẽ với số l-ợng thành tố chẵn: 2 sinh 4 (tứ t-ợng), 4 sinh 8 (bát quái). Nguyên lí hình thành vũ trụ, kinh dịch, trình bày d-ới dạng thái cực sinh l-ỡng nghi, l-ỡng nghi sinh tứ t-ợng, tứ t-ợng sinh bát quái, bát quái biến hoá vô cùng. Ng-ời ph-ơng Bắc rất thích dùng những cách nói khái quát với những con số chẵn. Nh- vậy, số l-ợng cần cắm vào hũ r-ợu hay số mâm cỗ dâng cúng đều theo con số chẵn có nghĩa là cầu mong cho sự phát triển, sự sinh sôi nảy nở.

2.2.3.2. Lựa chọn, phân công nhân sự

- Bộ máy điều hành

Do nhà lang và ng-ời già trong làng tổ chức.

- Những ng-ời tham gia cúng tế

Tr-ớc hết nhà Lang đứng ra cử một ông thầy mo có uy tín nhất và thành thạo việc cúng tế trong vùng.

- Những ng-ời tham gia đón r-ớc các vị thần

Đội cờ: 04 ng-ời

Ph-ơng bát âm: 08 ng-ời

Đội công chiêng: 12 ng-ời

Đội kiệu: 04 ng-ời, 01 ng-ời chỉ huy kiệu.

2.3.3.3. Chuẩn bị về trang phục

Trang phục của thầy mo: áo chùng đen, quần nâu, đầu đội mũ có mào viền đỏ, tay cầm quạt giấy, đi chân đất.

Trang phục r-ớc: Mặc quần áo trang phục cổ truyền của dân tộc M-ờng. Những bộ mới nhất, đẹp nhất.

- Trang phục dự hội của nam

* Đối với tầng lớp quyền quý.

Bộ trang phục đàn ông M- òng gần giống với trang phục của ng- òi Việt. áo th- òng may cổ thấp bằng đốt ngón tay, dài gần trùm hông, vai có một miếng vải đệm ở trong hình bán nguyệt gọi là Mol (lá lót mồ hôi), giữa l- òng khâu khếp, xẻ tà hai bên. Nẹp may thẳng từ cổ xuống gấu, đơm khuy, cài cúc, cuối hai vạt tr- òc may túi khá to trên ngực trái may một túi nhỏ, có gân chéo bằng vải khác để trang trí, hai tay không khoét nách, tay liền vai, nối đoạn từ cánh tay xuống cổ tay. Thân áo may vừa phải không quá chật, không quá rộng tạo dáng khoẻ khoắn của ng- òi miền núi.

Khi đi dự lễ hội Khai Hạ, nhà Lang và các ậu trong vùng th- òng mặc những bộ quần áo mới. Th- òng là áo cánh ngắn mặc ở trong, áo chùng dài khoác ở ngoài. Sang trọng là áo lụa tím, xanh hoặc vàng tơ tằm, cổ cao, cài khuy bên s- òn nách. Quần ống què màu trắng hay màu xanh tím than. Đầu đội khăn xếp màu đen.

* Tầng lớp dân th- òng :

Áo cánh màu nâu hoặc màu đen, cổ tròn, xẻ tà hai bên hông giống áo bà ba của dân tộc Kinh, quần chạp thắt dải rút bằng vải thô nhuộm chàm hay màu nâu, may kiểu ống què quần áo đẹp hơn ngày th- òng. Đầu đội khăn, khăn dài gấp 3 lần vòng đầu. Khi thắt, quần vòng từ sau gáy sang phía tr- òc giao nhau trên trán, giắt hai đầu khăn ở khoảng 2 tai. Hai đầu khăn dựng nghiêng giống nh- hình đôi sừng trông rất sôi động.

- *Trang phục dự hội của nữ*

* Tầng lớp quyền quý

Tầng lớp quyền quý ăn mặc diện hơn, đẹp hơn tầng lớp dân th- òng. Hàng năm cứ đến ngày Khai Hạ, họ lại chọn những bộ váy thật đẹp ra mặc để đi lễ hội,

th- ờng là áo cánh ngắn màu vàng hoặc màu hồng mặc ở trong còn ở ngoài khoác áo chùng dài đến đầu gối. Váy màu đen, cạp váy buôn con rồng, con xởng. Dây thắt l- ng màu xanh lá mạ, yếm màu đỏ hay màu trắng, trên đầu chít khăn màu trắng, tay đeo vòng bạc hoặc P- ợn khau (hạt c- ờm) đặc biệt trên hông có đeo dây xà tích .

* Tầng lớp dân th- ờng :

Họ mặc bộ váy áo đẹp hơn ngày th- ờng, mặc ở bên trong một chiếc áo may bằng vải thô màu chàm hay đen, cạp váy trái đen, trái mê hoa văn đơn giản không cầu kỳ nh- cạp váy con rồng, con xởng mà tầng lớp quyền quý th- ờng mặc. Dây thắt l- ng bằng vải thô màu chàm hoặc màu đen. Yếm màu nâu hoặc màu đen, đầu chít khăn bằng vải thô màu trắng.

2.3.3.4. Các công việc chuẩn bị khác

Ngay từ tr- ớc tết, lang Cun pi phân công đám thanh niên nam, nữ trong xóm Luỹ làm tổng vệ sinh, quét dọn khu vực xung quanh miếu.

Ông mo tự tay dọn dẹp lau chùi bàn thờ, ấm, chén, đĩa, bát, bát h- ơng...

Từ sáng sớm tinh mơ ngày mừng 8 tết, tại gia đình nhà ông lang Cun pi tiếng trống chiêng đánh lên một hồi báo cho mọi ng- ời biết. Khoảng tầm 6h đến 7h sáng, từng đoàn ng- ời tập nập từ các ngả xóm Ải, xóm Lâm, xóm Luỹ...đến tập trung đông đủ tại Miếu.

2.3. Diễn trình lễ hội Khai Hạ truyền thống

2.3.1. Cúng tế trong lễ hội

- Tổ chức tế lễ

Phần lễ đ- ợc tổ chức tại Miếu thờ thành Hoàng. Ng- ời điều khiển phần nghi lễ do ông mo đảm nhiệm.

Sau khi đã hoàn thành cỗ lễ và bày đặt xong xuôi trong miếu, ông Mo, Lang, ậu cùng toàn thể nhân dân trong vùng tiến hành đi r- ớc bóng Quốc Mẫu

Hoàng Bà và Tam Vị Tản Viên Sơn Thánh từ bờ suối Lồ- nơi Quốc Mẫu Hoàng Bà về trời, cách miếu khoảng 2 km.

Đội hình r- ớc nh- sau:

Thầy mo dẫn đầu đi tr- ớc

Tiếp theo là đội cờ

Tiếp theo là ph- ờng bát âm

Tiếp theo là đội công chiêng

Cuối cùng là đội kiệu

Sau kiệu là các quan viên, chức sắc và bà con nhân dân.

Trong suốt buổi r- ớc, chiêng trống cùng ph- ờng bùa luôn hoà tấu rộn ràng.

Khi tới nơi, tại bờ suối đã trải sẵn 2 chiếc chiếu hoa; trên chiếu thứ nhất đặt đĩa trầu cau têm hình cánh ph- ợng; kiệu đ- ợc đặt trên chiếu thứ hai, đoàn r- ớc xếp hàng hai bên. Rồi ông mo thấp h- ơng, khẩn mời Quốc Mẫu Hoàng Bà và Tam vị Tản Viên Sơn Thánh về dự lễ Khai Hạ với dân làng. Nội dung bài khẩn tóm tắt nh- sau:

“Hôm nay, là ngày...tháng...năm...,con là ...thay mặt cho dân làng M- ờng Bi, mời Quốc Mẫu Hoàng Bà cùng Tam Vị Tản Viên Sơn Thánh về dự lễ với dân làng”

Sau khi khẩn xong, ông mo tiến hành xin cỏ (xin âm d- ơng), chiếc cỏ làm bằng một đoạn cật tre- cây nào 3 ngọn mới đ- ợc chọn làm que cỏ, dài tầm 3cm, rộng 0.8cm, trên thân que cỏ có khắc vạch đánh dấu mặt trái, mặt phải nhằm hiển thị cho mặt trăng và mặt trời. Sở dĩ cây tre phải có 3 ngọn vì nó t- ợng tr- ng cho 3 tầng của vũ trụ: địa phủ, trần gian, thiên đ- ờng.

Khi ông mo xin gieo cỏ, tay phải cầm cỏ, tay trái cầm quạt giấy, vừa gieo vừa hỏi Quốc Mẫu đến ch- a, nếu đến rồi thì cho đ- ợc 2 sấp 1 ngựa. Khi xem cỏ mà thấy đúng nh- vậy thì chứng tỏ Quốc Mẫu đã tới.

Khi tàn một nén h-ong thì ông mo lại tiếp tục xin âm d-ong mời các ngài về miếu, khi cỏ xin âm d-ong đã đ-ợc, thầy mo cúi vái lạy 3 lần, tất cả mọi ng-ời tham dự cùng làm theo. Tiếp theo ông mo b-ng đĩa trầu cau đặt lên kiệu, dâng đặt vào miếu, sau đó bắt đầu mo.

Các b-ớc tiến hành nh- sau:

Trước tiên, ông mo ngồi cạnh mâm lễ của mình và bắt đầu mo mời thần linh. Trong quá trình mo, thầy mo vái lạy thì những ng-ời tham gia cũng vái lạy theo. Sau khi mo xong mâm lễ của mình ông mo đứng lên tiếp tục cúng ở mâm trên, vừa cúng ông vừa đ- a tay quạt nhẹ nhàng theo lời cúng khấn.

- Văn tế

*Phần 1: Mời các vị thần ngự giá tại miếu thờ, lời khấn nh- sau:

“...Ha...thiên liêng, thiên kháng, thánh thay...

Chấp tay con vái con lạy

Hôm nay ngày này

Được đêm tốt ngày rạng

Tháng tốt ngày lành

Nhà con ng-ời trung - ơng, m- ờng bản.

Ở huyện Tân Lạc, M- ờng Bi

Ở đây lại lập phủ, lập kiệu

Miếu ang nhà thờ

Làm lên nhà đẹp, nhà rộng

Bát h- ơng đã có

Chó kho đã đủ

Muốn r- ớc vì Vua Cả, ba vì Vua con

Vua con Thái hậu

*Đức mẹ Hoàng Bà
Vua Cun, Vua hai
Ở đền núi, đền nang
Ở đền khang, đền cả
Ở b- a núi rậm
Ở trên gi- ờng cao, phả rộng
Tản viên núi thánh
Quay chân trở lại
Trái chân trở về
Ở sập nhà kiệu
Phủ miếu nhà thờ
Để đ- ợc bênh bao rào giữ
Lấy con ng- ời trung - ơng, M- ờng bản
Ở M- ờng Bi, Tân Lạc
Ở đây cầu việc nào cho đ- ợc việc ấy...*

**phần 2: Mời các vị thần ăn cơm*

*“...Hà...thiêng liêng, thiêng thánh
Chấp tay con lạy các ngài
Đã tề tựu đông đủ
Xin các ngài cùng ngồi vào mâm
Có chỗ ta cùng ngồi
Có mâm ta cùng ăn
Có r- ợu ngon trong nậm
Rót ra hàng chén bạc*

Rót ra hàng chén vàng
Nâng chén ta cùng uống
Uống một lần một chén
Uống đỏ da, đỏ thịt
Xoay vào mâm vào bàn
Cầm đũa tay phải
Cầm bát tay trái
Gắp lấy thịt hoẵng
Bát cơm thơm Tám Lao
Mời các ngài ăn
Mời các ngài uống
Mời ngài ăn từ d- ới ăn lên
Ăn từ trên ăn xuống
Các ngài ăn mà th- ơng
Các ngài ăn mà nhớ
Mà phù hộ cho con dân M- ờng Bi
Ra năm mới tốt con ng- ời
Ra năm mới t- ới con của
Ăn ra làm nên
Dân làng phồn thịnh
Nhà nhà ăn no mặc ấm
Có con trai nối giống
Có con gái nối đời
Để hàng năm
Ngày lễ, ngày tết

Con cháu dân làng

Đ- ọc thờ phụng các ngài...”

Khi ông Mo mời các ngài ăn uống xong thì lúc đó chỉ có nhà Lang mới đ- ọc phép vào thấp h- ơng trong miếu.

Các b- ớc tiến hành sau khi làm lễ xong:

Khi hạ cỗ lễ xuống các mâm đ- ọc phân chia nh- sau:

Một mâm cỗ ở bàn trên và mâm thịt sống đ- ọc chia phần cho ông Mo.

Một mâm cho ng- ời tổ chức lễ (lang, ậu).

Một mâm cho ng- ời dâng cơm lễ (gia đình đ- ọc nhà lang chia ruộng cho cấy lúa Tám Lao dâng cơm trong ngày lễ).

Số mâm còn lại thì những ng- ời đi dự lễ cùng ngồi ăn vui vẻ tại chỗ. Khi ăn, các tầng lớp trên nh- : lang, ậu, ông mo đ- ọc ngồi ăn trong miếu. Những ng- ời đi săn và dân th- ờng phải mở gói cơm của mình ra cùng với mâm cỗ đ- ọc chia phần ăn tr- ớc cửa miếu tại sân miếu. Nếu ăn không hết số thịt họ có thể chia nhau mang về.

Tr- ớc khi ăn cơm, thầy mo, nhà lang, các ậu đ- ọc uống r- ượu cần tr- ớc sau đó mới đến l- ọt mọi ng- ời uống, họ vừa uống vừa hát th- ờng, hát đối đáp, uống khoảng 3 hoặc 4 tuần r- ượu thì mới ăn cơm. Cuộc vui cơm r- ượu kéo dài vài tiếng đồng hồ mới kết thúc.

2.3.2. Các trò chơi, trò diễn trong lễ hội

Ngoài phần lễ, nhân dân trong làng và khách thập ph- ơng trong vùng đi chơi hội còn tham gia vào các trò chơi dân gian nh- : ném còn, đánh mảng, kéo co,... Vào hai buổi chiều ngày mừng 7 và ngày mừng 8 dân làng tổ chức cuộc vui chơi tập thể, đó là ngày tự do, sôi động nhất, đông ng- ời tham gia nhất, ai thích trò gì thì chơi trò đó.

** Trò chơi ném còn.*

Ph-ong tiện là một cây tre hoặc cây mai để cả ngọn và lá, có chiều cao từ 10 -15m. Trên ngọn uốn cong thành hình tròn, có đ-ờng kính khoảng 40cm. Cột còn đ-ợc dựng theo chiều đông tây có nơi viết chữ nguyệt với tâm thức âm d-ong hòa hợp.

Quả còn đ-ợc làm từ 4 miếng vải nhuộm xanh, đỏ, tím, vàng, khâu ghép với nhau phải chăng là sự biểu hiện của 1 năm với 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Trò chơi ném còn mang một ý nghĩa hết sức sâu sắc, nó thể hiện tín ng-ỡng phồn thực của ng-ời M-ờng với sự cầu mong sinh sôi nảy nở, làm ăn thuận hòa, cuộc sống gặp nhiều may mắn. Bên trong có chứa các hạt bông, hạt thóc, hạt đậu xanh, đây là loại hạt giống cây trồng chủ yếu của đồng bào M-ờng nơi đây, sau cuộc chơi chủ trò chia hạt giống cho mọi nhà trong bản để lấy may do khí âm d-ong của đất trời đã tác động. Theo cách giải thích dân gian thì quả còn đ-ợc tung qua tung lại là động tác gieo hạt giống khi mùa làm ăn đến với một mong muốn hạt nảy mầm khỏe, cây cối tốt t-oi. Việc chia làm hai bên nam, nữ, tung qua tung lại nh- là sự giao l- u tình cảm, sự hòa hợp giữa hai giới.

** Trò chơi kéo co*

Kéo co là trò chơi mang đậm tinh thần đoàn kết và sức mạnh tập thể. Trò chơi này rất phổ biến, dành cho mọi lứa tuổi, không phân biệt giới tính. Chính vì vậy thu hút đ-ợc rất nhiều ng-ời tham gia vào đội chơi cũng nh- ng-ời xem cổ vũ.

Theo luật chơi, xóm cử ra một ng-ời đứng làm trọng tài chuyên giám sát cuộc chơi đồng thời cũng là ng-ời tuyên bố sự thắng bại.

Chơi kéo co đ-ợc tổ chức trên bãi đất trống có chiều dài tầm 30m, chiều rộng từ 5 -10m. Dây kéo làm bằng dây đay có đ-ờng kính tầm 3cm. Đánh dấu giữa dây mỗi bên 2m bằng vải đỏ và trắng (gọi là vạch giới trên dây). Trọng tài điều khiển bằng tiếng trống, tiếng chiêng.

Trò chơi kéo co là cuộc thi đấu giữa đội với đội với số ng-ời bằng nhau tùy theo điều kiện quy định mỗi bên từ 5- 20 ng-ời. Thi đấu mỗi trận gồm có 3 hiệp, khi bắt đầu chơi hai đội đứng theo h-ớng nguồn n-ớc. Một đội đứng h-ớng th-ợng nguồn, một đội đứng h-ớng hạ nguồn con n-ớc. Theo quy định đội ở th-ợng nguồn bao giờ cũng phải thắng tr-ớc. Sau đó đến đội hạ nguồn thắng. Đây chỉ là hình thức lễ nghi với ý nghĩa là nhân dân sẽ chế ngự đ-ợc nguồn n-ớc để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, không bị hạn hán cũng không bị lũ lụt. Từ lúc này hai đội chơi theo thực lực của mình, đội nào thắng hai hiệp đội đó sẽ thắng cuộc.

** Trò chơi đẩy gậy*

Đẩy gậy là môn thi đấu cá nhân dùng sức mạnh và kĩ thuật đẩy ng-ời ra khỏi vòng tròn để dành phần thắng.

Gậy thi đấu làm bằng một đoạn thân cây tre già, có chiều dài 2m, đ-ờng kính từ 3-5 (cm) đ-ợc sơn bằng 2 màu khác nhau, mỗi màu một mét. Đầu thân gậy đ-ợc gọt nhẵn có đ-ờng kính bằng nhau.

Một trận thi đấu đẩy gậy có thời gian là 3 hiệp, thời gian thi đấu mỗi hiệp không hạn chế. Sự phân định thắng thua là khi đẩy đối ph-ợng một hoặc hai chân ra khỏi vòng tròn hoặc làm đối ph-ợng ngã hoặc có 3 điểm chạm đất hay bị rời gậy ra khỏi tay.

** Trò chơi đánh mảng.*

Trò chơi đánh mảng đ-ợc tổ chức trên một bãi đất rộng, nhẵn, phẳng, rộng rãi d-ới những mái nhà sàn yên tĩnh trong xóm, trong m-ờng. Đồng mảng là hạt của một loại quả dây rừng, nó có hình tròn, dẹt, có đ-ờng kính khoảng từ 3- 4 cm, màu nâu bóng, rất dẻo và rất rắn. Chơi đánh mảng có thể chơi 2 ng-ời hoặc đông ng-ời chia thành hai phe. Tr-ờng hợp chia phe số ng-ời không bằng nhau thì phe ít sẽ cử ng-ời chơi thêm một số vai cho cân với phe kia. Đồng ngòi dựng

thành một hàng ngang, mỗi đồng mảng dựng gọi là một cửa, mỗi cửa cách nhau khoảng 20cm, đồng ngòi đứng đầu gọi là cửa cái, tiếp theo là các cửa con, đồng đứng cuối có tên là cửa út, trong lúc chơi, các đôi không đ-ợc nhằm cửa, nếu nhằm cửa coi nh- là phạm luật, bên ra phải vào ngòi. Mỗi b-ớc chơi, bên ra chơi tr-ớc ng-ời nào, ng-ời nấy phải hạ cửa của mình, những ng-ời chơi hỏng, ng-ời khác có quyền chơi giúp, mỗi ng-ời một l-ợt gọi là đi thòi. Nếu đi thòi mà không cứu đ-ợc thì cả phe phải vào ngòi. Phe mảng càng đông ván mảng càng kéo dài. Những ngày hội sân mảng thật rộn rã đông vui, ng-ời chơi, ng-ời xem hoà nhập cùng nhau với thái độ hồ hởi. Ng-ời chơi say s- a biểu diễn tài nghệ của mình cho thật chuẩn xác, thật đẹp mắt. Ng-ời xem bình luận, giơ tay hò hét khích lệ rất hào hứng.

Trò chơi, trò diễn trong ngày hội Khai Hạ tuy còn sơ l-ợc và - ớc lệ nh- ng ng-ời dự hội cảm thấy thú vị vì đ-ợc vui c- ời sáng khoái, sự sôi động làm vang cả một vùng rừng núi vốn hàng ngày lạnh lẽo, âm u.

Ngoài ra còn có các trò chơi khác diễn tả bằng các động tác lao động của con ng-ời khoẻ khoắn, mạnh mẽ thể hiện tình yêu lao động, quý trọng thành quả lao động hoặc mang tính chất giáo dục con ng-ời. Những trò diễn tuy còn đơn giản nh- ng đã thể hiện những hiểu biết nhất định về xã hội và nghệ thuật của ng-ời diễn.

ý nghĩa của các trò chơi:

Đối với lễ hội Khai Hạ

+ Các trò chơi đóng vai trò quan trọng trong lễ hội Khai Hạ. Chúng góp phần tạo nên bản sắc văn hoá độc đáo, cho lễ hội mà các lễ hội khác không có.

+ Các trò chơi còn làm cho lễ hội Khai Hạ có sức hấp dẫn lôi kéo mạnh mẽ, đông đủ mọi ng-ời tham gia.

Đối với ng-ời M- ờng, Hoà Bình.

+ Lễ hội Khai Hạ đã thu hút đ- ọc đông đảo ng- ời dân tham gia, phát huy sự cởi mở của cá thể con ng- ời trong xã hội tạo ra cho ng- ời dân lao động một tinh thần sảng khoái, đồng thời tạo sự gắn kết cộng đồng.

+ Các trò chơi có tác động sâu sắc đến tình cảm của đồng bào, góp phần xây dựng tính cách và tâm hồn của ng- ời M- ờng cũng nh- các dân tộc anh em, luôn nhắc nhở truyền thống “uống nước nhớ nguồn” từ ngàn đời nay ông cha ta đã dạy. Hơn nữa các trò chơi này còn có ý nghĩa giáo dục con ng- ời h- ớng thiện, luôn sống tốt đẹp.

+ Các trò chơi còn góp phần làm phong phú thêm văn hoá truyền thống của dân tộc.

2.4. Những biến đổi của lễ hội Khai Hạ ở M- ờng Bi hiện nay

2.4.1. Cúng tế trong lễ hội hiện nay

Phần miêu tả trên là toàn bộ quá trình diễn ra lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng trong khu vực M- ờng Bi x- a. Lễ hội này đã một thời bị lãng quên do bom đạn chiến tranh. M- ờng Bi vốn là một trong 4 m- ờng lớn (Bi, Vang, Thàng, Động) của tỉnh Hoà Bình. Ấy vậy người dân nơi đây có câu “nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động”. Hay “thượng Ngau, hạ Sổng”. Tất cả đều để chỉ đất Mường Bi. M- ờng Bi gồm có 12 xã thuộc huyện Tân Lạc, kéo dài từ xã Phú Vinh tới xã Do Nhân, có chiều dài trên 30 km, chiều rộng tới 3,5 km.

M- ờng Bi thời phong kiến, kể từ triều Lê nằm trong phủ Gia H- ng trấn H- ng Hóa. Năm 1886 tỉnh M- ờng Hoà Bình đ- ọc thành lập. Thời Pháp thuộc, vùng đất M- ờng Bi thuộc huyện Lạc Sơn. Năm 1957, huyện Tân Lạc đ- ọc thành lập trên cơ sở tách ra từ huyện Lạc Sơn. Khu vực M- ờng Bi nằm trong huyện Tân Lạc cho tới ngày nay.

Sau bao năm bị chiến tranh tàn phá mãi đến năm 2000 trở lại đây lễ hội Khai Hạ mới đ- ọc khôi phục lại. Tuy nhiên, về mặt nội dung các nghi trình, nghi

thức của lễ hội không còn đầy đủ như trước đây nữa và đã có sự can thiệp, đạo diễn của ngành văn hoá địa phương.

Từ năm 2000 đến nay, cứ vào ngày mùng 8 tháng giêng (âm lịch), tức ngày 7 tháng 4 theo lịch Mặt trời Bi, nhân dân trong vùng tổ chức lễ hội Khai Hạ, lễ hội Khai Hạ gồm phần: phần lễ và phần hội

- Tổ chức tế lễ

Được thực hiện tại Miếu thờ Thành Hoàng xóm Luỹ. Lễ vật dâng cúng gồm: lễ chay và lễ mặn.

Lễ chay:

Có ba lễ, mỗi lễ gồm có một nải chuối tiêu xanh, một quả bưởi, ba quả khế, ba quả cam, ba quả táo tàu.

Lễ mặn:

Có ba cỗ lễ mặn đều là thịt trâu, một mâm giữa và hai mâm bên cạnh, các lễ được bày cỗ như sau:

Mâm giữa được trang trí như sau:

Hai tai, một bưởi, một bộ óc, đuôi, chân, lòng, gan, phổi,...(phần nội tạng của con trâu), rượu trắng một chai, bốn chén, bốn đôi đĩa, bốn bát nước lọc, trên miệng bát có bốn chiếc tăm để ngang, một đĩa trầu cau bốn miếng, một lọ hoa tươi. Trầu cúng phải là trầu đực, mới lớn lên. Trầu đực là biểu tượng của sức mạnh dân tộc Mặt trời Bi, và cũng là biểu tượng của sự no ấm của nhân dân nơi đây, bởi dân tộc Mặt trời Hoà Bình sống chủ yếu bằng nghề nông mà con trâu đối với nhà nông là “đầu cơ nghiệp”.

* Mâm bên phải gồm có:

Trên mâm lót một ngọn lá chuối tươi, bày cỗ thịt trâu. Thịt được luộc chín, thái miếng nhỏ xếp thành ba vòng quanh mâm, sau đó đặt vài miếng lòng,

phối lên trên. Ngoài cỗ thịt ra còn có một bát muối, ba chai r- ọu, tám chiếc bát, tám đôi đũa, một đĩa trầu cau, một lọ hoa t- ơi.

* Mâm bên trái bao gồm:

Mâm bày cỗ thịt bò sống gồm một chân và một miếng thịt.

Ngoài ba mâm cỗ lễ trên bàn thờ ra, d- ưới chân bàn thờ, phía tay trái còn có một mâm cỗ dùng cho ông mo, trên mâm này gồm có:

Một bát gạo, trên miệng bát có ba nén h- ơng.

Một chai r- ọu trắng

Năm cái chén

Một cuộn vải trắng

Một bát n- ớc, trên miệng bát có 4 tấm đặt ngang, mấy tờ tiền đồng Việt Nam.

Ba thẻ h- ơng

Một bát n- ớc lọc, trong bát có ba nhánh ngọn cỏ thài lài dùng để cầu mát nhà. (thài lài là cỏ hoa màu xanh da trời, đây là một loại rau ăn ngày x- a có tính hàn và thân cây hơi nhớt).

Mâm bên phải trên mâm có thờ một cuộn vải trắng, phải chăng liên quan đến tục dùng khăn trắng đội đầu của ng- ời M- ờng ở Hoà Bình.

Để lý giải việc làm này, ng- ời M- ờng có một truyền thuyết kể rằng: từ xa x- a tại một bản M- ờng có tên là M- ờng Dậm có một chàng trai tên là Khoẻ, mồ côi cả cha lẫn mẹ. Cuộc sống từ nhỏ đã giúp chàng nhanh nhẹn, hoạt bát, làm việc gì cũng hơn ng- ời. Tại nơi chàng sống, có cô gái nhà Lang tên là Út Đô. Út Đô đẹp cả ng- ời lẫn nét, hai ng- ời đã v- ợt quá khuôn khổ nhà Lang, họ yêu nhau say đắm. Lang biết chuyện, không muốn con gái cho Khoẻ nên đã đánh lừa chàng. Lang hẹn: khi nào Khoẻ giết đ- ợc cặp hổ dữ trong núi Hồng Dung sẽ cho hai ng- ời tổ chức lễ c- ới. Trong buổi chia tay đi bắt hổ dữ, Út Đô đã khóc rất nhiều, chàng Khoẻ xé vạt áo còn trắng ch- a kịp nhuộm màu của mình lau n- ớc

mất cho ng-ời yêu. Trong cuộc vật lộn với hổ dữ, chàng trai đã cùng hổ rơi xuống vực thẳm, thi thể của chàng đã tan thành n-ớc. Còn lại một mình, cô gái khóc th-ong anh Khoẻ rất nhiều, n-ớc mắt thấm vào mảnh áo chàng, -ớt rồi lại khô và Út Đô đã đội lên đầu kỉ vật duy nhất của ng-ời yêu. Ròng rã hàng trăm ngày, Út Đô ra bờ suối chờ đợi ng-ời yêu trở về. Tiếng suối róc rách chảy nh- tiếng đập của trái tim Khoẻ, Út Đô dùng khăn khoả xuống n-ớc, thấy hình ảnh chàng nổi lên. Và một đêm trăng sáng, trời bỗng tối sầm lại Út Đô đã theo Khoẻ lên m-ờng trời. Thân thể của nàng đã biến thành những bông hoa Clăng màu trắng mọc đầy ven suối. Từ đó phụ nữ M-ờng từ trẻ đến già đều dùng vải trắng làm khăn đội đầu để nhớ thương một mối tình cao đẹp”.

Trong ngày lễ hội, hình ảnh của cuộn vải trắng nh- nhắc nhở mọi ng-ời nhớ về mối tình chung thủy đó. Đồng thời nó là niềm khát vọng hạnh phúc lứa đôi của thanh niên nam nữ ng-ời M-ờng. Điều đó cũng giải thích tại sao trong ngày hội ai là c- dân M-ờng đều phải đội khăn trắng trên đầu (ảnh phân phụ lục).

Một bát n-ớc lã trên mâm cỗ theo tín ng-ỡng dân gian thì nó đóng vai trò quan trọng đối với con ng-ời. Đó là nguồn n-ớc mong muốn tẩy rửa tội lỗi của con ng-ời, đó cũng là nguồn vật chất vô kể, dễ kiếm tìm không thể thiếu. Nó gắn với sinh mệnh của con ng-ời, con ng-ời cũng nh- n-ớc: nếu n-ớc sinh ra từ đất rồi bốc hơi bay lên trời rồi lại từ trời trở về đất thì con ng-ời lại sinh ra từ n-ớc, chết lại về nơi chín suối, dòng n-ớc nh- nối yếu tố âm với yếu tố d-ong làm cho mọi vật trong vũ trụ gắn kết hoà quyện với nhau. Phải chăng bát n-ớc lã trên mâm cỗ cũng mang ý nghĩa nh- thế?

Bên cạnh chiếc mâm gỗ có một chiếc đĩa đựng que cảo xin âm d-ong.

Sau khi bày đặt các mâm cỗ lễ xong xuôi. Ông mo bắt đầu tiến hành cúng. Tr-óc tiên ông mo ngồi xếp bằng, tay cầm quạt giấy cúng tại mâm của mình xin phép các ngài, mời các ngài về dự lễ cỗ lễ của làng dâng lên. Sau đó ông mo đứng lên, tay trái cầm bát n-ớc, tay phải cầm ba ngọn cỏ thài lài nhúng vào bát n-ớc, vẩy về đằng tr-ớc lại ra sau rồi sang ngang để xua đuổi tà khí, cầu an cầu mát cho dân làng. Động tác đ- a về phía tr-ớc phía sau, sang ngang thể hiện quá khứ hiện tại và t-ong lai, song trong hiện tại thì lấy quá khứ làm nền tảng và h-ớng tới một t-ong lai tốt đẹp hơn.

2.4.2. Các trò chơi, trò diễn trong lễ hội hiện nay

Phân hội đ-ợc tổ chức tại xã sân vận động của xã Phong Phú.

Hội có sự chỉ đạo của ngành văn hoá thông tin địa ph-ơng đã tổ chức các cuộc vui chơi sinh hoạt văn hoá nh- sau:

**Văn nghệ*: Có các tiết mục giao l- u văn nghệ giữa các xóm các xã nh- thi hát đối đáp, hát đúm, hát dân ca th-ờng rang, bọ mẹn,...

* *Về trò chơi*: trong lễ hội th-ờng tổ chức các trò chơi dân gian nh- : sắc bùa, chơi mảng, ném còn, chơi cù, bắn cung tên, kéo co, chơi đan lông gà giỏi, thi giã gạo nhanh,...

* *Về môn thể thao*: tổ chức thi bóng chuyền, bóng đá, cờ t-ớng...

* *Về văn hoá ẩm thực*: đây có lẽ là phần thu hút khách du lịch nhiều nhất bởi sự hấp dẫn ngon và đẹp mắt của các món ăn. Mỗi xóm, mỗi xã đều có một mâm cỗ với đầy đủ các món ăn truyền thống của dân tộc. Xóm nào có mâm cỗ nhiều món nhất, ngon nhất trình bày đẹp mắt nhất sẽ đ-ợc th-ởng. Nhìn chung các món ăn đều rất phong phú và đa dạng.

+ Ví dụ: Trong mâm cỗ của xóm Lầm, xã Phong Phú có các món nh- sau:

Một vò r-ợu cần

Thịt gà rừng nấu với măng chua, hạt dổi.

Ếch, nhái nấu với măng chua
Chở suối(ốc suối) nấu với lá dáy rừng
Cá vụn nấu lá lồm
Cá toòng khày đồ với măng chua(một loài cá chỉ to bằng ngón tay, trên thân có vạch vàng, mắt đỏ, không có vây, chuyên sống ở khe suối).
Cá bóng suối đồ với lá lồm
Cá trôi kho tộ với quả tai chua khô
Ốc lợn nộm gừng, tai, l- ỏi.
Rêu suối(tóc tiên) nấu với củ gừng sên sệt
Rêu suối cuốn chả lá b- ỏi
Rau quả đồ thập cẩm có: quả sung, lá đu đủ, lá b- ỏi, bánh tẻ, rau ngót rừng...
Quả sung muối chua
Củ kiệu muối chua
Cá trê con muối chua với củ kiệu
Cá n- ớng chả lá b- ỏi
Trứng oánh trắng trứng vịt, trứng gà.
Thịt trâu nấu lá lồm
Mộc nhĩ, nấm h- ơng nấu sên sệt với gạo tằm
Thịt dúi nấu với cây chuối non
Măng đắng, măng lành hanh đồ
Quả cọ - ớp muối
Rau sắng nấu với cây chuối non
Rau đóm đồ
Nộm hoa chuối
Cơm lam chấm muối vừng
Cơm nếp n- ớng đồ

Cơm tẻ đồ

Tổ kiến nấu lá lốt

Thịt con dơi đồ với củ sả

Món ớt ôi(ớt vỏ đen) giã với củ kiệu

Ớt chỉ thiên giã với tiết gà và lá đu đủ

CHƯƠNG 3
LỄ HỘI KHAI HẠ Ở MƯỜNG BI
VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TÂN LẠC, HÒA BÌNH

3.1. Các giá trị văn hóa, lịch sử của lễ hội Khai Hạ ở Mường Bi

Theo các tài liệu khảo cổ học cho thấy, từ thời xa xưa, Tân Lạc đã là cái nôi văn hoá phát triển của người Việt cổ, mãi đến tận thế kỷ thứ X mới tách ra thành Việt và Mường, để rồi ngay cả người Mường ở đây cũng tạo nên một sắc thái văn hoá đặc sắc nhất của tất cả xứ Mường.

Bản chất của văn hoá là luôn luôn vận động thay đổi để thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống. Không chỉ bảo tồn nét truyền thống, văn hoá của các tộc người cũng luôn luôn tiếp thu các yếu tố mới, thông qua giao lưu với văn hoá của các tộc người khác để làm mới mình. Khi tiếp cận các yếu tố mới, các tộc người đều thông qua quá trình lựa chọn, dân tộc hoá và truyền thống hoá cái mới cho thích hợp với dân tộc mình. Vì thế văn hoá của người Mường ở Mường Bi vừa đặc biệt lại vừa đặc sắc. Lễ hội Khai Hạ của họ cũng vậy, rất đặc trưng cũng rất phong phú, đa dạng. Nó vừa có những nét độc đáo của người Mường ở Mường Bi, vừa có các yếu tố mang tính vùng, miền.

Là vùng đất có bề dày lịch sử, cư dân sinh sống ở đây đại bộ phận là người Mường. Qua thời gian và năm tháng, ở vùng đất này bóng dáng nếp nhà sàn cổ truyền với ánh lửa bập bùng trong những đêm đông đã thắp dần, nhiều nét sinh hoạt văn hoá mang đậm bản sắc của đồng bào vẫn còn được lưu giữ nguyên vẹn. Và một trong những nét văn hoá độc đáo đó chính là lễ hội Khai Hạ.

Lễ Khai Hạ Mường Bi là nét sinh hoạt văn hoá của cộng đồng các xóm, các xã thuộc huyện Tân Lạc. Đây là còn là hội cầu mùa, cầu phúc của người

M- ờng. Họ gửi gắm đó những - ớc vọng lớn lao về một cuộc sống bình yên no ấm nơi bản m- ờng. Đồng thời cũng là dịp đọ tài thi sức của các làng các xóm, các xã... chốn sân chơi vui hội, trai gái có dịp làm quen và tìm hiểu, tâm tình qua lời ca tiếng hát trong đêm Khai Hạ.

Thông qua lễ hội đã tạo cho con ng- ời có mối quan hệ mật thiết hơn, xóa đi mặc cảm của cuộc sống đời th- ờng, hơn nữa nhiều cung bậc tình cảm còn nảy sinh nh- tình làng nghĩa xóm, tình yêu nam nữ... Cũng nhờ vào sự vui t- ời rộn ràng của ngày hội mà con ng- ời đã tạo nên những sắc thái mới, những giá trị mới trong cuộc sống, qua đó mỗi ng- ời đ- ợc củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính của mình với tổ tiên, với các vị thần có công với n- ớc với dân cùng tâm linh truyền thống “uống nước nhớ nguồn”.

Sau những ngày hội, nhiều trò chơi dân gian đã diễn ra, thu hút đông đảo trong xã hội tham gia. Những nét đẹp văn hóa truyền thống trong lễ hội Khai Hạ đã tạo nên một giá trị văn hoá rất độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá Hoà Bình mà không nơi nào có đ- ợc.

Nh- vậy, lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi chẳng những có giá trị to lớn về văn hoá mà nó còn có giá trị không nhỏ về mặt xã hội cũng nh- giá trị ở nhiều lĩnh vực khác nữa. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi các lễ hội đang có xu h- ớng giống nhau thì việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy đang trở thành vấn đề cấp thiết.

3.2. Tiềm năng du lịch của lễ hội Khai Hạ ở M- ờng Bi

Du lịch chỉ có thể nảy sinh và phát triển trong những điều kiện và hoàn cảnh thuận nhất định. Trong số các điều kiện trực tiếp tác động đến sự phát triển hoặc không phát triển du lịch của các vùng, miền đó là thuận lợi về môi tr- ờng tự nhiên và môi tr- ờng xã hội.

3.2.1. Ưu thế về vị trí địa lí, môi tr ờng tự nhiên

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự thành bại của các điểm du lịch, khu du lịch, tour du lịch đó là sự thuận tiện về vị trí, địa hình... của các điểm tham quan.

Tân Lạc nằm cách thành phố Hoà Bình 34 km về hướng Tây Nam, nằm trên quốc lộ 6 và đường 12B, hệ thống giao thông ở đây đang ngày được nâng cấp và mở rộng nên việc đi lại giữa các vùng và nội vùng rất thuận tiện. Bên cạnh đó, Tân Lạc nằm tiếp giáp với Mai Châu, nơi có nhiều điểm du lịch nổi tiếng, nếu theo đường 12B, từ Tân Lạc có thể qua Lạc Sơn, Yên Thủy (Hoà Bình) xuống Nho Quan (Ninh Bình) cách nhau 65 km, nơi có rừng quốc gia Cúc Phương với độ đa dạng sinh học cao. Nằm trong tổng thể các danh lam thắng cảnh độc đáo, bản thân nơi đây lại có tiềm năng du lịch to lớn, Tân Lạc trong tương lai sẽ trở thành điểm du lịch lý tưởng cho những ai đam mê với việc tìm hiểu văn hoá tộc người.

Địa hình cũng là một trong những tiền đề quan trọng góp phần tạo nên sự đa dạng phong cảnh cho một khu vực, một vùng miền, một địa phương. Đối với du lịch, địa hình càng đa dạng, sự tương phản giữa các địa phương càng cao, càng tạo ra sự độc đáo, và tất nhiên nó càng có sức hấp dẫn du khách cao. Điều này sẽ trở thành một động lực quan trọng để thu hút du khách. Tân Lạc được coi là vùng đệm giữa một bên là châu thổ Bắc Bộ và một bên là núi non điệp trùng Tây Bắc. Địa hình Tân Lạc chia cắt bởi nhiều thung lũng với nhiều con suối lớn nhỏ tạo nên những cánh đồng tương đối bằng phẳng và màu mỡ, những vùng núi đá vôi quần tụ tạo nên những bức bình phong che chắn, hình thành nên các quần thể cấu trúc của con người xưa kia.

Tất cả các yếu tố địa chất, thiên nhiên đã tạo cho Tân Lạc rất nhiều những hang động tự nhiên lớn nhỏ, với sức hấp dẫn của cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng hữu tình. Các di chỉ khảo cổ và hệ thống đình, đền, miếu, mạo gắn liền với nền

văn hoá Hoà bình hết sức độc đáo. Hang động không chỉ đơn thuần là sản phẩm của tự nhiên, tạo hoá mà với thời gian, bàn tay và khối óc của người nguyên thủy đã biến nó thành những đối tượng phục vụ cho cuộc đấu tranh sinh tồn của mình và khắc lên đó những dấu ấn văn hoá vàng son có ý nghĩa cực kỳ to lớn trong lịch sử phát triển của xã hội loài người nói chung và của khu vực Đông Nam á nói riêng. Tiêu biểu phải kể đến hang Muối nằm ở chân núi Khén thuộc thị trấn M-ờng Khén với lòng hang rộng khoảng 26 m, hang Bụt nằm trên dãy núi đá vôi thuộc thị trấn M-ờng Khén, hang Triềng Xén, hang Đấng, hang Chùa (Ngòi Hoa), động Hoa Tiên (Ngòi Hoa), mái đá Triềng Xén I, mái đá Triềng Xén II (làng Triềng Xén)... Qua khai quật ở đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy các công cụ bằng đá cuội đặc trưng của nền văn hoá Hoà Bình với các loại rìu ngắn, rìu mài l-ỏi, công cụ hình đĩa. Trong các hang có vô vàn các khối nhũ rủ xuống tạo thành nhiều hình dáng kỳ dị trông rất lạ mắt. Đặc biệt về M-ờng Bi nghe bà con say mê kể cho những câu chuyện ly kỳ về hang Ma, những chiếc sọ người có hình hài quái dị, ngổn ngang, kì bí nằm ở phía bắc núi đá Khu Chiềng cùng Khu Dọn, Khu Lô, Khu Kẽm, Khu Hẹ xếp thành hàng dài gối theo vai nhau, uốn l-ợn theo dòng lúa “thẳng băng cánh na” của “ Kho cơm bạc, kho cơm vàng” xã Địch Giáo, hay về một động Tốn (Nam Sơn) chẳng khác nào nh- Phong Nha- Kẻ Bàng với muôn ngàn tia nhũ lung linh huyền ảo với đủ hình thù hoa văn đất M-ờng rực rỡ.

Do địa hình dốc nên ở Tân Lạc, hệ thống các con suối lớn, nguồn nước dồi dào cũng đ-ợc thiên nhiên ban tặng để trở thành những dòng thác lớn, thu hút không chỉ người dân nơi đây đến chiêm ng-ỡng mà còn làm l-u luyến du khách mỗi lần có dịp ghé qua xứ sở M-ờng Bi nh- thác Khanh (Phú C-ờng), thác Trăng (Do Nhân) quanh năm nước chảy mát r-ơi.

Đặc biệt, giữa các xã đ-ợc ngăn cách không chỉ bởi đồi núi mà còn cả bằng sông suối nên việc đi lại để khám phá sơn thủy nơi đây có rất nhiều điều lý thú. Điều đó trở thành một tiềm năng du lịch rộng mở đối với Tân Lạc.

Khí hậu nơi đây rất trong lành, mát mẻ phù hợp với tiêu chí khí hậu sinh học của con ng-ời, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch phát triển.

Đối chiếu với bảng chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con ng-ời của Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995- 2010 (Tổng cục du lịch Việt Nam), khí hậu Việt Nam nói chung và M-ờng Bi nói riêng là khá thích hợp với con ng-ời với nhiệt độ trung bình cả năm đạt 22.9 °C, l-ợng m- a trung bình cả năm đạt 2000 mm.

Bảng chỉ tiêu khí hậu sinh học đối với con ng-ời

TT	ý nghĩa	Nhiệt độ TB năm (°C)	Nhiệt độ TB tháng (°C)	Biên độ nhiệt TB năm (°C)	L- ợng m- a TB mm/năm
1	Thích nghi	18- 24	24- 27	< 6	1250-1990
2	Khá thích nghi	24- 27	27- 29	6- 8	1990-2550
3	Nóng	27- 29	29- 32	8- 14	>2550
4	Rất nóng	29- 32	32- 35	14- 19	< 1250
5	Không thích nghi	>32	>35	>19	< 650

(Nguồn: Nhập môn khoa học du lịch)

3.2.2. Ưu thế về môi trường xã hội, nhân văn

Ngay từ thời xa xưa, câu ca “nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động” vẫn nh- một nỗi day dứt cho ai muốn tìm hiểu về nó, muốn đi đến tận cùng của cội nguồn M-ờng Bi. Không phải ngẫu nhiên mà nhà nghiên cứu M.Colani ng-ời Pháp từ x- a đã về với M-ờng Bi để cùng ăn, cùng ở, cùng làm ... nhằm mục đích tìm hiểu sâu sắc, cụ thể về vùng đất M-ờng Bi, về con ng-ời M-ờng Bi.

Hiện nay, mặc dù Tân Lạc ch- a trở thành điểm du lịch nổi tiếng nh- ng tiềm năng vốn có của nó lại mở ra tr- óc mắt, thôi thúc ng- ời dân M- ờng Bi và lãnh đạo huyện Tân Lạc có những chiến l- ọc nhất định để biến văn hoá xứ M- ờng thành tài nguyên du lịch thực sự.

Không chỉ đ- ọc thiên nhiên - u đãi, nơi đây vốn là vùng đất cội nguồn, là chiếc nôi của nền văn hoá M- ờng nên ng- ời M- ờng ở M- ờng Bi luôn mang trong mình dòng máu của một nền văn hoá đặc sắc hết sức đặc biệt và phong phú, mà rất nhiều trong số đó ch- a đ- ọc biết đến, hoặc ch- a đ- ọc giải mã.

Cho đến nay, ng- ời M- ờng Bi vẫn còn l- u giữ rất nhiều nét văn hoá cổ truyền trong cách ứng xử, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong tín ng- ỡng thờ cúng ... của ng- ời cổ x- a. Trải qua một cuộc đấu tranh dai dẳng, đàng đẵng mà quyết liệt giữa sự đồng hoá và chống đồng hoá, ng- ời M- ờng Bi đã thành công trong việc giữ gìn truyền thống văn hoá của mình. Vùng đất này còn đọng lại nhiều dấu ấn của nền văn hoá Hoà Bình bắt đầu mở ra từ những truyền thuyết độc đáo trong sử thi “*Đẻ đất đẻ nước*” ngày nào, trong những truyền thuyết về “Ông Đùng và Bà Đoàng”, “*Út Lót- Hồ Liêu*”... cho đến tận ngày nay con ng- ời M- ờng Bi d- ờng nh- lại đ- ọc tắm mình trong dòng n- óc mát đầu nguồn của văn hoá dân tộc, đ- ọc tận h- ởng những giây phút thiêng liêng, ng- ỡng vọng những biểu t- ượng thiêng liêng cao cả qua những tín ng- ỡng, những phong tục độc đáo chỉ ở xứ sở M- ờng Bi này mới có. Nó phản ánh tâm thức, tình cảm, nguyện vọng của con ng- ời nơi đây. Đó là sự nhân hậu, yên bình, chan hoà cũng nh- sự phấn khởi, say mê của con ng- ời vì đ- ọc giao cảm, hoà đồng với thiên nhiên, với đất trời.

Về M- ờng Bi những ngày đầu xuân là dịp đ- ọc hoà mình với lễ hội Khai Hạ M- ờng Bi vào ngày mùng 8 tháng giêng (ngày 7 cây, tháng 4 theo lịch M- ờng Bi). Mục đích của lễ hội là để cầu cho mùa màng của một năm mới thịnh

v- ọng, may mắn. Đồng thời việc thực hiện các nghi lễ trong lễ hội cũng là dịp để ng- ời M- ờng Bi nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí và bày tỏ những - ớc vọng của mình về một cuộc sống t- oại đẹp và bình yên. Đến đây du khách có thể tham gia vào nhiều trò chơi ngay tại sân M- ờng nh- đánh quay, chơi cò, đánh mảng, đi cà kheo, thi bắn nỏ, chọi gà, chọi cò... đ- ợc hoà mình vào những điệu xoè đặc sắc của những cô gái M- ờng trong những bộ trang phục rực rỡ sắc màu, những tiếng công chiêng vang ngân trong không gian rộn ràng càng làm cho không khí ngày hội thêm t- ng bừng, náo nhiệt.

Không chỉ có lễ hội Khai Hạ, ng- ời M- ờng Bi còn có hội chùa Kè, lễ cầu mùa, lễ cầu m- a, lễ rửa lá lúa, lễ mừng cơm mới, ... rất đặc sắc, thu hút sự quan tâm của nhiều du khách, nhất là những ng- ời có niềm đam mê với văn hoá M- ờng.

Những ai đến với xứ sở M- ờng Bi sẽ không bao giờ làm ngơ tr- ớc những phong tục tập quán của ng- ời dân bản địa, nó thể hiện qua đức tính thẳng thắn, trung thực, mến khách, sẵn sàng giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn... đó là những chuẩn mực đạo đức xã hội đ- ợc đề cao trong cộng đồng. Nó biểu hiện ngay trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của ng- ời dân nơi đây, điều này càng đ- ợc thể hiện rõ nét qua lễ hội Khai Hạ của họ. Ng- ời ta cho rằng, *văn hóa luôn có cái biến và bao giờ cũng có cái hằng*, đây chính là yếu tố cơ bản để tạo nên sự ổn định. Mặc dù hiện nay, do điều kiện kinh tế đã thay đổi, lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng Bi cũng có nhiều biến đổi so với tr- ớc kia, song đ- ợc tìm hiểu, đ- ợc khám phá về các nghi lễ của lễ hội Khai Hạ tr- ớc đây ta mới thấy hết đ- ợc những nét độc đáo, hấp dẫn của một nền văn hoá bản địa.

Về với Tân Lạc, về với trung tâm văn hóa lớn của ng- ời M- ờng, hiện nay cơ sở vật chất kỹ thuật ở Tân Lạc rất thuận lợi cho những chuyến thăm quan tìm hiểu về cội nguồn văn hoá dân tộc. Ng- ợc theo quốc lộ 6 đến chợ Lồ (Phong

Phú)- là chợ vùng ruột M- ờng Bi với quy mô khang trang, đ- ợc xây dựng nề nếp, ngăn nắp. Hàng tuần vào thứ t- chợ đón, thứ năm chợ chính, từ khắp các ngả đ- ờng, ng- ời dân các nơi về đây họp chợ. Khác với chợ ngày x- a lèo tèo, buồn tẻ, chợ ngày nay là một phiên chợ với đầy đủ các hàng hoá từ khắp các xóm bản, là những sản phẩm từ tay ng- ời nông dân nh- cây nhà lá v- ờn muôn thuở, những lồng gà, lồng vịt, những chú lợn M- ờng bé tẹo mà thành một mâm cỗ tinh t- ơm đãi khách, những quả trám trắng, bụi đen, những bó măng rừng, lá kìa đắng, hạt dổi, hạt he,... vẫn đem xuống chợ với vị thơm lẫn vị đắng đồng quê rừng núi, xen lẫn hàng hoá hiện đại nh- bếp ga, đài đĩa vô tuyến, xe đạp, xe máy xếp hàng chồng chất vừa rẻ, vừa đẹp hợp với ng- ời dân miền núi. Đắm mình trong không khí phiên chợ, du khách mới cảm nhận hết đ- ợc đời sống của ng- ời M- ờng Bi hôm nay. Tuy không còn những chuyến hàng nặng nhọc gánh gùi từ vùng cao, vùng th- ợng nh- ng phiên chợ Lô vẫn toát lên nét sinh hoạt văn hoá của đồng bào dân tộc vùng cao vô cùng đặc sắc.

M- ờng Bi- nơi hội tụ của núi non, nơi hun đúc nên khí thiêng sông núi, nơi có hàng loạt các chùa, các hang động ẩn khuất nh- mời gọi du khách, nơi bản làng dân tộc xanh t- ời mờ trong s- ợng khói, đẹp nh- một bức tranh thuỷ mặc, nơi có thác Khanh, thác Trăng mang mình rừng dáng núi về xuôi, n- ớc thơm ngần nh- có ai rắc hoa xuống dòng n- ớc chảy. Tất cả theo năm tháng, theo những b- ớc thăng trầm của lịch sử mà đ- ợc bồi đắp thêm ngày càng hoàn thiện, trở thành những giá trị, những danh thắng vừa cao quý, vừa thân th- ợng, sâu lắng, bay bổng kỳ diệu trong mỗi ng- ời dân M- ờng Bi. Đến M- ờng Bi, cảnh vật nh- có phép tiên khiến tâm hồn con ng- ời th- thái, say s- a chiêm ng- ỡng những tặng phẩm kỳ diệu mà thiên nhiên đã ban tặng. Nh- ng trên hết, điều khiến du khách l- u luyến và cảm động nhất vẫn là tấm lòng hiếu khách, chân tình và đầy cởi mở của ng- ời dân bản địa. Dù bạn là khách quen hay không quen, bạn đều đ- ợc đón

tiếp với tấm lòng chân thành, nồng hậu. Những cái bắt tay thật chặt, những câu chuyện kể về cái ngày trời đất M-ờng Bi còn chung làm một, những bữa cơm đạm bạc với rau rừng cá suối,... Dù b-ớc chân có đi đến đâu trên mảnh đất M-ờng Bi, du khách vẫn cảm thấy ấm lòng và tràn đầy hạnh phúc tr-ớc những ánh mắt, nụ c-ời hoan của ng-ời dân nơi đây. Quả thật, đến M-ờng Bi du khách nh- lạc vào một không gian văn hoá đậm đà nét cổ truyền, nh- quên đi mọi v-ớng bận rộn trên gian để mà say mê, mà khám phá,...

3.3. Giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch

3.3.1. Những tiền đề để định hướng phát triển du lịch

Để có đ-ợc những giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả những giá trị văn hoá truyền thống vào hoạt động kinh doanh du lịch ở M-ờng Bi, Tân Lạc, Hoà Bình, chúng ta không chỉ cần nắm bắt đ-ợc tình hình chủ tr-ong, chính sách của chính quyền địa ph-ơng mà phải biết đ-ợc ph-ơng h-ớng phát triển chung của toàn ngành. Trên cơ sở đó đề ra h-ớng đi đúng để khai thác tốt các giá trị văn hoá truyền thống vào hoạt động du lịch.

Tháng 7/ 2002 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “chiến l-ợc phát triển du lịch Việt Nam năm 2001- 2010”. Mục tiêu tổng quát là phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế về tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá lịch sử. Huy động tối đa nguồn lực trong n-ớc và tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, góp phần thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất n-ớc. Đồng thời từng b-ớc đ- a n-ớc ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ.

Để thực hiện thành công chiến l-ợc phát triển du lịch trên toàn ngành đã triển khai: “ Chương trình hành động quốc gia” với mục tiêu cụ thể:

+ Du lịch sẽ khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn sau năm 2005.

+ Phấn đấu đến năm 2005 trở đi Việt Nam trở thành quốc gia phát triển về du lịch trong khu vực. Có cơ sở vật chất kỹ thuật tương xứng, có các sản phẩm du lịch độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam và tạo lập Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trên toàn thế giới.

+ Nâng cao hình ảnh Việt Nam nói chung và xác định vị trí xứng đáng của du lịch Việt Nam nói riêng trên trường quốc tế, trên cơ sở đẩy mạnh, xúc tiến quảng bá du lịch và nâng cao nhận thức xã hội về du lịch.

+ Tạo dựng một sản phẩm về du lịch, loại hình du lịch đặc trưng có tính cạnh tranh và hấp dẫn khách du lịch. Tăng mức chi tiêu và thời gian lưu trú của khách trên cơ sở nâng cấp, đầu tư, xây dựng các khu du lịch mới, các khu vui chơi giải trí chất lượng cao và khai thác tốt các tiềm năng du lịch vốn là thế mạnh của Việt Nam.

+ Chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước về du lịch.

Trong giai đoạn tới, Tổng cục Du lịch Việt Nam tiếp tục tập trung nâng cấp và hoàn thiện hệ thống chính sách phục vụ hoạt động du lịch. Mục tiêu đến năm 2010 đón được 6 -7 triệu lượt khách quốc tế và 25 triệu lượt khách nội địa với tổng doanh thu 4 – 5 tỷ USD.

Như vậy, sau khi pháp lệnh du lịch được triển khai thực hiện, Chính phủ đã lập Ban chỉ đạo Quốc gia về Du lịch, đưa ra nhiều “chương trình hành động quốc gia về du lịch”, đây là điểm tựa quan trọng giúp ngành kinh tế du lịch vươn lên mạnh mẽ.

Vận dụng những định hướng, chiến lược do nhà nước đặt ra để phát triển du lịch, tỉnh Hoà Bình cũng như UBND huyện Tân Lạc đã có những chiến lược nhất định để phát triển du lịch địa phương, với mục tiêu du lịch Mường Bi phải được xác định là điểm đến và điểm dừng quan trọng của vùng du lịch Bắc Bộ. Như vậy việc khai thác du lịch vẫn luôn đảm bảo chất lượng môi trường địa

ph-ong. Từ đó góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa ph-ong theo h-ớng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

3.3.2. Giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch

Lễ hội Khai Hạ là một nét văn hoá đặc tr-ng của ng-ời M-ờng Bi cho đến nay, tuy đã có nhiều biến đổi về các nghi thức xong nó vẫn đ-ợc giữ gìn từ đời này qua đời khác ở M-ờng Bi. Vì vậy, bảo vệ, khai thác nó trở thành một tài nguyên du lịch để đ-a nó đến với du khách là việc làm hết sức có ý nghĩa. Bên cạnh việc bảo tồn một cách nguyên trạng những nghi lễ đó, cần có sự kế thừa và biến đổi nó sao cho phù hợp với phong tục tập quán hiện tại của ng-ời dân bản địa, trên cơ sở kế thừa mỹ tục và loại bỏ những hủ tục quá lạc hậu. Tuy nhiên, cần hạn chế việc th-ong mại hoá, tái bản các nghi lễ này trên sân khấu, điều đó sẽ làm mất đi tính nghi lễ cùng những nét tự nhiên của một lễ hội cổ truyền, điều này chắc chắn ảnh h-ởng đến tính hấp dẫn đối với du khách

Đối với các nhà quản lý điểm du lịch này cần dựa vào các quan điểm, đ-ờng lối chung, cùng với nỗ lực của chính đơn vị trực tiếp quản lý nơi đây để đ-a ra những ph-ong h-ớng cụ thể cho phát triển du lịch tại M-ờng Bi nói chung và cho lễ hội Khai Hạ của ng-ời M-ờng Bi nói riêng. Từ đó tháo gỡ những khó khăn còn tồn tại với mục đích phát huy hơn nữa những tiềm năng giàu có của vùng, hoà nhập vào sự phát triển chung của Hoà Bình. Khi thực hiện làm sao để những chiến l-ợc, chính sách quy hoạch mang tính chung chung tổng thể đ-ợc vận dụng một cách linh hoạt. Trong đó, phát triển du lịch bền vững kết hợp với việc xây dựng môi tr-ờng văn hoá trong du lịch là mục tiêu quan trọng hàng đầu đ-ợc đặt ra cho khu du lịch. Bên cạnh đó, hiệu quả về các mặt kinh tế, chính trị, an ninh trật tự, môi tr-ờng sinh thái,... cũng cần hết sức quan tâm. Hơn nữa hoạt động du lịch lại mang tính liên ngành, liên vùng, xã hội hoá cao. Vì thế, phát triển du lịch tại M-ờng Bi không chỉ là trách nhiệm của du lịch Tân Lạc mà còn

là nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân... do đó mà trong quá trình hoạt động du lịch cần có sự thống nhất cao và phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, kêu gọi sự hỗ trợ về mọi mặt từ nhiều phía, đặc biệt là chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư - Mường Bi.

Để nhận thức rõ tiềm năng du lịch của lễ hội này, Đảng bộ và chính quyền huyện Tân Lạc cần có khâu đột phá trong phát triển kinh tế là huy động mọi nguồn vốn, tập trung đầu tư cho khu du lịch Thạch Bi, Mường Bi. Đồng thời tiến hành xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống khách sạn nhỏ lẻ, nhà hàng, nhà nghỉ, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ, phát triển bưu chính viễn thông, ngân hàng, tín dụng, điện, nước, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách, hình thành các cụm làng lịch văn hoá dân tộc và phát triển các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống của đồng bào Mường Bi tại xóm ả, xóm Luỹ (Phong Phú).

Mở rộng không gian văn hoá Mường Bi thông qua việc nghiên cứu, thực hiện các biện pháp bảo tồn nghi lễ của lễ hội Khai Hạ nói riêng và các nghi lễ truyền thống của người Mường Bi nói chung. Nhằm khôi phục bảo tồn và phát huy những giá trị về mặt lịch sử cũng như về mặt văn hoá xã hội trong lễ hội Khai Hạ Mường Bi, trước hết chúng ta cần có những giải pháp sau:

Sưu tầm lại những hiện vật đã bị thất lạc.

Mua sắm, bổ sung thêm một số đồ thờ tự trong miếu.

Xây dựng thêm một số kiến trúc phụ trợ cho miếu thờ khang trang hơn.

Khôi phục lại các ban thờ trong miếu đúng vị trí các vị thần thành hoàng của làng.

Điều tra, xây dựng kịch bản, phục dựng và cho phép hàng năm tổ chức lễ hội Khai Hạ trong toàn khu vực Mường Bi.

Mỗi năm cần đào tạo thêm một đội cúng khấn có bồi dưỡng đồng thời phụ cấp cho người trông coi, hướng dẫn khói miếu thờ.

Tổ chức các cuộc thi hàng quý, hàng năm về các vấn đề có liên quan đến nội dung lễ hội Khai Hạ Mường Bi.

Viết thành sách một cách tỉ mỉ về lễ hội cũng như môi trường địa lý kinh tế xã hội của tỉnh Hoà Bình và cho xuất bản, đồng thời sản xuất các đĩa phim, đĩa nhạc và các album ảnh... về lễ hội và tỉnh Hoà Bình.

Từ năm 2000 trở lại đây, lễ hội Khai Hạ Mường Bi đã được các cấp các ngành quan tâm khôi phục lại một số nét sinh hoạt cổ truyền tuy nhiên, về mặt nội dung các nghi thức, nghi lễ của lễ hội không còn đầy đủ như trước nữa. Vì lẽ đó chúng ta cần có thời gian tiến hành điều tra, sưu tầm cũng như xây dựng, quy hoạch các dự án, đề án cho các lễ hội không chỉ ở Hoà Bình mà còn ở nhiều nơi khác.

Cần phải xây dựng các trung tâm văn hóa của người Mường như: Văn hóa du lịch theo đúng quy trình và bền vững để duy trì môi trường văn hóa. Mọi người đến thăm quan tìm hiểu về những nét văn hóa riêng mang màu sắc Mường và để thức một nền văn hóa rực rỡ có từ rất sớm vẫn được bảo tồn và phát triển.

Phát triển các đội văn nghệ quần chúng.

Tuyên truyền cho các đồng bào, nhân thức thấy những giá trị văn hóa có trong lễ hội Khai Hạ để có ý thức bảo tồn và phát huy tính bền vững của lễ hội. Đồng thời phải đào tạo một đội ngũ các cán bộ văn hóa có trình độ nghiệp vụ, am hiểu phong tục tập quán của từng vùng, từng dân tộc.

Đối với người dân địa phương đang cư trú tại Mường Bi, trước hết cần có các biện pháp thật thích hợp nhằm nâng cao nhận thức cho người dân, tạo điều kiện cho họ nhận thức được đâu là những nét tích cực, quý giá của tập quán cũ để

họ giữ gìn, đâu là những hủ tục đang gây khó khăn cho đời sống của họ để họ tự giác loại bỏ. Quan trọng hơn cả phải làm cho ng-ời dân M-ờng Bi có đ-ợc lòng tự hào về dân tộc M-ờng của mình với truyền thống tốt đẹp, với các đặc tr-ng văn hoá quý báu. Chỉ có nh- thể họ mới thật sự có trách nhiệm giữ gìn, phát triển văn hoá của dân tộc mình. Điều đó chắc chắn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đời sống văn hoá mới hiện nay, cũng nh- việc đ-a nó vào hoạt động khai thác du lịch.

Về mặt tổng thể, đi đôi với các việc cần làm trên đây, quan trọng hơn cả vẫn là chính sách phát triển kinh tế – xã hội tổng thể, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống, dân trí và trình độ văn hoá, chăm sóc tốt sức khoẻ cho ng-ời dân. Khi đó dân thêm yêu cuộc sống, yêu quý chế độ, họ tự loại bỏ hủ tục và tìm kiếm cái quý giá để giữ gìn, phát huy.

Mặt khác, mối quan hệ của ng-ời dân với du lịch đôi khi chỉ là gián tiếp, du lịch ch- a thể tận dụng đ-ợc tiềm năng từ nơi họ. Vì vậy, các nhà quản lý du lịch cần huy động nhân dân địa ph-ơng cung cấp các sản phẩm mà họ làm ra để phục vụ cho mục đích du lịch nh- dệt thổ cẩm, rau quả sạch, ... làm cho thu nhập của họ tăng lên. Ng-ợc lại, ng-ời dân địa ph-ơng cũng phải giúp đỡ các nhà quản lý ở việc tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa mình với khách du lịch khi họ đến đây bằng thái độ niềm nở, lịch sự, giúp đỡ khách khi họ muốn tìm hiểu nền văn hoá bản địa nơi đây. Đồng thời ng-ời dân địa ph-ơng khi bán hàng phải học các nội quy, quy định khi phục vụ du lịch, phải có những động tác nghiệp vụ nh- một ng-ời làm du lịch. Có nh- vậy, khách du lịch mới để lại đ-ợc nhiều ấn t-ợng tốt đẹp đối với mảnh đất M-ờng Bi này.

3.4. Một số ý t-ợng xây dựng tuor du lịch ở M-ờng Bi

3.4.1. Tour du lịch nội vùng

Việc xây dựng tour du lịch nội vùng ta có thể bắt đầu từ thị trấn M- ờng Khén đến các điểm tham quan nhỏ nh- hang Ma, hang Bụt, động Chiền Xén, động Tón, bản dân tộc M- ờng, thác Khanh, thác Trăng,... Các điểm này nằm cách nhau một khoảng không gian vừa phải, từ 500 m đến 30 km, có thể đi bộ, đi xe đạp, xe máy, ô tô, ... (cũng có thể xây dựng tour du lịch từ Hoà Bình đến các điểm này). Điều này đã tạo lợi thế rõ rệt trong việc di chuyển của du khách khi đi tham quan, rất phù hợp với các loại hình du lịch đang đ- ợc n- ớc ta chú trọng đến đó là khai thác du lịch văn hoá để tìm hiểu đời sống văn hoá của ng- ời dân bản địa, thu hút đ- ợc sự quan tâm của nhiều du khách.

- **Ch- ơng trình du lịch nội vùng**

Ch- ơng trình : Hoà Bình – Tân Lạc – Kim Bôi (2 ngày 1 đêm)

Ngày 1: Hoà Bình – Tân Lạc

Sáng: theo quốc lộ 6 đi thăm thủy điện Hoà Bình (trung tâm đón khách, nhà truyền thống, bức th- thế kỷ, đài t- ởng niệm, các tổ máy, đập xả lũ, t- ơng đài Hồ Chí Minh). Sau đó tiếp tục đi Tân Lạc.

Tr- a: Nhận phòng, ăn tại khách sạn An Lạc (Tân Lạc) .

Chiều: Thăm quan bảo tàng không gian văn hoá M- ờng (tìm hiểu về lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng Bi), động Hoa Tiên, hang Chứa, hang Triền Xén, thác Trăng, thác Khanh, thung lũng Mây.

Tối: xem văn nghệ dân tộc và nghỉ tại khách sạn

Ngày 2: Tân Lạc- khu du lịch n- ớc khoáng Kim Bôi

Sáng: ăn sáng tại Tân Lạc, tham quan hang Muối, hang Bụt.

Tr- a: ăn và nghỉ tr- a tại Kim Bôi

Chiều: tắm n- ớc khoáng rồi về thành phố Hoà Bình.

3.4.2. Tour du lịch ngoại vùng

Lấy mốc xuất phát từ Hà Nội bao gồm các điểm tham quan kết hợp trong một tour sẽ có sức hút lớn đối với khách du lịch. Việc kết hợp này giúp du khách có thể tìm hiểu đ- ợc nhiều điều về văn hoá bản địa của ng- ời dân địa ph- ơng mà không tốn nhiều lần đi lại, tạo điều kiện cho mô hình du lịch này đ- ợc triển khai một cách rộng rãi trên mảnh đất Hoà Bình.

- **Ch- ơng trình du lịch ngoại vùng**

Ch- ơng trình 1: Hà Nội- Hoà Bình (4 ngày- 3 đêm)

Ngày 1: Hà Nội- Tân Lạc

Sáng: Đi ô tô đến thị trấn M- ờng Khến, ăn tr- a tại thị trấn M- ờng Khến.

Chiều: tham quan M- ờng Chùa, hang Muối, hang Bụt, hang Triềng Xén, mái đá Triềng Xén I, II, III.

Tối: nghỉ tại An Lạc, xem biểu diễn văn nghệ dân tộc M- ờng.

Ngày 2: Tân Lạc

Sáng: ăn sáng tại khách sạn, tham quan động Hoa Tiên, thung lũng Mây, thác Khanh.

Tr- a: ăn tr- a tại khách sạn.

Chiều: tham quan bảo tàng không gian văn hoá M- ờng (kết hợp tìm hiểu lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng Bi)

Tối: th- ờng thức ẩm thực của ng- ời M- ờng

Ngày 3: Tân Lạc- Mai Châu

Sáng: Đi đến bản Văn, bản Xô tham quan mua sắm.

Tr- a: ăn tr- a tại bản Văn

Chiều: Đi bộ từ bản Văn đến tham quan bản Lác.

Tối: ăn tối và xem biểu diễn văn nghệ dân tộc Thái.

Ngày 4: Bản Lác- Hà Nội

Sáng: Bản Lác- Kim Bôi.

Tr- a: ăn tr- a tại Kim Bôi.

Chiều: Tắm suối n- óc khoáng Kim Bôi, sau đó về Hà Nội.

Ch- ong trình 2: Hà Nội – Hoà Bình (2 ngày – 1 đêm).

Ngày 1: Hà Nội- Thuỷ điện Hoà Bình – Tân Lạc.

Sáng : Từ Hà Nội đi thăm thuỷ điện Hoà Bình.

Tr- a: Ăn tr- a tại thành phố Hoà Bình.

Chiều: đi Tân Lạc, tham quan hang Muối, hang Bụt, hang ma, về Bảo tàng không gian văn hoá M- ờng.

Tối: Tìm hiểu lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng kết hợp với xem biểu diễn văn nghệ dân tộc tại bảo tàng.

Ngày 2: Tân Lạc- Kim Bôi- Hà Nội.

Sáng: Về thị trấn M- ờng Khến, tham quan M- ờng Chùa

Tr- a: ăn tr- a tại thị trấn M- ờng Khến.

Chiều: qua Kim Bôi tắm suối n- óc khoáng sau đó về Hà Nội.

*

* *

T- ong lai, ngành kinh tế du lịch sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của huyện Tân Lạc. Do vậy, Đảng bộ và UBND huyện cùng các cấp các ngành cần quan tâm đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Bên cạnh đó, các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên cũng nh- nhân văn cần phải đ- ợc khuyến khích phát huy hơn nữa các giá trị của nó trong hoạt động du lịch. Theo đó, lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- ờng Bi cũng cần đ- ợc quan tâm để đ- a vào khai thác du lịch một cách có hiệu quả. Điều đó vừa có giá trị bảo tồn giá trị văn hoá của nó, vừa có ý nghĩa trong việc phát triển du lịch ở Tân Lạc nói riêng và tỉnh Hoà Bình nói chung.

KẾT LUẬN

Tân Lạc có một bề dày lịch sử, là vùng đất cổ. Nơi đây là trung tâm lớn của ng-ời M-ờng Bi và cũng là cái nôi của nền văn hoá Hoà Bình nổi tiếng thế giới, đã góp phần xây dựng nền văn minh châu thổ sông Hồng. Lịch sử dựng n-ớc và giữ n-ớc của cha ông đã để lại cho các thế hệ của ng-ời M-ờng trên mảnh đất Tân Lạc ngày nay truyền thống đoàn kết gắn bó, đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, cần cù lao động, t-ơng thân t-ơng ái, thuỷ chung và anh dũng chiến đấu quật c-ờng trong đấu tranh chống thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm thời tr-ớc và trong quá trình xây dựng cuộc sống mới hôm nay.

Bởi sống ở vùng núi nên ng-ời M-ờng Bi có cơ hội bảo l-u đ-ợc những nét văn hoá truyền thống và những lễ hội cổ truyền trong đó có lễ hội Khai Hạ. tuy cũng chịu nhiều tác động của chủ tr-ơng, chính sách mới nền văn hoá, kinh tế, xã hội có nhiều biến đổi theo h-ớng tiến bộ, sông đa số t-ơng đối chậm chạp. Bức tranh toàn cảnh văn hoá M-ờng Bi đ-ợc biểu hiện qua nhà ở, trang phục, ăn uống và đặc biệt là qua những phong tục, tập quán và những lễ hội cổ truyền độc đáo. Lễ hội Khai hạ đã thể hiện một cách sống động nét đẹp văn hoá cổ truyền nơi đây. Hơn nửa thế kỷ qua, cùng với việc hình thành chế độ mới, lễ hội Khai Hạ của ng-ời M-ờng Bi vẫn tiếp tục phát triển trên cơ sở kế thừa, cải biến những nghi lễ truyền thống, đồng thời tiếp thu thêm những yếu tố mới trong sự phát triển chung của đất n-ớc. Tuy nhiên do những tác động khách quan từ phía môi tr-ờng mang lại, tác động chủ quan từ ý thức của con ng-ời không nhận thức

đ- ợc ý nghĩa văn hoá của các nghi lễ trong lễ hội, do đó nó đã ngày bị mai một đi khá nhiều. Vì thế, việc phục hồi và bảo tồn nó sẽ gặp không ít khó khăn. Muốn thực hiện đ- ợc cần có sự quan tâm chỉ đạo và đầu t- đúng mức của chính quyền và các ban ngành ở các cấp, các ngành và sự tâm huyết của những ng- ời quan tâm đến sự tồn vong của lễ hội độc đáo này.

Để hồi sinh và phục vụ tốt cho hoạt động khai thác du lịch, cần phải tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về giá trị của nó đối với các thế hệ trẻ ở M- òng Bi, sau đó kết hợp tham quan tìm hiểu lễ hội Khai Hạ với việc tham quan các di tích lịch sử và các giá trị văn hoá phi vật thể khác để xây dựng nên các tuyến, các tuor du lịch văn hoá ở M- òng Bi ngày một hấp dẫn du khách. Bởi vậy, trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế, khu vực diễn ra ngày càng mạnh mẽ và đang làm cho lễ hội Khai Hạ của ng- ời M- òng Bi có những thay đổi đáng kể, nh- ng nếp sống M- òng vẫn tiềm ẩn đầy sức sống trong các vùng thung lũng và sẽ tr- òng tồn mãi với thời gian, mở ra một tiềm năng du lịch rộng lớn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Văn Ân (2002), *Đường lên trời*, Nxb, Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Đinh Văn Ân (2005), *Nhạc lễ của người Mường và người Thái ở Phù Yên, tỉnh Sơn la*, Nxb, KHXH, Hà Nội.
3. Bùi Chỉ (2001), *Văn hóa ẩm thực dân gian Mường Hòa Bình*, Nxb VHDT, Hà Nội.
4. Jeand Cuisinier (1995), *Người Mường (Địa lý nhân văn và xã hội học)*, Nxb Lao động, Hà Nội.
5. Cao Sơn Hải (2006), *Tục ngữ Mường*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
6. Cao Sơn Hải (2005), *Truyện Nàng Nga hai mối*, Nxb KHXH, Hà Nội.
7. Cao Sơn Hải (2006), *Văn hóa dân gian Mường*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
8. Nguyễn văn Huy (1998) *Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
9. Bùi Văn Kín (1972), *Góp phần tìm hiểu tỉnh Hòa Bình*, Ty văn hóa tỉnh Hòa Bình.
10. Bùi Tuyết Mai (2003), *Người Mường ở Việt Nam (sách ảnh)*, Nxb VHDT.
11. Nguyễn Thị Thanh Nga...(2003), *Người Mường ở Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
12. Hoàng Anh Nhân (1986), *Tuyển tập truyện thơ Mường*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Bùi Thị Kim Phúc (2004), *Nghi lễ mo trong đời sống tinh thần của người Mường*, Nxb, KHXH, Hà Nội.
14. Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Hà Sơn Bình (1988), *Người Mường với văn hóa cổ truyền Mường Bi*.
15. Sở văn hóa Thông tin, Hội văn hóa các dân tộc Hòa Bình (1995), *Văn hóa dân tộc Mường*.

16. Trần Từ (1996), *Người Mường ở Hòa Bình*, Hội KH Lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
17. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (1995), *Nội dung cuộc vận động nếp sống văn hóa tỉnh Hòa Bình*.
18. Viện Dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. KHXH, Hà Nội.
19. Trần Quốc Vượng (1996), *Đôi điều về văn hóa Mường*, Dân tộc & Thời đại, số 23.

PHỤ LỤC

1. DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP TƯ LIỆU

STT	HỌ TÊN	DÂN TỘC	TUỔI	GIỚI	NGHỀ NGHIỆP	CHỖ Ở (xã)
1	Bùi Văn Út	Mường	93	Nam	Thầy mo	Ngổ Luông
2	Bùi Văn Nhịnh	Mường	67	Nam	Hưu trí	Ngổ Luông
3	Bùi Thị Pánh	Mường	68	Nữ	Nông dân	Phong Phú
4	Bùi Thị Lung	Mường	46	Nữ	Nông dân	Địch Giáo
5	Bùi Thị Sin	Mường	92	Nữ	Nông dân	Do Nhân
6	Bùi Thị Im	Mường	63	Nữ	Cán bộ nghỉ hưu	Địch Giáo
7	Bùi Văn Chuẩn	Mường	65	Nam	Cán bộ nghỉ hưu	Địch Giáo
8	Bùi Văn Ếnh	Mường	79	Nam	Nông dân	Phong Phú
9	Bùi Văn Phong	Mường	43	Nam	P.Chủ tịch xã	Địch Giáo
10	Bùi Thị Thử	Mường	35	Nữ	Giáo viên TH	Địch Giáo

2. SỰ TÍCH MƯỜNG BI

Ngày ấy đã xa lắm rồi có một Mường lớn giàu có nhất vùng. Làng Mường lúc nào cũng thơm mùi cơm nếp. Mỗi chiều về tiếng mõ trâu rộn rã con đường vào xóm. Ngày lễ tiếng cồng bay xa năm núi mười Mường, tiếng vui mời rượu cần của các bố quện lẫn tiếng hát thường đàng của các mẹ làm me say mỗi người khách về Mường.

Cuộc sống no đủ và vui tươi ấy làm ông Trời khó chịu. Từ chín tầng mây ông vén mây nhìn xuống. Lạ thay, sau họ sống sung sướng thế kia, ông muốn họ khổ ải mới cam lòng. Vì thế, ông gọi thần Mưa đến sai gây mưa lũ phá cảnh yên bình dưới trần gian.

Biết được ý Trời chỉ có chú rùa. Rùa vội vàng gom ít trứng đang ấp định ngược lên đỉnh núi Trù, cao nhất Mường để tránh lũ. Nhưng không may cho chú một cặp bố mẹ ở Mường đi rừng về trông thấy liền tóm luôn rùa mang về nhà.

Rùa bị xô dây vào mai, treo ngay vào cột có rầy rụa thế nào cũng không gỡ ra nổi. Lúc ấy thần Mưa đã choàng áo đen bay đến Mường, tay phải thần vung túi nước, tay trái thần vung túi gió làm cây cối nghiêng ngã, sông nước xoáy cồn. Mưa mỗi lúc một to, gió mỗi lúc một lớn, mà bố mẹ vẫn không hay biết gì. Rùa vội khẩn khoản:

- Bố mẹ ơi! Lại đây tôi bảo.

Bố mẹ nghe lạ liền đi lại hỏi:

- Con rùa, mà bảo gì vợ chồng ta?

- Bố hãy cởi trói tôi ra, tôi sẽ mách điều này cứu sống bố mẹ.

Bố mẹ thưa rằng:

- Mà nói gì tao không hiểu? Mà bảo cứu sống vợ chồng tao à! Mà nói đi! Nếu mách điều hay tao sẽ tha ngay cho mà sống. Nếu thưa điều giả tao sẽ lột mai mà.

Rùa nói rõ dã tâm của trời để bố mẹ hay. Nghe xong, bố mẹ cởi dây trói cho rùa và hỏi:

- Bây giờ chúng ta phải làm gì hả rùa?

- Bây giờ ông hãy lấy cây nổi ghép thành mảng sẽ thoát chết, còn tôi bơi được trên nước tôi sẽ bơi về phía ngọn Trù để lánh nạn. Bố mẹ làm nhanh lên nước dâng lên bây giờ đấy.

Vừa dứt lời nước đã lên lán các vùng. Nước nhích đến chân thang. Bố vội vàng dẫn hơn chục cây chuối dùng dây mây, dây song ghép thành mảng. Mẹ thu ào

mấy vác lúa vút lên mông. Mọi việc chưa xong thì dòng nước lũ đã sôi réo cuốn phẳng ngôi nhà bố mẹ đi.

Bố mẹ ngồi trên bè mặc cho dòng nước đưa đến đâu hay đến đó. Nước lên một lúc một cao, những ngọn núi thấp đã ngập đến ngọn, núi cao chỉ còn thò chóp nón. Trên trời mịt mù mây đen, dưới đất mênh mông sóng nước. Cơ sự ấy, dân chúng trong mừng đến chết cả chẳng còn ai sống nổi bởi tai họa do trời gây ra.

Một tuần, hai tuần nước vẫn không rút, trời vẫn không ngớt mưa. Bè chuổi của bố mẹ ngâm nước đã lâu bắt đầu rữa ra chỉ ngày một, ngày hai bố mẹ sẽ không tài nào ở nổi.

Sự thể mới nguy ngập làm sao. Bố mẹ trông trời, trông đất, trông mây càng lo lắng.

May thay lúc đó bè chuổi của bố mẹ đang trôi dạt thì mắc phải một ngọn cây. Bố mẹ bấu chặt lấy ngọn cây đó, tưởng ngọn cây gì hóa ra là ngọn cây gỗ Pi vẫn còn tươi nguyên không bị tróc rễ, mọc trên đỉnh núi Trù. Bố mẹ bèn ghim bè chuổi lên ngọn cây gỗ Pi đó sống qua ngày.

Sau hơn một tháng trừng phạt con người, ông Trời vén mây nhìn xuống trần gian chẳng còn thấy vật gì ngoài tầng tầng lớp lớp sóng nước. Hả lòng hả dạ về việc làm đó ông mới sai thần mưa rút nước về.

Nước rút dần cây cỏ ủng eo chết thối. Con người cùng muôn vật phơi xác đầy núi, đầy đồi. Bố mẹ nhờ cây Pi mà thoát nạn lạng lẽ đi thu dọn xác người chết, chôn cất cẩn thận làm phúc cho người quá cố.

Cây cối trong mừng chết cả chỉ còn lại cây Pi. Cây Pi được ánh nắng mặt trời sưởi ấm đã bén rễ và nảy nhành ra lá, chẳng mấy chốc mà tươi xanh ra hoa, đậu quả, gieo hạt đi các nơi xa, nơi gần.

Nước đã rút hết vùng mừng còn trơ trọi bố mẹ ăn ở với nhau. Ít ngày sau mẹ mang thai. Cũng kể từ đó bố mẹ sinh nhiều con nữa. Vùng mừng dần dần người đông đúc lên.

Vùng đất ấy sau này cây Pi phát triển thành rừng. Nhờ ơn cứu sống mình, bố mẹ liền đặt tên cho vùng mừng họ sống là mừng Pi.

Ơn cây Pi, “sống để bụng, chết mang theo”, bố mẹ không quên dặn con cháu: Nếu họ chết, cháu con phải lấy gỗ Pi làm quan tài để họ gửi thân.

Tục lấy gỗ cây Pi làm quan tài và kiêng lấy gỗ cây Pi làm củi ở mừng Bi hiện nay vẫn còn ư.

Cũng vì công lao của rùa mà người mừng Bi không săn bắt rùa về ăn thịt.

Một số hình ảnh

Lãnh đạo huyện Tân Lạc đánh hồi trống khai mạc lễ hội



Lễ hội bắt đầu bằng lễ tế



lễ hội có sự tham gia của 300 chiếc công chiêng



Các cô gái M- ờng trong ngày Khai Hạ



Tiết mục múa: “hôn công hội xuân” của người Mường , Hoà Bình



Màn múa tái hiện quá trình dựng bản, lập M- ờng



Thi đan lồng gà giỏi tại lễ hội Khai Hạ



Thi bắn nỏ



Các món ăn độc đáo của dân tộc M- ờng



Đêm hội r- ợu cần

